

HOÀ



G

GT.0000025017

*Giáo trình*

# GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ MẦM NON



PGS.TS. HOÀNG THỊ PHƯƠNG

GIÁO TRÌNH

# GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ MẦM NON

(In lần thứ tư)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

## NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

---

Địa chỉ: 136 Xuân Thuỷ, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.37547735 | Fax: 04.37547911

Email: hanhchinh@nxbdhsp.edu.vn | Website: www.nxbdhsp.edu.vn

# GIÁO TRÌNH GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ MẦM NON

PGS.TS. HOÀNG THỊ PHƯƠNG

---

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

Giám đốc ĐINH NGỌC BẢO

Tổng biên tập ĐINH VĂN VANG

*Người nhận xét:*

GS.TS. ĐINH QUANG BẢO

PGS.TS. LÊ THANH THỦY

*Bíên tập nội dung:*

NGUYỄN NGỌC HÀ

*Kỹ thuật vi tính:*

NGUYỄN NĂNG HUNG

*Trình bày bìa:*

PHẠM VIỆT QUANG

---

Mã số: 01.01.92/1001 – DH 2013

In 1.000 cuốn, khổ 17×24cm, tại Công ty TNHH in Thanh Bình.

Đăng kí KHXB số: 74-2013/CXB/92-84/DHSP ngày 14/1/2013.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2013.

# MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu .....	5
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>7</b>
<i>Mục tiêu .....</i>	7
1. Tầm quan trọng của việc giáo dục môi trường hiện nay .....	7
2. Khái niệm "Giáo dục môi trường" .....	12
3. Phát triển bền vững và giáo dục môi trường .....	14
4. Các khái niệm cơ bản trong giáo dục môi trường .....	17
5. Các hoạt động giáo dục môi trường .....	20
6. Module giáo dục môi trường .....	22
7. Sơ lược về tinh hình giáo dục môi trường hiện nay .....	27
<i>Câu hỏi và bài tập .....</i>	29
<b>Chương 2. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ MẦM NON .....</b>	<b>30</b>
<i>Mục tiêu .....</i>	30
1. Khái niệm "Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non" .....	30
2. Ý nghĩa của giáo dục môi trường với sự phát triển của trẻ mầm non .....	31
3. Bản chất của việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non .....	33
4. Đặc điểm linh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non .....	36
5. Quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ mầm non hiện nay .....	39
<i>Câu hỏi và bài tập .....</i>	40
<b>Chương 3. QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG Ở TRƯỜNG MẦM NON .....</b>	<b>41</b>
<i>Mục tiêu .....</i>	41
1. Mục đích giáo dục môi trường cho trẻ mầm non .....	41
2. Nhiệm vụ giáo dục môi trường cho trẻ mầm non .....	42
3. Nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non .....	42

4. Phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non .....	55
5. Các hình thức giáo dục môi trường ở trường mầm non.....	64
6. Điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ mầm non .....	91
<i>Câu hỏi và bài tập .....</i>	94
<b>Tài liệu tham khảo .....</b>	<b>95</b>
A. Tài liệu tiếng Việt.....	95
B. Tài liệu tiếng Anh.....	96
C. Tài liệu tiếng Nga .....	96
<b>Phụ lục .....</b>	<b>97</b>
1. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án "Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân" .....	97
2. Chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác giáo dục bảo vệ môi trường .....	100

# Lời nói đầu

---

Môi trường có vai trò quan trọng đối với sự sống và chất lượng cuộc sống của con người, cũng như đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Vì vậy, trong quá trình phát triển, con người không chỉ khai thác, chế ngự tự nhiên mà còn phải giữ gìn và bảo vệ môi trường tự nhiên, tạo lập môi trường nhân tạo phù hợp nhằm xây dựng một cuộc sống tốt đẹp cho thế hệ hôm nay và ngày mai. Trong việc bảo vệ môi trường, giáo dục môi trường được coi là biện pháp có hiệu quả cao vì nó giúp con người có được nhận thức đúng đắn về việc khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và có ý thức trong bảo vệ môi trường.

Giáo trình *Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non* bao gồm ba chương và phần phụ lục. Chương 1, trình bày một số vấn đề lí luận chung về giáo dục môi trường; Chương 2, làm rõ cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; Chương 3, trình bày cụ thể về quá trình giáo dục môi trường ở trường mầm non; Phần phụ lục, giới thiệu quyết định của Chính phủ và chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo về vấn đề giáo dục môi trường trong trường học. Như vậy, giáo trình không chỉ đáp ứng yêu cầu nội dung môn học Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Giáo dục mầm non mà còn là nguồn tư liệu cần thiết cho giáo viên mầm non, cha mẹ trẻ và những ai quan tâm đến việc giáo dục môi trường cho trẻ lứa tuổi này.

Giáo trình *Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non* góp phần cụ thể hoá quan điểm giáo dục tích cực hướng vào sự phát triển trẻ mầm non, lấy hoạt động làm phương tiện để thực hiện mục đích giáo dục trẻ. Tài liệu trang bị cho giáo viên mầm non những kiến thức chung về giáo dục môi trường và giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; hình thành các kỹ năng quan trọng giúp họ biết cách thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường phù hợp với trẻ mầm non.

Chúng tôi chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bạn đồng nghiệp và rất mong nhận được sự góp ý xây dựng của bạn đọc để giáo trình ngày càng được hoàn thiện hơn.

Tác giả



## Chương 1

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG

---

### MỤC TIÊU

Sau khi học xong phần này, sinh viên cần:

- Phân tích được khái niệm “Giáo dục môi trường”.
- Phân tích được sự cần thiết phải giáo dục môi trường hiện nay.
- Hiểu được các khái niệm cơ bản trong giáo dục môi trường.
- Xác định được các hoạt động giáo dục môi trường.
- Mô tả được cấu trúc module giáo dục môi trường.
- Tổng quan được lịch sử quá trình triển khai công tác giáo dục môi trường trên thế giới và trong nước.

### 1. Tầm quan trọng của việc giáo dục môi trường hiện nay

#### 1.1. Những vấn đề chính về môi trường trên thế giới hiện nay

Hiện nay, môi trường đang diễn biến rất phức tạp ở tất cả các quốc gia trên toàn thế giới. Trong *Báo cáo tổng quan môi trường toàn cầu năm 2000* của Chương trình môi trường Liên hợp quốc viết tắt là “GEO - 2000” đã tổng kết những gì chúng ta đã đạt được với tư cách là người sử dụng và gìn giữ các hàng hoá và dịch vụ môi trường trong thế kỉ XX và những khó khăn khi loài người bước vào thế kỉ XXI. Cụ thể: Các hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh sinh thái nhân tạo toàn cầu bị đe doạ bởi sự mất cân bằng sâu sắc trong năng suất và phân bố hàng hoá, dịch vụ. Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng tăng. Chính điều này đang đe doạ sự ổn định của toàn bộ hệ thống nhân văn và môi trường toàn cầu. Thế giới hiện nay đang biến đổi, trong đó, sự phối hợp quản lý môi trường ở quy mô quốc tế không tương thích với sự phát triển kinh tế - xã hội của loài người. Những thành quả về môi trường thu được nhờ công nghệ và những chính sách mới đang không theo kịp nhịp độ, quy mô gia tăng dân số và sự phát triển.

Những vấn đề chính về môi trường trên thế giới hiện nay được thể hiện ở các điểm sau đây.

- Sự phát tán ở quy mô sinh quyển của các chất gây ô nhiễm làm biến đổi khí hậu. Tất cả các chất gây ô nhiễm chủ yếu sinh ra từ các nước công nghiệp phát

triển phát tán vào không khí qua đường bốc hơi và đốt cháy. Trong đó, đốt cháy là nguyên nhân chính tạo ra các khí độc và bụi, là nguyên nhân cơ bản làm biến đổi khí hậu Trái Đất.

– Sự suy giảm tầng ôzôn. Tầng ôzôn có vai trò bảo vệ sinh quyển, vì nó ngăn chặn các tia sóng ngắn có nhiều tác động mang tính chất phá huỷ đối với con người và tất cả các sinh vật làm biến đổi các nhân tố vô cơ của môi trường. Khí ôzôn tầng bình lưu khí quyển, gần bề mặt Trái Đất, tập trung thành một lớp dày ở độ cao từ 16 - 40km bảo vệ sự sống trên Trái Đất do có khả năng lọc, giảm bớt tia cực tím phát ra từ Mặt Trời. Còn ôzôn tầng đối lưu là nguồn gây ô nhiễm không khí nghiêm trọng vì nó tạo ra sương mù quang hoá màu vàng nhạt, kích thích các màng nhày mắt, đường hô hấp, thường xuyên xuất hiện ở các thành phố đầy nắng.

– Sự vận chuyển xuyên biên giới các sản phẩm và chất thải nguy hại. Các chất thải nguy hại như chất phóng xạ, chất bảo vệ thực vật, các kim loại nặng, rác thải điện tử, bệnh viện... được loại bỏ trong quá trình sản xuất và hoạt động sống ở các nước công nghiệp đang được vận chuyển vào các nước kém và đang phát triển.

– Sự ô nhiễm môi trường: Sự phát triển đô thị, khu công nghiệp, du lịch và việc đổ bỏ các loại chất thải vào đất, biển, thuỷ vực đã gây ô nhiễm môi trường ở quy mô ngày càng rộng. Ô nhiễm không khí, rác thải, chất nguy hại, tiếng ồn, ô nhiễm nguồn nước là những vấn đề trầm trọng về môi trường ở nhiều vùng lãnh thổ, quốc gia và toàn cầu.

– Sự suy giảm đa dạng sinh học trên Trái Đất: Các loại động, thực vật trên Trái Đất góp phần quan trọng trong việc duy trì sự cân bằng môi trường sống, bình ổn khí hậu, làm sạch các nguồn nước, hạn chế xói mòn, làm tăng độ phì nhiêu của đất... Sự đa dạng của tự nhiên cũng là nguồn vật liệu quý cho các ngành công nghiệp, dược phẩm, du lịch, thực phẩm, là nguồn gen quý hiếm để tạo ra các loài mới nhưng hiện nay đang bị suy giảm mạnh mẽ.

– Sự gia tăng dân số. Sự gia tăng dân số đi đôi với nghèo đói, suy thoái môi trường, kinh tế bất lợi đã dẫn đến xu hướng mất cân bằng giữa dân số và môi trường.

– Sự suy giảm các nguồn tài nguyên. Các nguồn tài nguyên đang càng ngày càng suy giảm do khai thác nhiều, đặc biệt là tài nguyên rừng và các tài nguyên tái sinh khác.

## **1.2. Vấn đề môi trường ở Việt Nam và sự suy thoái môi trường**

Môi trường là hệ thống mờ, quốc gia này gây ô nhiễm sẽ không chỉ nước đó chịu ảnh hưởng mà còn gây ảnh hưởng đến các quốc gia khác. Cho nên, những vă-

dề môi trường quốc tế cũng là vấn đề môi trường ở Việt Nam. Nước ta là nước đang phát triển, tuy vừa gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế và hội nhập toàn diện với nền kinh tế thế giới, nhưng cũng còn có những đặc thù riêng.

### 1.2.1. Toàn cầu hóa và vấn đề môi trường ở Việt Nam

Tình hình kinh tế thế giới trong thời kì hội nhập hiện nay đã dẫn đến sự thay đổi cơ cấu thị trường rộng lớn và sâu sắc hơn, làm ra nhiều sản phẩm hơn, tạo ra nhiều công ăn việc làm và nâng cao thu nhập của nhiều người dân. Tuy nhiên, điều này cũng tạo ra hàng loạt những tác động tiêu cực sau đây:

a) *Sự gia tăng bất bình đẳng kinh tế giữa các nước*. Để đối phó với thách thức môi trường trong toàn cầu hóa, các quốc gia phát triển đã tạo ra những hàng rào chán với hai hình thức là:

– Áp dụng đánh thuế tài nguyên, trong đó quy định nghiêm ngặt hàm lượng tài nguyên thô như là biện pháp bảo vệ môi trường, ngăn chặn khai thác cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Như vậy, hàng hóa các nước đang phát triển (trong đó có nước ta) muốn nhập khẩu vào các nước phát triển phải chịu thuế nhiều hơn vì hàm lượng tài nguyên thô lớn.

– Việc sử dụng những tiêu chuẩn môi trường, vệ sinh an toàn, đảm bảo sinh thái, trợ cấp nông sản như rào cản hộ sản xuất trong nước, chống lại sản phẩm nhập khẩu với lý do các sản phẩm này không đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường.

b) *Các tác động của nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội trong quá trình hội nhập đến môi trường ở nước ta*

Sau khi tham gia vào nền kinh tế thế giới, đã có nhiều dự án đầu tư của nước ngoài hoạt động có hiệu quả ở nước ta. Tuy nhiên, quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế gia tăng đã gây ra nhiều tác động tới môi trường thông qua các hoạt động kinh tế, du lịch, nghỉ dưỡng và nghiên cứu khoa học. Có thể phân loại như sau:

– Tác động theo quy mô: Do đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp về sản lượng lúa và nông sản xuất khẩu đi đôi với việc gia tăng sử dụng phân bón hoá học, mở rộng hệ thống tưới tiêu dẫn đến ô nhiễm đất, nước. Đối với các khu đô thị, việc xây dựng các khu công nghiệp, chế xuất gây ô nhiễm không khí, chất thải rắn, lỏng.

– Tác động lên cơ cấu kinh tế: Sự hội nhập quốc tế theo cơ chế thị trường đi cùng với sự thay đổi cấu trúc kinh tế và cơ cấu sản xuất. Loại sản phẩm mới không phải là truyền thống của địa phương được đưa vào sản xuất tạo ra các khu chế xuất, du lịch quốc tế...

– Tác động lên công nghệ: Quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế làm thay đổi hình thái quản lý, xử lý chất thải và các công nghệ chống ô nhiễm.

– Tác động lên sản phẩm: Sự hội nhập và hợp tác quốc tế cũng tác động mạnh mẽ lên sản phẩm làm thay đổi mẫu hình tiêu thụ. Thị hiếu của khách quốc tế tăng lên theo xu thế tiêu thụ những mặt hàng có chất lượng cao, an toàn sinh thái.

#### 1.1.2. Toàn cầu hóa và an ninh môi trường

An ninh môi trường là khả năng môi trường có thể đáp ứng các chức năng của con người một cách bền vững: cung cấp nơi ở, năng lượng, nguyên liệu, khả năng chấp nhận chất thải, cung cấp thông tin khoa học và các tiện nghi môi trường... Các nguyên nhân xung đột và mất an ninh là những vấn đề tổng thể, da nhân tố và kết hợp chặt chẽ. Tuy nhiên, sự suy thoái môi trường, suy giảm tài nguyên đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự mất an ninh của con người từ cấp cộng đồng, quốc gia và quốc tế.

Xung đột môi trường bao gồm các vấn đề sau:

– Tranh chấp môi trường và tài nguyên: Sự tranh chấp này đã và đang gây ra những xung đột về kinh tế, chính trị.

– Chuyển dịch ô nhiễm: Các nước phát triển thoái thác trách nhiệm đối với vấn đề ô nhiễm môi trường bằng cách chuyển dịch những xí nghiệp gây ô nhiễm sang các nước đang phát triển.

– Xâm lược sinh thái: Là tình trạng “nhập siêu tài nguyên” ở các nước phát triển. Do ý thức bảo vệ môi trường của người dân tăng lên, nhiều nhà máy xí nghiệp đang áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường. Các dự án đầu tư buộc phải thẩm định về môi trường...

#### 1.2.3. Sự suy thoái môi trường ở Việt Nam

Sự suy thoái môi trường ở nước ta bao gồm các lĩnh vực sau:

– Sự suy thoái tài nguyên rừng. Tài nguyên rừng ở miền núi, trung du, rừng ngập mặn ven biển ngày càng bị suy thoái nghiêm trọng: diện tích rừng che phủ tự nhiên ngày càng giảm; diện tích rừng nguyên sinh chưa bị tác động chỉ còn tỉ lệ rất nhỏ, nằm rải rác ở các vùng núi cao. Đây là mối đe doạ đối với đa dạng sinh học của rừng. Rừng ngập mặn ngày càng giảm do sự khai thác ồ ạt thiếu quy hoạch và sự cạnh tranh gay gắt với việc nuôi trồng thuỷ sản. Sự suy thoái tài nguyên rừng kéo theo sự suy giảm tài nguyên đất, nước, đa dạng sinh học và nhiều hậu quả khác.

– Sự suy thoái tài nguyên đất. Sự suy thoái đất chủ yếu ở nước ta là: xói mòn, rửa trôi, sạt, trượt và lở đất; suy thoái vật lý (mất cấu trúc, đất bị chặt, giảm thẩm nước); sự thoái hóa hóa học (mặn hóa, chua hóa, phèn hóa); mất chất dinh dưỡng, khoáng, chất hữu cơ; xuất hiện nhiều độc tố gây hại cho cây trồng; hoang mạc hóa; ô nhiễm cục bộ do chất thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, khai thác mỏ...

– Sự suy thoái tài nguyên nước ngọt. Suy thoái tài nguyên nước ngọt ở nước ta thể hiện rõ nhất là tình trạng thiếu nước ngọt và sự nhiễm bẩn nước ngọt ngày càng gia tăng. Mặc dù nước ta có tài nguyên nước phong phú (nước mặt, nước ngầm, nước khoáng có tổng lượng lớn) nhưng thực tế ở nhiều vùng miền vẫn đề thiếu nước và ô nhiễm nước do hóa chất công nghiệp, nông nghiệp, nước thải làng nghề, nước thải sinh hoạt ngày càng nghiêm trọng và gia tăng.

– Suy thoái đa dạng sinh học. Đa dạng sinh học là cơ sở của sự sống vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững của các hệ sinh thái phụ thuộc chủ yếu vào tính đa dạng sinh học. Các loài sinh vật được hình thành và phát triển trên Trái Đất hàng tỉ năm đã và đang bị đe dọa bởi các hoạt động của con người, nhiều loài bị suy giảm một cách nhanh chóng, thậm chí một số loài đang ở ngưỡng cửa của sự diệt vong. Đặc điểm khí hậu và địa hình đã tạo nên sự khác biệt lớn về điều kiện thiên nhiên làm cho nước ta là 1 trong 15 trung tâm đa dạng sinh học cao trên thế giới.

Sự suy thoái môi trường hiện nay do nhiều nguyên nhân khác nhau, do các tác động trực tiếp của con người đến từng yếu tố của môi trường hoặc do các tác động gián tiếp của con người đến môi trường.

**Nguyên nhân trực tiếp:** Canh tác, khai thác bùa bãi tài nguyên thiên nhiên, sử dụng năng lượng hóa học, thương mại, chất thải, ô nhiễm môi trường do con người, sự cố bất thường...

**Nguyên nhân gián tiếp:** Do tăng dân số, sự đói nghèo, chính sách kinh tế vĩ mô; do các yếu tố tiêu cực.

Con người là nhân tố trung tâm của mọi mối quan hệ giữa hai hệ thống tài nguyên và xã hội. Trong quá trình phát triển, loài người không ngừng sử dụng các công cụ và phương thức hữu hiệu để khai thác và sử dụng ngày càng nhiều tài nguyên thiên nhiên làm cho tài nguyên dần nghèo kiệt đi, chất lượng môi trường càng giảm sút. Do đó, các quốc gia, các tổ chức quốc tế đã quan tâm thích đáng đến việc nghiên cứu, tạo ra các chính sách, biện pháp, công nghệ nhằm duy trì, bảo vệ, tái tạo tài nguyên và bảo vệ môi trường. Vì vậy, một trong các biện pháp tích cực

được cộng đồng quốc tế thực hiện là phải lồng ghép các vấn đề môi trường trong các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có giáo dục.

## 2. Khái niệm "Giáo dục môi trường"

### 2.1. Khái niệm "Môi trường"

Môi trường là một tập hợp các điều kiện trong một không gian nhất định mà ở đó, sinh vật có thể tồn tại. Môi trường bao gồm tất cả các yếu tố bao quanh sinh vật có tác động trực tiếp, gián tiếp và tác động qua lại với sinh vật thông qua các hoạt động trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng - phát triển, cảm ứng, sinh sản, thông tin.

Môi trường của con người chứa đựng nội dung rộng hơn. Nó bao gồm toàn bộ hệ thống tự nhiên và hệ thống do con người tạo ra, những cái hữu hình và vô hình, trong đó, con người sống và lao động, khai thác các tài nguyên thiên nhiên, nhằm thoả mãn nhu cầu của mình. Theo Allaby (1994), môi trường của con người bao gồm cả các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, công nghệ, kinh tế, chính trị, đạo đức, văn hoá, lịch sử và mĩ học...

Như vậy, theo nghĩa rộng, môi trường của con người là tất cả các nhân tố tự nhiên và xã hội cần thiết cho sự sống, sản xuất của con người như đất nước, không khí, ánh sáng, sinh vật, tài nguyên khoáng sản, kinh tế, xã hội... Theo nghĩa hẹp, môi trường sống của con người bao gồm các nhân tố tự nhiên, xã hội trực tiếp tác động tới chất lượng cuộc sống của con người.

Môi trường sống của con người được chia thành môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Môi trường tự nhiên bao gồm các nhân tố vật lý, hoá học như Mặt Trời, đất, nước, không khí... và sinh học như động vật, thực vật, vi sinh vật... có tác động đến cuộc sống và hoạt động của con người. Môi trường xã hội bao gồm tổng thể các mối quan hệ giữa con người với nhau như luật lệ, thể chế, cam kết, quy định... Các yếu tố này định hướng hoạt động của con người theo khuôn khổ nhất định, làm cơ sở cho sự phát triển, làm cho cuộc sống của con người khác với các loài sinh vật.

Trong hệ sinh thái, môi trường là một tổng thể các nhân tố sinh thái tác động qua lại tạo nên hiệu ứng tổng hợp. Trên thực tế, không thể có tác động riêng rẽ của từng thành phần trong sự biệt lập với các yếu tố khác. Tuỳ theo từng trường hợp cụ thể mà một yếu tố nào đó nổi lên tạo thành tác động chủ yếu, do vậy người ta chỉ nhận ra nó.

Môi trường có vai trò quan trọng đối với con người và động, thực vật trên Trái Đất: là không gian sinh sống cho con người và các sinh vật khác; là nơi chứa đựng các nguồn tài nguyên cần thiết cho đời sống, sản xuất của con người; là nơi chứa đựng các chất phế thải do con người tạo ra trong cuộc sống, sinh hoạt, sản xuất; là nơi lưu giữ và cung cấp thông tin cho con người.

Con người là một sinh vật tồn tại trên Trái Đất, cũng tuân theo quy luật sinh ra, lớn lên và chết. Nhưng không giống như các loài sinh vật khác, con người đã tiến hóa cao nhất trong sinh giới. Đặc trưng của sự tiến hóa đó là loài người là sinh vật xã hội. Tính xã hội đó phát triển không ngừng tạo nên những hình thái kinh tế - xã hội khác nhau. Trong sự phát triển đó, con người đã ngày càng tác động mạnh mẽ đến môi trường cả về phạm vi, cả về chiều sâu. Chính sự tăng trưởng đó đã tạo nên hai chiều hướng tác động trái ngược nhau đến môi sinh: có lợi và có hại. Ngày nay, tác động có hại ngày càng gia tăng. Con người tận dụng hầu hết mọi nguồn tài nguyên thiên nhiên, đồng thời thải ra môi trường đủ loại chất thải làm cho môi trường bị ô nhiễm. Con người đang gánh chịu hậu quả do chính mình gây ra. Bằng hành động cụ thể con người phải cải thiện môi trường sống của mình không chỉ cho hôm nay mà cho cả mai sau.

## **2.2. Khái niệm “Giáo dục môi trường”**

Giáo dục với nhiệm vụ là đào tạo con người không những có tri thức mà cần có đủ các kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Đào tạo những con người sau này sẽ trở thành nhà quản lý, những người ra quyết định, những nhà kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu, tham gia vào các tổ chức kinh tế - xã hội, chính trị, văn hoá, y tế... là các hoạt động có ảnh hưởng đến môi trường sống. Vì vậy, công tác giáo dục môi trường trong trường học có tính chất quyết định đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

Có nhiều định nghĩa khác nhau về giáo dục môi trường, tuy nhiên, các khái niệm về giáo dục môi trường đều có điểm chung là coi đó là quá trình thường xuyên làm cho người học có hiểu biết, có thái độ quan tâm, có trách nhiệm và hành động cụ thể để giải quyết các vấn đề môi trường. Có thể sử dụng khái niệm giáo dục môi trường sau đây:

*Giáo dục môi trường là một quá trình nhằm phát triển ở người học sự hiểu biết và quan tâm đến những vấn đề môi trường, bao gồm kiến thức, thái độ, hành vi, trách nhiệm để tự mình và cùng tập thể đưa ra các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề môi trường trước mắt cũng như lâu dài (Bộ Giáo dục và Đào tạo / Chương trình phát triển Liên hợp quốc, 1998).*

Giáo dục môi trường là một quá trình cần tiến hành từ khi con người biết cảm nhận về môi trường. Quá trình này được bắt đầu từ lứa tuổi mầm non và được tiếp tục trong những năm học phổ thông cũng như sau này trong suốt cuộc đời. Đây là một lĩnh vực liên ngành, không thể coi nhẹ yếu tố nào. Giáo dục môi trường là sự nghiệp của toàn nhân loại, gắn với trách nhiệm của mỗi quốc gia, mỗi con người cụ thể, đòi hỏi họ phải tích cực đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường sống.

Mục tiêu giáo dục môi trường đã được xác nhận trong Hội nghị Quốc tế về giáo dục môi trường của Liên hợp quốc (1977) là “làm cho các cá nhân và cộng đồng hiểu được bản chất phức tạp của môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo là kết quả tương tác của nhiều nhân tố sinh học, lí học, xã hội, kinh tế, văn hoá; đem lại cho họ kiến thức, nhận thức về giá trị, thái độ và kỹ năng thực hành để họ tham gia một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong phòng ngừa và giải quyết các vấn đề môi trường và quản lý chất lượng môi trường”.

### **3. Phát triển bền vững và giáo dục môi trường**

#### **3.1. Mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế - xã hội với môi trường**

Một trong các hoạt động kinh tế quan trọng của con người là hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên và từ quá trình này sẽ làm nảy sinh các vấn đề về môi trường. Phân tích sự tương tác giữa hoạt động kinh tế với môi trường có thể thấy tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế tới môi trường diễn ra ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất và tiêu thụ: bắt đầu từ việc khai thác nguyên liệu, nhiên liệu và các nguồn năng lượng ban đầu, sơ chế nguyên liệu, nhiên liệu đến việc sản xuất các thành phẩm dưới dạng phương tiện, hàng hoá tiêu dùng, giao thông vận tải, thương mại, dịch vụ; tiếp đó là việc tiêu dùng các thành phẩm để thỏa mãn nhu cầu của đời sống xã hội (ăn ở, mặc, di lại, hưởng thụ các giá trị văn hoá, giáo dục và tinh thần); cuối cùng là sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và sự xuất hiện các nhu cầu và khả năng mới có ảnh hưởng đến tự nhiên, sử dụng nguồn tài nguyên thiên.

Có thể thấy, con người là nhân tố trung tâm của mọi mối quan hệ tương hỗ giữa hai hệ thống tài nguyên và xã hội. Trong quá trình phát triển, loài người không ngừng sáng tạo ra những công cụ và phương thức hữu hiệu để khai thác ngày càng nhiều tài nguyên thiên nhiên, làm cho tài nguyên dần nghèo kiệt đi, làm chất lượng môi trường ngày càng giảm sút. Do đó, các tổ chức quốc tế đã quan tâm thích đáng đến việc nghiên cứu, tạo ra các chính sách, biện pháp và công nghệ nhằm duy trì bảo vệ, tái tạo tài nguyên và bảo vệ môi trường. Không những thế, việc tiêu thụ hàng hoá cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nếu mỗi người dân không có ý thức trong việc bảo vệ môi trường. Cùng với nó, việc áp

dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật vào quá trình sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người cũng phải tính đến các tác động tiêu cực của nó đến môi trường sống...

Có thể nói, giữa con người, tự nhiên và sản xuất có mối quan hệ khăng khít và tác động tương hỗ lẫn nhau. Để tồn tại, con người phải sản xuất, tiêu thụ hàng hoá có nguồn gốc từ thiên nhiên, điều đó cũng đồng nghĩa với việc làm thay đổi tự nhiên, thay đổi môi trường sống của chính con người. Song song với việc tạo ra của cải vật chất, các hoạt động sản xuất của con người còn gây ra hậu quả làm tổn hại đến môi trường. Mức độ tổn hại mạnh hay yếu, trước mắt hay lâu dài phụ thuộc vào chính sự quan tâm của con người tới môi trường, tới phương thức khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Như vậy, sự phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia và trên toàn cầu sẽ không bền vững nếu không coi trọng việc bảo vệ, gìn giữ môi trường trong quá trình sản xuất, trong thoả mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần của con người. Điều này lại liên quan đến con người, đến nhận thức, thái độ, hành vi của con người trong quá trình tác động qua lại với môi trường. Do đó, việc giáo dục môi trường cho mỗi người dân cần được tiến hành từ nhỏ và diễn ra trong suốt đời một khi họ còn tham gia vào quá trình sản xuất hay tiêu thụ hàng hoá trong xã hội.

### **3.2. Khái niệm về phát triển bền vững**

Vấn đề giáo dục môi trường có liên quan mật thiết với sự phát triển bền vững. Phát triển bền vững lần đầu tiên được đặt ra vào năm 1980 với “Chiến lược bảo tồn thế giới IUCN 1980”, “Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển 1987”, “Chăm lo cho Trái Đất 1991”, “Chương trình nghị sự 21 tại Hội nghị thượng đỉnh về Trái Đất 1992, Rio de Janeiro”, “Hội nghị thượng đỉnh về Trái Đất 2002, Johannesburg”.

Ủy ban thế giới về môi trường đã đưa ra định nghĩa về phát triển bền vững là “Sự phát triển nhằm thoả mãn nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng làm thoả mãn nhu cầu của chính các thế hệ mai sau”. Định nghĩa này đã nêu một cách khái quát nhất về mối quan hệ giữa các thế hệ về sự thoả mãn nhu cầu vật chất, tinh thần, từ đó tạo ra sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, định nghĩa sau đây đã nêu bật được bản chất của mối quan hệ qua lại giữa các yếu tố của phát triển bền vững và các nhóm nhân tố cụ thể mà quá trình phát triển bền vững phải tuân thủ:

*“Phát triển bền vững là quá trình vận động của một hệ thống kinh tế - xã hội, trong đó có sự gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo tồn tài nguyên, môi trường sống vì sự tồn tại của các thế hệ kế tiếp”.*

Sự phát triển bền vững về sinh thái, kinh tế, xã hội có thể hiểu như sau:

Bền vững sinh thái: Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên tái tạo được trong phạm vi khả năng tái tạo chúng, giảm thiểu sự can thiệp của tài nguyên không thể tái tạo được.

Bền vững xã hội: Mỗi quan hệ giữa phát triển và những tiêu chuẩn hiện tại. Một hoạt động có tính bền vững về mặt xã hội nếu nó phù hợp với những tiêu chuẩn của xã hội, không vượt quá sức chịu đựng sự thay đổi của cộng đồng. Những tiêu chuẩn dựa vào tôn giáo, truyền thống, phong tục, quan hệ đạo lí, hệ thống giá trị, ngôn ngữ, giáo dục, gia đình và các mối quan hệ riêng tư khác.

Bền vững kinh tế: Tính hữu ích và chi phí đầu vào, chi phí khai thác và chế biến, nhu cầu đối với sản phẩm không làm suy giảm khả năng tái tạo để tiếp tục cung cấp đầy đủ thêm nữa. Nêu đáp ứng yêu cầu về môi trường làm cho chi phí tăng lên thì phần chi phí tăng lên này cần được phản ánh trong giá cả.

### **3.3. Các mục tiêu phát triển bền vững**

Các mục tiêu phát triển bền vững nhằm vươn tới một quá trình công bằng về kinh tế, có sự tham gia của cộng đồng về xã hội, định hướng lại và hiệu quả về công nghệ, bảo tồn và cải thiện môi trường. Do vậy, cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

– Kinh tế: Không được làm bần cùng hoá một nhóm trong khi làm giàu một nhóm khác

– Sinh thái: Không được làm xuống cấp về đa dạng và năng suất sinh học của các hệ sinh thái, các hệ thống cần cho sự sống. Phải duy trì bồi đắp và phục hồi cơ sở tài nguyên thiên nhiên thông qua quản lý thích hợp.

– Chính trị, xã hội: Đoàn kết, phối hợp hành động với sự tham gia các ngành, các cá nhân và hợp tác quốc tế. Tôn trọng tất cả các lực lượng xã hội.

– Công nghệ: Tăng khả năng ứng phó với sự thay đổi, tăng giải pháp thích ứng sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên nhưng không hạn chế tăng sản xuất.

– Sự tồn tại các hệ thống kinh tế - xã hội, văn hoá, sản xuất, đa dạng sinh học được coi là yếu tố góp phần tăng khả năng ứng phó đối với các thay đổi.

### **3.4. Các nguyên tắc cơ bản trong phát triển bền vững**

Để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, cần thực hiện các nguyên tắc cơ bản sau đây:

– Con người là nhân tố trung tâm của sự phát triển bền vững, nên trong mọi giai đoạn lịch sử cần phải chăm lo đến việc đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân.

- Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm, năng lượng cho phát triển bền vững.
- Bảo vệ và cải thiện môi trường phải được coi là yếu tố không tách rời của quá trình phát triển.
  - Quá trình phát triển phải đảm bảo đáp ứng một cách công bằng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không gây trở ngại tới cuộc sống của thế hệ tương lai.
  - Khoa học, công nghệ là nền tảng và động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh, mạnh và bền vững cho đất nước.
  - Phát triển bền vững là sự nghiệp của các cấp chính quyền của cán bộ các ngành và địa phương, cơ quan doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư và mọi người dân.
  - Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.
  - Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường với an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

Như vậy, giáo dục con người có hiểu biết về môi trường, có thái độ quan tâm đến môi trường, có trách nhiệm và hành động cụ thể để giải quyết các vấn đề môi trường là điều kiện và động lực của sự phát triển bền vững. Nó thúc đẩy phát triển bền vững và cải thiện khả năng của con người đáp ứng với những vấn đề của môi trường và phát triển.

#### **4. Các khái niệm cơ bản trong giáo dục môi trường**

Giáo dục môi trường không có nghĩa là dạy các định nghĩa, các khái niệm môi trường cho các lứa tuổi mà là tạo ra các hoạt động nhằm hình thành và phát triển các khái niệm này cho phù hợp với từng cấp học. Có các khái niệm cơ bản về giáo dục môi trường sau đây:

##### **4.1. Khái niệm "Hệ sinh thái"**

Hệ sinh thái bao gồm các loài sinh vật sống ở một vùng địa lý tác động qua lại với nhau và với môi trường xung quanh tạo nên các chuỗi, lưới thức ăn và các chu trình sinh địa hoá<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Duraiapath W, 1993. *Effects on wildlife*. Environmental Reviews.

- Một hệ sinh thái bao gồm cả động vật, thực vật tác động qua lại với nhau và với môi trường sống.  
- Các mối quan hệ trên tạo ra các chu trình vật chất trong các hệ sinh thái (C, N, P, nước...).  
- Một số nguồn năng lượng được dự trữ trong dầu mỏ, than đá.

Có thể khai thác khái niệm “Hệ sinh thái” trong giáo dục môi trường cho trẻ lứa tuổi mầm non và tiểu học các nội dung sau:

- Có thể coi Trái Đất như một “nhà kính”, có không khí, nước, đất... mà sinh vật sống trong đó.
- Mặt Trời là nguồn năng lượng cơ bản cho sự sống trên Trái Đất.
- Thực vật có khả năng sử dụng ánh sáng mặt trời để làm ra lương thực thực phẩm.
- Một số động vật ăn thực vật, một số ăn thịt, một số ăn cả hai.

#### **4.2. Khái niệm “Quần thể/dân số”**

Quần thể là một nhóm cá thể của cùng một loài sống cùng một khu vực địa lý ở một thời điểm nhất định<sup>1</sup>.

Có thể khai thác khái niệm “Quần thể/dân số” trong giáo dục môi trường cho trẻ lứa tuổi mầm non và tiểu học các nội dung sau:

- Quần thể là một nhóm thực vật hoặc động vật của cùng một loài, sống ở cùng một địa điểm.
- Các quần thể tác động qua lại với nhau và với môi trường của chúng.
- Quần thể là một phần của quần xã.
- Các cộng đồng dân cư có quan hệ mật thiết với nhau, môi trường tự nhiên.
- Các quần thể phụ thuộc vào tác động qua lại giữa các cá thể với nhau và với sự biến động số lượng cá thể của môi trường.
- Hoạt động sống của một quần thể có tác động rất lớn đến môi trường.

#### **4.3. Khái niệm “Kinh tế và công nghệ tác động đến môi trường”**

Kinh tế bao gồm những hoạt động mà con người tạo ra nhằm duy trì sự sống và làm cho cuộc sống sung túc hơn, khi các biện pháp kỹ thuật đạt trình độ cao thì tạo nên công nghệ<sup>2</sup>. Một nền kinh tế hay công nghệ có tác động tốt hay xấu đến môi trường tuỳ thuộc vào con người.

<sup>1</sup> Chapman J.L. and Reiss M.J. (1985). *Ecology*. London.

<sup>2</sup> Stapp B. and Cox D.A (1979) *Environmental Education Activities Manual*. Michigan USA.

- Nhà máy xí nghiệp sản xuất ra các loại hàng hoá mà con người cần mua, nhưng cũng sinh ra các loại sản phẩm mà con người không cần và đôi khi có hại.

- Sản phẩm xã hội loài người làm ra lại không được chia đều cho mỗi người, nhưng có nhiều hậu quả môi trường do quá trình làm ra sản phẩm đó lại tác động xấu đến tất cả mọi người.

- Cách sống của mỗi con người đều tác động đến việc sử dụng nguồn lợi trên Trái Đất.

- Cách sống của mỗi con người đều tác động khác nhau đến sản phẩm công nghiệp.

- Các hoạt động thương mại có thể tạo nên các nhu cầu tiêu thụ thông qua các hoạt động quảng cáo, tiếp thị.

Có thể khai thác khái niệm “Kinh tế và công nghệ tác động đến môi trường” cho trẻ lứa tuổi mầm non và tiểu học các nội dung sau:

- Trong xã hội, mỗi người đều có một nghề nghiệp nhất định như giáo viên, công nhân, nông dân...
- Thực phẩm để ăn, quần áo để mặc, nhà để ở là do sức lao động của mỗi người và đều lấy nguyên liệu từ môi trường.

#### **4.4. Khái niệm “Quyết định môi trường”**

Quyết định môi trường là một quá trình tổng hợp các kiến thức kĩ năng để mỗi cá nhân hoặc tập thể ra quyết định giải quyết một vấn đề môi trường cụ thể<sup>1</sup>.

Có thể khai thác khái niệm “Quyết định môi trường” trong giáo dục môi trường cho trẻ lứa tuổi mầm non và tiểu học các nội dung sau:

- Ra quyết định là tiến hành một lựa chọn.
- Mỗi người, mỗi nhóm, mỗi gia đình, mỗi lớp học đều có thể ra những quyết định.
- Chỉ nên ra quyết định khi xem xét thật kĩ các giải pháp và hậu quả của nó.
- Nên coi trọng ý kiến của những người khác trước khi ra quyết định.

#### **4.5. Khái niệm “Đạo đức môi trường”**

Đạo đức môi trường là hệ thống các giá trị (hành vi, ứng xử, sự tôn trọng...) mà con người thể hiện với nhau và với thiên nhiên<sup>1</sup>.

Có thể khai thác khái niệm “Đạo đức môi trường” trong giáo dục môi trường cho trẻ lứa tuổi mầm non và tiểu học các nội dung sau:

- Tất cả trẻ em trên thế giới đều có những nhu cầu cơ bản.
- Trong xã hội, mỗi người vì mọi người và mọi người vì mỗi người.
- Nếu con người bảo vệ Trái Đất thì Trái Đất sẽ tiếp tục phục vụ cho sự đa dạng sinh vật sống trên Trái Đất, trong đó có loài người.
- Con người được Trái Đất phục vụ nhưng ít phục vụ lại Trái Đất.
- Con người có thể sống hài hoà với nhau và với thiên nhiên.
- Trong cuộc sống hàng ngày, con người thể hiện mối quan hệ thân thiện với thiên nhiên qua từng thái độ, hành vi cụ thể.

---

<sup>1</sup> Stapp B. and Cox D.A (1979). *Environmental Education Activities Umanual*. Michigan USA.

## **5. Các hoạt động giáo dục môi trường**

Các hoạt động giáo dục môi trường được thể hiện trong việc thiết kế một chuỗi các thao tác (quy trình công nghệ) nhằm khai thác hiệu quả những nội dung có sẵn trong chương trình các môn học cho giáo dục môi trường. Các hoạt động giáo dục môi trường được thể hiện qua một số nội dung sau đây:

### **5.1. Hình thành và phát triển kĩ năng môi trường**

Các hoạt động hình thành và phát triển kĩ năng môi trường giúp cho người học có được những kĩ năng giải quyết các vấn đề môi trường, cũng như chuyển những kiến thức môi trường và mối quan tâm tích cực thành hành động cụ thể<sup>1</sup>.

Thực chất đây là kĩ năng giải quyết các vấn đề môi trường mà mục đích giáo dục môi trường cần đạt được trên cơ sở tăng cường kiến thức cho trẻ. Các kĩ năng giải quyết vấn đề cần được phát triển và nhắm vào việc thực hiện các kế hoạch hành động môi trường.

Các kĩ năng quan trọng cần phát triển bao gồm:

- Kĩ năng nhận biết các vấn đề môi trường.
- Kĩ năng xác định các vấn đề môi trường.
- Kĩ năng thu thập thông tin môi trường.
- Kĩ năng tổ chức thông tin môi trường.
- Kĩ năng phân tích thông tin môi trường.
- Kĩ năng đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường.
- Kĩ năng phát triển kế hoạch hành động môi trường.
- Kĩ năng thực hiện kế hoạch hành động môi trường.

### **5.2. Các hoạt động làm rõ giá trị của môi trường đối với con người**

Để có thể đưa ra được các giải pháp bảo vệ môi trường có hiệu quả cần hiểu rõ giá trị của môi trường. Giá trị của môi trường bao gồm các giá trị trực tiếp (thực phẩm, nước...), các giá trị gián tiếp (bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì các chu trình sinh thái địa hoá, giá trị tồn tại...), các giá trị này thực sự mang tính khu vực, toàn cầu<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Reign, W (1991). *Life in Our Hands: Ecology and Issues/ Organisms in Their Environment*. Steve Malcolm.

<sup>2</sup> Costanza R., (1997). *The Value of the World's Ecosystem Services and Natural Capital*. Nature Vol.

### **5.3. Các hoạt động đưa ra quyết định môi trường**

Các khái niệm môi trường, kỹ năng giải quyết vấn đề môi trường và giá trị môi trường đều làm cơ sở cho quá trình quyết định môi trường. Người học thực sự có dịp thể hiện năng lực và mối quan tâm của mình trong việc giải quyết các vấn đề môi trường<sup>1</sup>.

Các việc làm này thông thường được thực hiện trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động xã hội, đoàn thể cần nhiều thời gian và cơ sở vật chất, kỹ thuật... bao gồm các bước:

- Xác định vấn đề.
- Thu thập thông tin.
- Phân loại các giải pháp có thể.
- Đánh giá từng giải pháp.
- Phát triển kế hoạch hành động.
- Thực hiện kế hoạch hành động.
- Đánh giá việc thực hiện.

### **5.4. Hình thành và phát triển đạo đức môi trường**

Đó là hoạt động đóng góp vào việc xây dựng một hệ thống các giá trị (hành vi, cách ứng xử, sự tôn trọng...) mà con người thể hiện với nhau và với thiên nhiên. Khái niệm này cần được phát triển phù hợp với từng lứa tuổi.

Thông thường, những chuẩn mực đạo đức nào có liên quan đến cách đối xử với môi trường tự nhiên, được coi là đạo đức môi trường. Những mối quan tâm xét về mặt đạo đức là thái độ của con người đối với toàn bộ sinh quyển và các loài sinh vật trong đó. Ý thức quan tâm đến các động vật, thực vật, con người, cây cối, đất đá... vốn là thành phần cấu tạo nên các hệ sinh thái được đánh giá như là một phẩm chất đạo đức. Chúng ta thường lo lắng khi thấy có quá nhiều rác thải, ô nhiễm, sự tuyệt chủng của một loài nào đó vì đó là những nhân tố làm suy giảm tính bền vững của sinh quyển, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại của chúng ta. Đạo đức môi trường đề cao những chuẩn mực đạo đức. Đó là cách ứng xử "sống hài hòa với thiên nhiên" của con người vốn chỉ là một trong những "cứu dân sinh thái" của hành tinh này.

<sup>1</sup> Costanza R., (1997). *The Value of the World: Ecosystem Services and Natural Capital*. Nature Vol.

## **6. Module giáo dục môi trường**

Việc chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo tín chỉ đòi hỏi phải thay đổi cách thiết kế chương trình đào tạo. Thiết kế chương trình đào tạo theo module sẽ đáp ứng được những yêu cầu của phương thức đào tạo mới hiện nay. Do vậy, việc giáo dục môi trường cần được tiến hành dưới hình thức module.

### **6.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của module giáo dục môi trường**

#### **6.1.1. Khái niệm module**

Có thể hiểu “module” là một đơn vị tiêu chuẩn, hay một nút chức năng trong một cơ cấu chỉnh thể. Trong dạy học, module được coi là một đơn vị tương đối độc lập của chương trình dạy học, được cấu trúc một cách đặc biệt nhằm hướng dẫn học tập theo những mục tiêu xác định của quá trình dạy học. Module dạy học bao hàm các nội dung học vấn cụ thể trong mối quan hệ với các thành tố khác của quá trình dạy học như: mục tiêu, phương pháp, công cụ kiểm tra - đánh giá.

Theo Allbab<sup>1</sup>, module là một phần hay một bộ phận trong tổng thể, một hệ thống, nhưng nếu tách riêng thì nó vẫn có thể tự vận động để thực hiện các chức năng riêng của mình. Module dạy học là một đơn vị trong chương trình dạy học mang tính tương đối.

Module dạy học có một số đặc tính cơ bản như tính chính thể, tính tích hợp và tính tích cực hoá người học.

Tính chính thể là đặc trưng cơ bản nhất của module dạy học. Mỗi module dạy học có thể được xem như một đơn vị kiến thức, kỹ năng có tính trọn gói, được xác lập trên cơ sở một hệ thống việc làm hoàn chỉnh, tương đối khép kín, đảm bảo đem lại một năng lực thực tiễn cho người học. Tính chính thể được thể hiện ở cấu trúc dạy học, ở sản phẩm được tạo ra.

Tính tích hợp là đặc tính căn bản nêu trên tính chính thể, tính liên kết và tính phát triển của module dạy học.

Tính tích cực hoá người học là ưu điểm nổi bật của module dạy học, cho phép người học có thể lựa chọn các cách học khác nhau, có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm để chiếm lĩnh nội dung, tự kiểm soát, điều chỉnh việc học một cách chủ động.

Những ưu điểm nổi trội của module dạy học cho thấy đây là một trong những phương thức tốt nhất để thực hiện mục tiêu giáo dục môi trường cho người học ở mọi cấp học, trong đó có giáo dục mầm non.

<sup>1</sup> Allbab M (1994). *The Concise Oxford Dictionary of Ecology*. University Press.

### **6.1.2. Đặc trưng cơ bản của module giáo dục môi trường**

Module giáo dục môi trường cũng có đặc tính như một module dạy học. Module giáo dục môi trường phải thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa các hoạt động giáo dục môi trường và nội dung học. Nói cách khác, module giáo dục môi trường là một chuỗi các hoạt động cụ thể được thiết kế nhằm khai thác nội dung hoạt động để đạt được mục tiêu giáo dục môi trường đề ra.

Một module giáo dục môi trường có các đặc trưng cơ bản sau:

- Chứa đựng một tập hợp những hoạt động giáo dục môi trường được cấu trúc xung quanh một nội dung cố sẵn.
- Có mục tiêu rõ ràng để dễ đánh giá, giám sát.
- Có sự thống nhất trong các hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá.
- Có tính mềm dẻo, thích ứng với nhiều con đường linh hội, theo những cách thức khác nhau nhưng đều đi đến đạt mục tiêu chung.

Việc thiết kế và triển khai chương trình giáo dục môi trường theo module đem lại nhiều lợi thế cho quá trình giáo dục môi trường. Cụ thể:

*Thứ nhất*, cho phép người học lựa chọn các hình thức học tập phù hợp nhất với điều kiện, khả năng, phong cách, kinh nghiệm và nhịp độ học tập của chính bản thân họ.

*Thứ hai*, tạo cơ hội để phát triển tính sáng tạo, hình thành kỹ năng tự giải quyết vấn đề cho người học.

*Thứ ba*, làm thay đổi căn bản vai trò của người học theo xu hướng tích cực hoá: chủ động tổ chức việc học tập của mình theo những yêu cầu khách quan của mục đích và nội dung chương trình; có thể tận dụng vốn kinh nghiệm, tài liệu để mở rộng khả năng, hiệu quả học tập; tự xây dựng vốn tri thức và hiểu biết của bản thân thông qua mối tương tác tích cực với tài liệu, người dạy và bạn học; tự chịu trách nhiệm về việc học tập của mình.

*Thứ tư*, tạo ra những hiệu ứng tích cực trong thái độ và hành vi của cả người dạy lẫn người học cũng như trong môi trường giảng dạy và học tập trong nhà trường và lớp học.

*Thứ năm*, đem lại hiệu quả tích cực đối với người học: có thể học ở mọi nơi, mọi lúc, học suốt đời; chú trọng việc hiểu và vận dụng kiến thức, quan tâm đến việc mở rộng kiến thức và hình thành kỹ năng.

Việc giáo dục môi trường được thiết kế theo module dạy học sẽ tận dụng được những lợi thế trên nhằm đảm bảo hiệu quả giáo dục môi trường trong thực tiễn. Vấn đề đặt ra là làm thế nào có được module giáo dục môi trường phù hợp với từng nội dung giáo dục và đặc điểm người học ở từng lứa tuổi?

### **6.2. Thiết kế module giáo dục môi trường**

Khi thiết kế module giáo dục môi trường cần phân biệt hai loại module chính:

- Module giáo dục môi trường khai thác từ chương trình giáo dục (đây là loại module tích hợp giáo dục môi trường trong nội dung chương trình giáo dục).
- Module giáo dục môi trường trong các hoạt động khác (giáo dục môi trường có thể tiến hành thông qua các hoạt động ngoài giờ học với các hoạt động rất đa dạng, phù hợp với đặc trưng của từng lứa tuổi).

Để viết, sử dụng và đánh giá một module cụ thể, cần xem xét nó phù hợp với mục đích, nội dung và phương pháp giáo dục môi trường hay không, cũng như nguồn tài liệu tham khảo cho các công việc thiết kế, thực hiện và đánh giá sau này. Bên cạnh đó, việc xây dựng các bảng khai thác nội dung theo từng bài, lớp, cấp học cho module giáo dục môi trường là rất quan trọng.

Một yêu cầu khi thiết kế các module giáo dục môi trường cần có sự chỉ đạo cũng như sự phù hợp với những quy định văn bản hướng dẫn của các cấp lãnh đạo từ tổ bộ môn, trường, phòng, sở cũng như các vụ, viện chuyên môn của Bộ GD - ĐT. Có thể nói đây là công việc tổng hợp, phức tạp nhưng cũng rất thú vị vì các hoạt động này không tách rời các hoạt động đang diễn ra mà nó hoà nhập và gắn kết như một tổng thể thống nhất trong các hoạt động giáo dục và đào tạo của địa phương.

Thiết kế module mẫu giáo dục môi trường có thể thực hiện theo cấu trúc sau đây:

#### **Cấu trúc chung**

**Tên hoạt động:** Đặt tên cho một hoạt động cần làm rõ, có thể kiểm tra và đánh giá được.

**Cấp học:** ..... **Lớp học:** ..... **Giờ học:** .....

**1. Tên bài:** Tên bài trong chương trình học.

**2. Loại hình:** Lựa chọn 1 trong 2 loại hình (giờ học hay các hoạt động khác).

**3. Mục đích:** Cần lựa chọn một hoặc nhiều hơn trong số bốn nội dung giáo dục môi trường cần hình thành và phát triển (khái niệm cơ bản, kỹ năng, giá trị, quyết định môi trường).

**4. Chuẩn bị:** Cân nêu rõ các đối tượng, vật liệu, dụng cụ, đồ dùng, đồ chơi cần thiết được sử dụng trong hoạt động và cách bố trí môi trường dạy học phù hợp.

**5. Hệ thống các hoạt động (việc làm) cụ thể:** Có thể trình bày theo nhiều cách: các hoạt động của giáo viên, trẻ theo từng nội dung cụ thể.

### Ví dụ

#### **Thiết kế module giáo dục môi trường khai thác từ nội dung chủ đề giáo dục thông qua hoạt động học tập**

Cấp học: Mầm non.

Lứa tuổi: Mẫu giáo bé.

Giờ học: Khám phá môi trường xung quanh.

##### **A. Thiết kế module**

**1. Tên bài:** “Làm quen với con cá”.

**2. Loại hình:** Giáo dục môi trường khai thác từ hoạt động học tập.

##### **3. Mục đích**

- Nhận biết và gọi tên con cá vàng, biết được một số đặc điểm cấu tạo bên ngoài.
- Biết được mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và hành vi (vận động, ăn).
- Giáo dục thái độ quan tâm, chăm sóc động vật.
- Phát triển vốn từ cho trẻ: “bể cá”, “vây”, “bơi”, “dớp mồi”.

##### **4. Chuẩn bị**

- Bể cá có khăn phủ, một con cá vàng to, thức ăn cho cá.
- Bố trí trẻ ngồi hình vòng cung, hướng vào bàn có đặt bể cá và giáo viên.

##### **5. Hệ thống các hoạt động cụ thể**

###### **Hoạt động 1: Giáo viên kích thích hứng thú của trẻ với đối tượng quan sát**

– Giáo viên: Mở tấm vải phủ bể cá ra và vừa làm vừa nói với trẻ: “Các con lại nhìn xem, cô mang cái gì đến cho các con đây này?”

– Giáo viên dành vài phút cho trẻ được quan sát con cá theo hứng thú riêng của mỗi trẻ. Sau đó, giáo viên đặt ra các câu hỏi nhằm hướng sự chú ý của trẻ vào đối tượng. Các câu hỏi phải thật cụ thể để trẻ dễ trả lời và nên hỏi theo nhiều cách nhằm giúp trẻ nhận biết rõ đối tượng quan sát:

- + "Các con nhìn xem con gì đây?"
- + "Các con nhìn thấy con gì trong bể cá nào?"
- + "Cô mang con gì đến lớp mình nào?"
- + "Các con có thích con cá vàng không?"
- + "Tại sao các con thích?"

#### *Hoạt động 2: Cho trẻ làm quen với vận động của con cá*

– Giáo viên: "Cô cũng rất thích con cá vàng vì nó rất đẹp, trông rất đáng yêu. Böyle giờ, cô con mình cùng xem con cá nó biết làm gì nào, nó ăn như thế nào, nó sống ở đâu?"

– Giáo viên đặt ra các câu hỏi cho trẻ:

- + "Các con nhìn xem, con cá đang làm gì đây?"
- + "Con cá nó đang bơi về phía bạn nào đây?"
- + "Làm sao con cá nó bơi được nhỉ?"

+ "Con cá nó bơi như thế nào nhỉ? Chúng mình bắt chước con cá bơi nhé? Các con có thích không?" (giáo viên cho trẻ đứng quanh bể cá và dùng hai tay vẫy bắt chước làm động tác giống cá bơi vài lần).

#### *Hoạt động 3: Cho trẻ làm quen với môi trường sống và thức ăn của cá*

– Giáo viên: "Chúng mình bắt chước con cá bơi đã mệt rồi, về nhà nghỉ thôi!" (cho trẻ về chỗ ngồi).

"Ngôi nhà của con cá đâu nhỉ? Nhà của con cá gọi là gì nào? Trong ngôi nhà của con cá có cái gì?"

– Giáo viên: "Con cá bơi đã mệt và đói rồi. Hôm nay, cô cũng mang thức ăn cho cá đây. Chúng mình cùng cho cá ăn nhé. Đây là thức ăn của cá. Khi cho cá ăn, chúng mình lấy thia xúc một ít thức ăn và dỗ nhẹ vào bể cá. Ai thích cho cá ăn nào?" (2 - 3 trẻ lân lượt cho cá ăn, những trẻ còn lại quan sát). Trong lúc trẻ cho cá ăn, giáo viên đặt câu hỏi cho trẻ:

- + "Con cá đang làm gì đây?"
- + "Con cá ăn như thế nào?"
- + "Con cá đang nhìn gì đây?"
- + "Con cá đang bơi về phía bạn nào?"

#### *Hoạt động 4: Giáo dục thái độ quan tâm, chăm sóc động vật*

Giáo viên: "Chúng mình vừa xem cá bơi, cho cá ăn, xem nơi ở của cá. Ở lớp mình, nhà ai có bể cá nhỉ? Các con có thích con cá ở nhà các con không? Các con đã từng bố mẹ chăm sóc con cá như thế nào? Về nhà các con nhớ cùng bố mẹ cho cá ăn nhé...". Cô và trẻ cùng nghe, vận động theo bài hát "Cá vàng bơi".

### **B. Phản trao đổi với giáo viên**

#### **1. Về kiến thức, kĩ năng**

– Đây là con vật quen thuộc và trẻ rất yêu thích, nhiều trẻ đã biết về đặc điểm cấu tạo của con cá, nên việc cung cấp tri thức cần dựa trên tri thức và kinh nghiệm đã có của trẻ (làm chính xác tri thức của trẻ và tạo hứng thú).

– Có thể hình thành kĩ năng chăm sóc cá với hành động chăm sóc đơn giản gồm 1 - 2 thao tác (xúc thức ăn và đổ nhẹ vào bể) là phù hợp với trẻ 3 tuổi.

#### **2. Một số vấn đề cần trao đổi**

– Trong việc làm 1: Giáo viên đã kích thích tính tò mò của trẻ bằng các biện pháp: lấy vài phẩy bên ngoài bể cá; mở lớp vài phẩy bể cá và dành một ít thời gian cho trẻ quan sát theo hứng thú riêng; đặt các câu hỏi về đối tượng... làm như vậy có cần thiết không? Tại sao phải làm như vậy? Nếu là bạn, bạn sẽ mở đầu hoạt động như thế nào?

– Trong giờ học, để giúp trẻ nhìn thấy rõ đặc điểm bên ngoài và hành vi con cá, giáo viên dùng que chỉ vào từng bộ phận con cá (đầu, mình, đuôi, vây...) và cũng yêu cầu trẻ chỉ vào các bộ phận đó khi trả lời câu hỏi. Theo bạn, làm như vậy là đúng hay sai? Tại sao?

– Theo bạn, đối với trẻ 3 tuổi, có nên dùng vợt lấy cá ra khỏi bể nước, đặt vào khay cho trẻ quan sát con cá cho kĩ không?

### **7. Sơ lược về tình hình giáo dục môi trường hiện nay**

Trên thế giới vấn đề giáo dục môi trường đã được nhiều quốc gia quan tâm.

Từ thế kỷ XIX một số nước trên thế giới đã đưa ra các đạo luật về môi trường như *Luật cấm gây ô nhiễm nước sông* ở Anh năm 1876; *Luật về khói than* ở Mĩ năm 1896; *Luật khoáng nghiệp*, *Luật sông* ở Nhật Bản năm 1896...

Năm 1972, Hội nghị Liên hợp quốc về "Môi trường và con người" đã nêu rõ "Việc giáo dục môi trường cho thế hệ trẻ cũng như người lớn làm sao để họ có được đạo đức, trách nhiệm trong việc bảo vệ và cải thiện môi trường". Ngay sau đó Chương trình giáo dục môi trường quốc tế (IEEP) đã được thành lập.

Tháng 10/1975, IEEP đã tổ chức *Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về giáo dục môi trường* ở Nam Tư. Hội thảo đã đưa ra được Nghị định khung và tuyên bố về những mục tiêu, nguyên tắc hướng dẫn giáo dục môi trường. Trong đó, chỉ rõ mục tiêu giáo dục môi trường là nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của môi trường và hiểu biết về môi trường, giúp cho mỗi người xác định thái độ và lối sống tích cực đối với môi trường, có hành động cho một môi trường tốt đẹp.

Vấn đề môi trường và giáo dục môi trường đã thực sự trở thành chương trình nghị sự của Chính phủ Việt Nam. Nước ta coi giáo dục môi trường là một bộ phận không tách rời của sự nghiệp giáo dục và là nhiệm vụ của toàn dân.

Công tác giáo dục môi trường trong nhà trường đã được đặt ra trong các văn bản của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, là cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác giáo dục môi trường trên thực tiễn. Cụ thể:

Chỉ thị 36-CT/TW ngày 25/6/1998 về “Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kì CNH, HĐH đất nước”.

Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 17/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đưa nội dung giáo dục bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân”.

Luật Bảo vệ môi trường đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và luật có hiệu lực ngày 29/7/2006.

Chỉ thị số 02/2005/CT-BGDĐT ngày 31/1/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác giáo dục bảo vệ môi trường (trong đó, đưa ra các nhiệm vụ trọng tâm đối với giáo dục mầm non).

Ngành giáo dục mầm non trong thời gian qua đã triển khai nhiều hoạt động cụ thể để thực hiện Quyết định số 1363 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục bảo vệ môi trường. Các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non đã phối hợp với Vụ Giáo dục Mầm non, Trung tâm Chiến lược và Phát triển chương trình giáo dục Mầm non tích cực đẩy mạnh công tác nghiên cứu, biên soạn nội dung giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non, biên soạn tài liệu, sách tham khảo cho giáo viên mầm non, tập huấn nội dung giáo dục môi trường trong trường mầm non cho cán bộ, giáo viên.

Tuy nhiên, số giáo viên mầm non được tiếp cận với tài liệu về nội dung và hướng dẫn giáo dục môi trường còn hạn chế; hiệu quả giáo dục môi trường cho giáo viên và trẻ mầm non vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa tương xứng với sự cấp thiết cần giáo dục môi trường trên thực tiễn.

## CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy giải thích tầm quan trọng của việc giáo dục môi trường hiện nay.
2. Phân tích khái niệm “Giáo dục môi trường”.
3. Hãy phân biệt các khái niệm cơ bản trong giáo dục môi trường, các việc làm giáo dục môi trường cần hình thành cho trẻ mầm non.
4. Làm rõ các bước thiết kế module giáo dục môi trường.
5. Phân tích tình hình giáo dục môi trường hiện nay. Lấy ví dụ minh họa.

## Chương 2

# CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ MẦM NON

---

### MỤC TIÊU

Sau khi học xong chương này, sinh viên cần:

- Phân tích được khái niệm “Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non”.
- Phân tích được ý nghĩa của giáo dục môi trường đối với sự phát triển trẻ mầm non.
- Xác định được mục tiêu giáo dục môi trường và vận dụng vào việc xác định mục tiêu trong các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non.
- Phân tích được cơ sở khoa học của quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

#### 1. Khái niệm “Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non”

Dựa trên tài liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo/ Chương trình phát triển Liên hợp quốc 1998, khái niệm “Giáo dục môi trường” được hiểu là quá trình “nhằm phát triển ở người học sự hiểu biết và quan tâm trước những vấn đề môi trường, bao gồm kiến thức, thái độ, hành vi, trách nhiệm, kỹ năng để tự mình và tập thể đưa ra những giải pháp giải quyết vấn đề môi trường trước mắt và lâu dài”.

Theo quan niệm này, khái niệm “Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non” được hiểu như sau:

*Giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non là quá trình nhằm phát triển ở trẻ những hiểu biết sơ đẳng về môi trường, quan tâm đến các vấn đề môi trường phù hợp với lứa tuổi được thể hiện qua kiến thức, thái độ, kỹ năng, hành vi của trẻ đối với môi trường xung quanh.*

Giáo dục môi trường là quá trình lâu dài, trong đó giáo dục môi trường cho trẻ lứa tuổi mầm non là sự khởi đầu quan trọng cho sự tiếp tục trong những năm học phổ thông và sau này trong suốt cuộc đời. Giáo dục môi trường phải được tiến hành từ khi trẻ còn nhỏ để tạo ra những hành vi tốt đối với môi trường và giáo dục trẻ bắt đầu thấy được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường.

Giáo dục mầm non là khâu đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Do vậy, trường mầm non là môi trường thuận lợi nhất để tạo ra những tiền đề đầu tiên cho việc hình thành nhân cách con người mới. Trong đó, việc phát triển ở trẻ những hiểu biết và quan tâm đến môi trường phù hợp với lứa tuổi là một trong những yêu cầu cấp thiết ở bậc học này.

## 2. Ý nghĩa của giáo dục môi trường với sự phát triển của trẻ mầm non

Mỗi người chúng ta đều có thể cảm nhận được ảnh hưởng của môi trường ở một mức nào đó đến cơ thể và biết rằng môi trường là nguồn gốc của các tri thức cụ thể đầu tiên và để lại cho ta những cảm giác được lưu giữ suốt đời.

Trẻ em ở mọi nơi luôn tìm cách tiếp xúc với môi trường bằng mọi cách. Tất cả mọi sự vật, hiện tượng trong môi trường xung quanh (con người, động vật, thực vật, sông hồ, suối...) đều có thể làm cho trẻ chú ý, làm chúng phấn khởi và cung cấp tri thức phong phú cho sự phát triển của trẻ. Sự chú ý của con người đến tự nhiên, sự gắn bó với chỗ vui chơi thời thơ ấu sẽ hình thành và phát triển tình yêu quê hương, đất nước và giáo dục tình cảm yêu nước. Màu sắc, hình dạng, mùi vị của các loài hoa, giọng hót của các loài chim, tiếng nước suối đổ, tiếng còi của cò, tiếng rì rào của lá, tiếng lao xao của cát dưới chân... đều có thể đem lại cảm xúc cho trẻ trước thiên nhiên và là nguồn tư liệu quý giá để phát triển ở trẻ tình cảm thẩm mĩ và giáo dục trí tuệ. Việc linh hôi được cách quan sát và lắng nghe tự nhiên đúng như sự tồn tại thực sự của nó sẽ tạo nên hứng thú sâu sắc với thiên nhiên cho trẻ ngay từ thời thơ ấu, mở rộng tri thức cho chúng, hình thành xu hướng hứng thú.

Môi trường là nguồn tri thức thực tế mà trẻ có thể linh hôi được một cách có ý thức dự trên nhận thức cảm tính và giáo dục thái độ đúng với nó. Sự thiếu hụt tri thức, phản ánh đúng hiện thực hàng ngày có thể dẫn đến những thành kiến và mê tín dị đoan. Biểu tượng không đúng sẽ là nguyên nhân gây nên thái độ thiếu nhận hậu của trẻ đối với động vật, dẫn đến tàn sát chúng (éch nhái, côn trùng...). Điều này không chỉ làm hại môi trường, mà còn ảnh hưởng xấu đến tâm lí của trẻ, làm trẻ trở nên hung bạo hơn. Hơn nữa, việc sửa đổi những biểu tượng không đúng ở trẻ thường khó hơn là hình thành biểu tượng mới. Chính vì vậy, điều quan trọng là ngay từ lứa tuổi mầm non cần hình thành những tri thức đúng về môi trường.

Việc giáo dục môi trường cho trẻ sẽ góp phần giải quyết nhiệm vụ phát triển trẻ một cách toàn diện các mặt trí tuệ, đạo đức, lao động, thẩm mĩ.

### - *Giáo dục môi trường góp phần phát triển trí tuệ cho trẻ*

Quá trình linh hôi tri thức về tự nhiên vô sinh, động vật, thực vật, con người và mối quan hệ đơn giản giữa các sự vật và hiện tượng tự nhiên phù hợp với đặc điểm

nhanh thức của trẻ sẽ hoàn thiện các giác quan, tích lũy kinh nghiệm cảm tính ở trẻ, hình thành các khái niệm đơn giản. Việc linh hội trí thức về môi trường có liên quan trực tiếp đến sự phát triển ở trẻ khả năng nhận thức, tư duy logic, chú ý, ngôn ngữ, sự quan sát, say mê... Để phát triển tư duy và hình thành thế giới quan duy vật, cần cho trẻ tiếp xúc sự vật hiện tượng xung quanh, dạy chúng tìm kiếm cách giải thích những hiện tượng quan sát được và có ý thức về mối quan hệ giữa chúng. Dạy trẻ quan sát (tập trung chú ý đến hiện tượng một cách có mục đích) là phát triển ở trẻ sự chú ý. Đây là phẩm chất tâm lí có liên quan chặt chẽ với sự phát triển trí tuệ, là điều kiện không thể thiếu được để chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng học tập ở phổ thông.

Trong quá trình giáo dục môi trường, trẻ không chỉ linh hội trí thức về tự nhiên mà tình cảm trí tuệ ở trẻ cũng được hình thành. Cùng với khả năng quan sát, tính ham hiểu biết của trẻ cũng phát triển. I.P. Paplôp coi đó là đặc điểm cơ bản của con người được thể hiện ở phản xạ tìm tòi định hướng. Ở trẻ mẫu giáo, phản xạ này thể hiện ở chỗ trẻ liên tục đặt ra các câu hỏi cho người lớn ("Đây là cái gì? Nó như thế nào? Tại sao nó lại như vậy?"). Do vậy, việc làm thoả mãn tính ham hiểu biết của trẻ cần phải thực hiện ở bất kì nơi nào có thể làm được, lôi cuốn trẻ tham gia vào giải quyết các vấn đề khác nhau. Các kết quả nghiên cứu gần đây cho thấy rằng, sự ham hiểu biết của trẻ có liên quan tới việc linh hội khả năng xác định những dấu hiệu đặc trưng của động thực vật, xác định mối liên hệ giữa cấu tạo của các cơ quan riêng biệt và điều kiện sống của chúng.

- *Giáo dục môi trường góp phần phát triển tình cảm đạo đức cho trẻ.* Giáo dục trẻ tình yêu thiên nhiên, có thái độ giữ gìn, bảo vệ động, thực vật... Trẻ thường gắn bó và coi trọng những gì chúng tự chăm sóc. Sự đa dạng của động thực vật ở trường mầm non, việc trẻ trực tiếp chăm sóc chúng sẽ hình thành những phẩm chất nhân cách quan trọng như thái độ coi trọng lao động, biết yêu lao động, có thói quen lao động, có trách nhiệm với công việc được giao.

- *Giáo dục môi trường góp phần phát triển thể chất và lao động.* Hình thành ở trẻ tình yêu lao động, thái độ bảo vệ tự nhiên, một số kỹ năng trồng cây và chăm sóc động vật. Điều quan trọng là trẻ phải cảm thấy thích thú trong quá trình lao động, kết quả lao động. Sự tiếp xúc và lao động trong tự nhiên còn cần thiết để củng cố sức khoẻ của trẻ và phát triển thể chất cho chúng (phát triển các cơ và củng cố hệ thần kinh của chúng). Việc làm quen trẻ với lao động của người lớn trong tự nhiên, giáo dục sự tôn trọng lao động của người lớn cũng góp phần hình thành ở chúng tình yêu lao động.

- *Giáo dục môi trường còn là phương tiện để phát triển thẩm mĩ.* Cái đẹp của tự nhiên có thể ảnh hưởng đến mọi trẻ. Khi cho trẻ làm quen với tự nhiên, cần hướng sự chú ý của trẻ đến sự náo nhiệt của thiên nhiên như tiếng thác nước đổ, tiếng chim hót, tiếng côn trùng kêu, hình dạng và sắc thái của lá, mùi vị của hoa, sự vận động của động vật. Trong quá trình đó, trẻ học được cách cảm nhận về đẹp của tự nhiên để từ đó chúng biết cảm nhận thế giới với mọi sự hấp dẫn và đa dạng của nó.

### 3. **Bản chất của việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non**

Tuổi mầm non là giai đoạn đầu của quá trình hình thành nhân cách con người, đặt nền móng cho việc hình thành thái độ đúng của trẻ đối với thế giới xung quanh và giúp trẻ định hướng trong thế giới đó. Vì vậy, giáo dục môi trường cho trẻ lứa tuổi này có nhiều tiềm năng và triển vọng đối với việc hình thành thái độ, hành vi đúng của trẻ đối với môi trường xung quanh.

*Vấn đề cơ bản nhất trong giáo dục môi trường là tác động qua lại của con người với tự nhiên.* Tự nhiên đem đến cho con người các giá trị về vật chất và tinh thần. Các giá trị vật chất được thể hiện ở hệ thống tất cả các yếu tố tạo nên môi trường sống của con người và là cơ sở cho hoạt động sản xuất. Các giá trị tinh thần được thể hiện ở việc tạo ra cảm hứng và kích thích hoạt động sáng tạo. Tự nhiên phản ánh trong các sản phẩm nghệ thuật khác nhau, tạo nên giá trị diệu khiển thế giới. Do vậy, để hình thành biểu tượng đầu tiên về tự nhiên có thể thông qua các ví dụ thực tế về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên của con người, hậu quả của các tác động này lên tự nhiên và sức khoẻ con người.

Mục đích của giáo dục môi trường cho trẻ mẫu giáo là hình thành những cơ sở đầu tiên về văn hoá môi trường, trên cơ sở đó tiếp tục mở rộng những hiểu biết mới cho trẻ ở các lứa tuổi sau, đảm bảo cho trẻ có thể linh hội đầy đủ và trọn vẹn biểu tượng về mối quan hệ giữa môi trường và con người, giúp con người có thể sống và phát triển trong môi trường đó. Yếu tố đầu tiên của văn hoá môi trường được hình thành trên cơ sở những tác động qua lại của trẻ với thế giới đồ vật - tự nhiên có xung quanh trẻ dưới sự điều khiển của người lớn như: động vật, thực vật, môi trường sống của chúng, các đồ vật làm từ các vật liệu có nguồn gốc tự nhiên. Mục đích này về giáo dục môi trường thống nhất với quan điểm giáo dục trẻ mầm non hiện nay vì nó định hướng vào các giá trị văn hoá đạo đức của con người trong các lĩnh vực quan trọng của môi trường xung quanh là môi trường thiên nhiên; nhân tạo, những người xung quanh và bản thân.

Bản chất của giáo dục môi trường được thể hiện ở việc hình thành thái độ đúng đắn và có ý thức của con người với tự nhiên theo mọi thành phần của nó - con người với tư cách là người bảo vệ và tạo dựng môi trường, cũng như với con người - đã dựa vào tự nhiên để tạo nên sự giàu có vật chất và các giá trị tinh thần cho mình. Đó cũng là thái độ đối với bản thân như một phần của tự nhiên, hiểu được giá trị của cuộc sống, sức khoẻ và sự phụ thuộc của nó vào trạng thái môi trường xung quanh.

Quá trình giáo dục môi trường được bắt đầu từ việc cung cấp tri thức về môi trường và sự biến đổi nó thành thái độ đúng của trẻ đối với môi trường xung quanh. Kiến thức là yếu tố không thể thiếu được của quá trình hình thành văn hoá môi trường, còn thái độ là kết quả cuối cùng của nó. Tri thức sẽ hình thành khía cạnh ý thức của thái độ và từ đó sẽ tạo nên ý thức về môi trường. Thái độ được hình thành bên ngoài sự hiểu biết về mối quan hệ có tính quy luật trong tự nhiên, mối quan hệ tự nhiên, xã hội của con người với môi trường xung quanh không thể là cốt lõi của nhận thức về môi trường, nó coi thường tính tích cực của quá trình này và dựa trên các yếu tố tiêu cực. Văn đề giáo dục môi trường đã đặt trọng tâm sự chú ý vào tự nhiên và nhìn nhận con người là một phần của nó, thấy được sự cần thiết nghiên cứu những quy luật tồn tại trong tự nhiên. Chỉ có kiến thức mới giúp con người tác động đúng đắn lên tự nhiên và sống theo quy luật của tự nhiên.

Việc nghiên cứu quy luật tự nhiên có thể bắt đầu từ nhỏ trong phạm vi giáo dục môi trường. Do vậy, quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non cần phải dựa trên mối quan hệ giữa con người với tự nhiên để cung cấp các tri thức cần thiết cho trẻ, trên cơ sở đó sẽ hình thành thái độ đúng của trẻ với môi trường xung quanh. Cụ thể:

*Thứ nhất, mối quan hệ giữa cơ thể sinh vật và môi trường sống được thể hiện ở quy luật về sự thích nghi của nó trong quá trình phát triển.* Việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non được bắt đầu bằng việc cho trẻ làm quen với cuộc sống của các sinh vật (động vật, thực vật) gần gũi, quen thuộc xung quanh trẻ, mối quan hệ của nó với môi trường sống cụ thể và sự phụ thuộc của nó vào môi trường. Trẻ cần nắm được cơ chế của mối quan hệ này là sự thích nghi có liên quan tới đặc điểm cấu tạo và chức năng của các cơ quan khác nhau và khả năng điều khiển của nó đối với động, thực vật trong quá trình sống. Khi chăm sóc động, thực vật, trẻ sẽ nắm được tính chất khác nhau về nhu cầu của nó đối với môi trường xung quanh trong các giai đoạn phát triển và hiểu rằng lao động của con người sẽ góp phần tạo dựng nên môi trường sống bền vững xung quanh chúng ta.

*Thứ hai, sự đa dạng sinh vật và sự thống nhất của nó.* Trẻ cần được làm quen với các loại sinh vật với ý nghĩa là cơ thể sống nhằm hình thành biểu tượng ban đầu, có hệ thống về sự phụ thuộc nhu cầu của chúng trong môi trường sống, sự thống nhất và đa dạng của các loại môi trường sống, sự đa dạng về nhóm sinh vật có nguồn gốc khác nhau cùng tồn tại trong một môi trường.

*Thứ ba, con người là một phần của tự nhiên, môi trường sống của con người liên quan đến việc đảm bảo sức khỏe và hoạt động sống bình thường của con người.* Trẻ cần được làm quen với những cơ sở ban đầu về sinh thái học người nhằm hình thành biểu tượng đầu tiên về nhu cầu sinh lí của con người có thể thỏa mãn trong môi trường sống bình thường; cũng cố những hiểu biết của trẻ về khả năng tự đánh giá sức khỏe, những thói quen đơn giản về cuộc sống của con người.

*Thứ tư, việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong hoạt động của con người, sự ô nhiễm môi trường xung quanh và việc bảo vệ, khôi phục tài nguyên thiên nhiên.* Trẻ cũng cần được làm quen với các yếu tố sinh học xã hội như: việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong hoạt động của con người nhằm hình thành thái độ có ý thức giữ gìn, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Giai đoạn đầu tiên của việc hình thành thái độ đúng của trẻ với môi trường xung quanh là cung cấp tri thức về môi trường cho trẻ. Sự biến đổi tri thức thành thái độ đúng với môi trường xung quanh được thực hiện trên cơ sở sử dụng các phương pháp định hướng cá nhân trong quá trình làm việc với trẻ của giáo viên. Biểu hiện rõ rệt nhất của điều này là hoạt động của trẻ. Kết quả của giáo dục môi trường được thể hiện bằng các chỉ số về thái độ của trẻ đối với môi trường tự nhiên xung quanh, với thế giới đồ vật, với moi người và bản thân, trong đó chứa đựng các yếu tố nhận thức, thẩm mĩ, đạo đức. Việc chuyển nhận thức thành thái độ được thể hiện ở hứng thú rõ rệt với các sự vật và hiện tượng trong tự nhiên.

Có thể nói về khía cạnh thẩm mĩ của thái độ nếu sự chú ý của trẻ hướng đến đặc điểm bên ngoài của hiện tượng, làm cơ sở cho việc diễn giải giá trị; còn khía cạnh đạo đức của thái độ được thể hiện ở sự đồng cảm, sự lo lắng, hành động sẵn sàng giúp đỡ.

Hoạt động độc lập của trẻ được thực hiện một cách tự giác, phù hợp với các xúc cảm tích cực là sự lí giải xác đáng cho các thông tin đã thực hiện. Trong quá trình giáo dục môi trường có thể sử dụng các dạng hoạt động sau cho trẻ:

– Trò chơi đóng vai phản ánh những hiện tượng khác nhau trong tự nhiên hoặc các hoạt động cai tạo thiên nhiên của con người và việc con người sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên.

- Hoạt động thực hành có liên quan đến việc xây dựng và gìn giữ các điều kiện sống trong vườn trường, các hoạt động phục chế những đồ vật.
- Hoạt động sáng tạo của trẻ trên cơ sở các ấn tượng về thiên nhiên, môi trường văn hoá xã hội hay hoạt động lao động và sinh hoạt của con người.
- Thực nghiệm: hoạt động nhận thức thực hành với các đối tượng tự nhiên kết hợp với quan sát và đưa ra kết luận.
- Hoạt động ngôn ngữ: đặt câu hỏi, thông báo, tham gia đàm thoại, trao đổi thông tin, cảm xúc, làm chính xác biểu tượng về tự nhiên, xã hội với sự trợ giúp của ngôn ngữ.
- Quan sát: nhằm bổ sung thông tin về tự nhiên và hoạt động của con người trong tự nhiên.
- Xem sách, tranh, tivi là hoạt động đảm bảo cho trẻ lĩnh hội các biểu tượng mới và làm chính xác biểu tượng đã có về tự nhiên.

#### **4. Đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non**

Lứa tuổi mầm non là giai đoạn phát triển mạnh mẽ và không ngừng hoàn thiện những khả năng thể chất, tâm lý và hình thành nhân cách. Trong những năm đầu tiên, trẻ đã làm chủ được cơ thể và các vận động cơ bản, trên cơ sở đó phát triển nhanh cơ quan cảm nhận và sự điều khiển vận động được hình thành, quá trình tri giác được hoàn thiện. Trẻ lĩnh hội được ngôn ngữ, còn tư duy của trẻ đang trải qua các giai đoạn phát triển cơ bản từ trực quan hành động đến tư duy lôgic. Kinh nghiệm sống của trẻ nhanh chóng được tích luỹ, khối lượng biểu tượng của trẻ được mở rộng, ý thức của trẻ đã dần dần được điều khiển. Ở trẻ đã xuất hiện khả năng tự ý thức, hiểu được vị trí của mình trong mối quan hệ với những người gần gũi xung quanh. Trẻ đã bắt đầu định hướng được trong thế giới tự nhiên và đồ vật xung quanh, khám phá những giá trị của chúng. Những thành tựu này về sự phát triển của trẻ là cơ sở quan trọng giúp trẻ có thể lĩnh hội những tri thức đầu tiên về môi trường.

##### *- Khả năng lĩnh hội tri thức về sự thích nghi của sinh vật với môi trường*

Thực tiễn giáo dục trẻ mầm non cho thấy, bắt đầu từ 3 tuổi trẻ có thể lĩnh hội được biểu tượng về sự phụ thuộc của các hiện tượng tự nhiên dưới hình thức trực quan. Các kết quả nghiên cứu thực tiễn đã cho thấy rằng trẻ mẫu giáo hiểu được sự phụ thuộc của đời sống thực vật với các yếu tố của môi trường như độ ẩm, nhiệt độ ánh sáng, đất...; hổng thú và hiểu được sự thích nghi của động vật với môi trường sống; trong điều kiện tổ chức quan sát có hệ thống, trẻ 5 tuổi theo dõi và hiểu được mối quan hệ sinh học trong một số loài như: quần thể thực vật trong rừng, các loài sinh vật sống trong đầm lầy...

Ở lứa tuổi mẫu giáo bé, trẻ có thể dõi theo và hiểu được mối quan hệ đơn giản. Trong điều kiện tổ chức giáo dục có hệ thống và liên tục ở lứa tuổi mẫu giáo lớn, trẻ có khả năng hiểu được mối quan hệ tổng hợp các dấu hiệu và sự phụ thuộc của cơ thể sống vào hàng loạt các yếu tố khác nhau như: thực vật không chỉ cần nước, mà còn cần ánh sáng, độ ẩm, chất dinh dưỡng. Giáo viên cần cho trẻ thấy rằng con người là nhân tố quan trọng trong cuộc sống sinh vật vì con người quan tâm đến tự nhiên, bằng lao động của mình đã bổ sung thêm các yếu tố tự nhiên mà cuộc sống các sinh vật phải phụ thuộc vào nó. Ví dụ, cây bàng có thể tự “uống nước” có ở dưới đất hoặc khi trời mưa, nhưng những lúc nắng hạn nó cần sự giúp đỡ của con người nên cần phải tưới nước cho nó, xới đất cho nó...

Các kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, đến cuối lứa tuổi mầm non khả năng linh hội trí thức về mối quan hệ của trẻ ngày càng tăng, trẻ không chỉ hiểu được các yếu tố riêng biệt của sự ảnh hưởng mà còn nắm được hệ thống cụ thể các tri thức về đặc điểm, sự lớn lên và phát triển cũng như sự thích nghi của động thực vật với môi trường sống. Kết quả nghiên cứu cho thấy có thể hình thành ở trẻ một loại biểu tượng đặc biệt phản ánh quá trình thay đổi chức năng của cơ thể sống và sự phụ thuộc của nó vào môi trường sống. Trong quá trình chăm sóc và quan sát động, thực vật, trẻ có thể hiểu được các yếu tố của môi trường đảm bảo trạng thái phát triển tốt cho sinh vật; trẻ có thể kiên trì chờ đợi sự phát triển của nụ hoa, chồi non... hứng thú và có ý thức nghe và thực hiện các yêu cầu của giáo viên về sự cần thiết phải tạo ra môi trường đặc biệt trong giai đoạn sinh nở của động vật: cần yên tĩnh, chăm sóc cẩn thận hơn, đa dạng hoá thức ăn, thức ăn riêng cho con nhỏ. Quá trình chăm sóc động, thực vật ở trẻ hình thành thái độ đặc biệt với động vật nhỏ: nhẹ nhàng, thận trọng và quan tâm các con vật nhỏ. Ở trẻ xuất hiện sự đồng cảm, có hành động chuẩn bị giúp đỡ và làm những việc cần thiết để giúp đỡ các cơ thể non nớt. Trong trường hợp cụ thể, trẻ ý thức được vai trò của lao động con người trong cuộc sống thực vật, động vật và có khả năng tác động lên các đối tượng tự nhiên.

#### *- Khả năng linh hội trí thức về sự đa dạng sinh vật trong môi trường sống*

Khả năng nhận thức sự đa dạng thế giới động, thực vật của trẻ mẫu giáo được hình thành trên cơ sở so sánh sự khác và giống nhau của các sinh vật không cùng loài nhưng lại sống trong cùng điều kiện như nhau. Trong quá trình làm quen với động vật, trẻ dựa vào những hình ảnh trực quan và đưa ra kết luận trên cơ sở tư duy trực quan hình tượng. Sau đó, sử dụng cách tiếp cận sinh thái học trong việc xem xét các đối tượng cụ thể và tập hợp chúng thành nhóm dựa trên các dấu hiệu chung của nó và mối quan hệ với môi trường sống.

Yếu tố quan trọng là hình thành ở trẻ những hiểu biết đầu tiên về đặc điểm của cơ thể sống với những giá trị riêng, không lặp lại của nó. Trẻ 5 tuổi có thể dễ dàng phân biệt được các con vật biết bay và tìm ra những điểm giống nhau giữa chúng là đều có cánh nên bay được; khám phá sự khác nhau của động vật dưới nước qua đặc điểm, cấu tạo như đều biết bơi và cách thức bơi, tốc độ của chúng khác nhau.

Trẻ mẫu giáo đã có biểu tượng đúng về tự nhiên hữu sinh, nhưng mức độ chính xác của biểu tượng phụ thuộc vào lứa tuổi. Nếu trẻ 4 tuổi còn nhầm lẫn giữa vật hữu sinh và vật vô sinh thì trẻ 5 tuổi có thể phân biệt chính xác. Trẻ 4 tuổi nhận biết vật hữu sinh theo hai dấu hiệu nổi bật nhất: sự lớn lên là dấu hiệu đặc trưng của mỗi cơ thể sống, còn dấu hiệu di chuyển trong không gian chỉ có ở người và động vật. Ngoài ra, trẻ còn biết một số dấu hiệu khác của của người, động vật là cần ăn uống, có xúc cảm, tình cảm, phát ra âm thanh, của thực vật là cần nước, ánh sáng, đất... Đối với vật vô sinh, trẻ không nêu được những đặc điểm đặc thù của nó, mà chỉ mô tả chúng là những vật không động đậy, không di chuyển, không sống.

Như vậy, có thể hình thành ở trẻ biểu tượng về vật vô sinh và hữu sinh, mặc dù ở trẻ còn có những hạn chế nhất định. Dấu hiệu đặc trưng nhất của động vật là sự vận động, sự di chuyển cơ thể trong không gian, thay đổi vị trí, phát ra tiếng kêu, nhưng quan trọng nhất là khả năng trao đổi chất, sự sinh sản, phát triển đều có ở tự nhiên hữu sinh.

#### *- Khả năng linh hội tri thức về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên*

Nhận thức của trẻ về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên được thể hiện ở ba loại tri thức quan trọng là: biện pháp sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người; việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phục hồi chúng; con người với tư cách là cơ thể sống, cần có môi trường nhất định để sống.

Trong lĩnh vực sử dụng tài nguyên thiên nhiên, trẻ mẫu giáo có thể linh hội được các tri thức có liên quan đến hoạt động thực tiễn của trẻ và những quan sát thường ngày của chúng. Ví dụ, trong cuộc sống hàng ngày, trẻ mẫu giáo có biểu tượng rõ ràng về việc sử dụng nước, đồ vật làm từ cây, giấy. Từ các ví dụ này, có thể cho trẻ làm quen với việc sử dụng tiết kiệm và gìn giữ các vật liệu thiên nhiên.

Việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và sự phục hồi chúng. Thực tiễn cho trẻ làm quen với tự nhiên và lao động của người lớn đã cung cấp các tri thức sống động về tác động của con người với thế giới tự nhiên. Lao động của trẻ trong góc thiên nhiên, trong vườn trường, việc chăm sóc động thực vật, lao động trồng cây, gieo hạt, đàm thoại về công việc của người lao động đã giúp trẻ tự xác định được

sự phụ thuộc giữa sự sống, trạng thái động thực vật với hoạt động của con người. Nhiệm vụ ở đây là làm thế nào để trẻ có thể ý thức được sự phụ thuộc này và hiểu được rằng sự phát triển, trạng thái, bản thân cuộc sống của động thực vật xung quanh phụ thuộc vào các hoạt động thực tiễn, hành vi và sự cố gắng của con người. Tuy nhiên, việc hình thành các biểu tượng này cần phải thực hiện trong suốt giai đoạn mẫu giáo.

Tóm lại, lứa tuổi mầm non là giai đoạn hình thành nhân cách trẻ, phát triển ở trẻ khả năng định hướng trong môi trường xung quanh. Những khả năng của lứa tuổi này về thể chất, tâm lí, trí tuệ cho phép có thể hình thành ở chúng những cơ sở ban đầu của giáo dục môi trường, tạo nền tảng cho sự tác động qua lại tích cực của trẻ với môi trường xung quanh.

## 5. Quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ mầm non hiện nay

### 5.1. Phương thức tiếp cận trong giáo dục môi trường

Giáo dục môi trường nhằm vận dụng kiến thức, kỹ năng của mỗi cá nhân và cộng đồng vào gìn giữ, bảo tồn và sử dụng môi trường, đảm bảo môi trường bền vững cho thế hệ hiện nay và mai sau. Nó cũng bao hàm cả việc học cách sử dụng các công nghệ mới nhằm tăng năng suất, xoá đói giảm nghèo, tránh được các thảm họa môi trường, tận dụng các cơ hội và đưa ra các quyết định khéo léo trong sử dụng tài nguyên. Đồng thời, nó cũng bao hàm việc đạt được kỹ năng, có cam kết, động lực để giải quyết những vấn đề môi trường hiện nay.

Để đạt được điều này, giáo dục môi trường cho trẻ mầm non hướng đến các cách tiếp cận căn bản sau đây:

*Giáo dục về môi trường:* Trang bị cho trẻ các kiến thức cơ bản về môi trường, các thành phần của nó và mối quan hệ giữa chúng với nhau, cung cấp những kiến thức về hệ thống tự nhiên và hoạt động của nó, những tác động của con người tới môi trường.

*Giáo dục trong môi trường:* Coi môi trường tự nhiên, nhân tạo là địa bàn, phương tiện để học tập, nghiên cứu, giáo dục trẻ. Môi trường sẽ trở thành “phòng thí nghiệm thực tế” để hình thành ở trẻ kỹ năng tác động qua lại với môi trường.

*Giáo dục vì môi trường:* Trên cơ sở các kiến thức về môi trường, các kỹ năng được hình thành trong quá trình tác động qua lại với môi trường sẽ hình thành thái độ quan tâm đến môi trường, có trách nhiệm trước các vấn đề môi trường cho trẻ.

Ba cách tiếp cận trên đây trong giáo dục môi trường có quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ lẫn nhau và được xác định dựa trên mối quan hệ cơ bản giữa con

người và môi trường. Bản chất của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non là cung cấp tri thức về môi trường cho trẻ và trên cơ sở đó, biến tri thức thành thái độ đúng của trẻ đối với môi trường xung quanh. Quá trình chuyển tri thức về môi trường (giáo dục về môi trường) thành thái độ đúng của trẻ đối với môi trường xung quanh (giáo dục về môi trường) được tiến hành trong chính môi trường sống thực của trẻ (giáo dục trong môi trường) thông qua các hoạt động và sinh hoạt hàng ngày của trẻ mầm non sẽ tạo ra hiệu quả thực tiễn của việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.

### **5.2. Quan điểm tích hợp trong giáo dục môi trường cho trẻ mầm non**

Giáo dục môi trường là một lĩnh vực giáo dục liên ngành. Cho nên, giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non được thực hiện theo quan điểm lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào các môn học và hoạt động thông qua chương trình giáo dục trẻ mầm non. Việc tích hợp nội dung giáo dục môi trường được thực hiện ở các mức độ lồng ghép sau:

- Mức độ lồng ghép hoàn toàn: Mục tiêu và nội dung giáo dục môi trường phù hợp với mục tiêu và nội dung của môn học hay hoạt động cụ thể.
- Mức độ lồng ghép từng phần: Một số phần của bài học hay hoạt động cụ thể có mục tiêu và nội dung phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục môi trường.
- Mức độ liên hệ: Một số bài học hay hoạt động cụ thể có nội dung có thể liên hệ với nội dung giáo dục môi trường và gắn với thực tế ở địa phương.

Việc tích hợp giáo dục môi trường trong các môn học và hoạt động cơ bản của trẻ ở trường mầm non không chỉ giúp cho trẻ có hiểu biết, kĩ năng, thái độ với các vấn đề môi trường, mà cần phải làm cho hứng thú của trẻ với môn học và hoạt động tăng lên, làm phong phú và mở rộng kiến thức, tạo cơ hội cho trẻ được luyện tập cùng cố kiến thức và ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống xung quanh.

#### **CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP**

1. Hãy phân tích khái niệm “Giáo dục môi trường ở trường mầm non”?
2. Lấy ví dụ minh họa vai trò của giáo dục môi trường đối với sự phát triển trẻ mầm non
3. Làm rõ bản chất của việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.
4. Phân tích đặc điểm linh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non.
5. Phân tích quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.

## Chương 3

# QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG Ở TRƯỜNG MẦM NON

---

### MỤC TIÊU

Sau khi học xong chương này, sinh viên cần:

- Nêu được mục đích giáo dục môi trường cho trẻ mầm non và vận dụng để xác định mục đích giáo dục môi trường trong các hoạt động cụ thể ở trường mầm non.
- Biết cụ thể hóa mục đích giáo dục môi trường cho trẻ mầm non qua các nhiệm vụ.
- Phân tích được cơ sở xác định nội dung giáo dục môi trường và xác định được các nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non nói chung và theo lứa tuổi nói riêng.
- Vận dụng được các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non và có kỹ năng lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non.
- Có kỹ năng thiết kế và triển khai các hình thức giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non.
- Biết lựa chọn các điều kiện giáo dục môi trường phù hợp với từng hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non.

#### 1. Mục đích giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non hướng tới các mục tiêu:

- Hình thành biểu tượng về môi trường sống, mối quan hệ giữa con người và môi trường và việc bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm tâm sinh lý của trẻ.
- Giáo dục trẻ bước đầu có ý thức quan tâm đến các vấn đề môi trường, nhận biết được trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường.
- Hình thành một số kỹ năng bảo vệ và gìn giữ môi trường, ứng xử tích cực trong việc giải quyết vấn đề môi trường, bước đầu có thói quen bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi.

Các mục tiêu trên có liên quan mật thiết với nhau. Việc hình thành nó được bắt đầu từ cung cấp những tri thức ban đầu về sự vật và hiện tượng xung quanh cho trẻ đến mức có thể hình thành xúc cảm, tình cảm tích cực của trẻ với môi trường. Trên cơ sở đó, tạo điều kiện cho trẻ có cơ hội trải nghiệm, luyện tập hành vi, thói quen đúng trong quan hệ với môi trường xung quanh.

## 2. Nhiệm vụ giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

Mục đích giáo dục môi trường cần được cụ thể hóa ở các nhiệm vụ sau đây:

- Tạo cơ hội cho trẻ được tiếp cận với môi trường, với các thành phần cơ bản của nó thông qua các phương tiện giáo dục ở trường mầm non.
- Giúp trẻ khám phá môi trường xung quanh dựa trên khả năng kinh nghiệm của trẻ ở các lứa tuổi và đặc điểm riêng của mỗi trẻ.
- Tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm trong môi trường thông qua các hoạt động đa dạng ở trường mầm non.
- Tạo cơ hội cho trẻ được chia sẻ hiểu biết, suy nghĩ, xúc cảm, tình cảm với bạn và những người xung quanh về các vấn đề môi trường và việc bảo vệ môi trường.
- Sử dụng các hoạt động đa dạng ở trường mầm non để rèn luyện kỹ năng, hành vi, thói quen bảo vệ môi trường cho trẻ.

## 3. Nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

### 3.1. Cơ sở xác định nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

#### 3.1.1. Cân cứ vào mục tiêu giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

Mục tiêu giáo dục môi trường cho trẻ mầm non là trang bị tri thức, hình thành thái độ, kỹ năng, hành vi. Do vậy, nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non cũng phải được xác định dựa theo các hướng trên để đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu đặt ra.

Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non sẽ tập trung vào bốn nội dung lớn sau:

- Môi trường sống của con người.
- Mọi quan hệ giữa con người và môi trường.
- Sự ô nhiễm môi trường.
- Bảo vệ môi trường.

### *3.1.2. Căn cứ vào đặc điểm lứa tuổi và khả năng nhận thức của trẻ mầm non*

Sự phát triển của trẻ diễn ra theo nhiều lĩnh vực có liên quan chặt chẽ với nhau: thể chất, nhận thức, tình cảm, xã hội. Sự phát triển của lĩnh vực này có ảnh hưởng đến sự phát triển của các lĩnh vực khác. Sự phát triển của trẻ diễn ra theo các bước có thể dự đoán trước. Trong đó, có sự phát triển khác biệt ở từng cá nhân về tốc độ phát triển. Cho nên, giáo viên cần phải lựa chọn nội dung giáo dục cho phù hợp với từng lứa tuổi và từng trẻ riêng biệt.

Sự phát triển của trẻ diễn ra liên tục là do sự tương tác giữa trẻ với môi trường. Môi trường có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của trẻ em. Do vậy, cần sử dụng môi trường làm phương tiện có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của trẻ và giáo dục thái độ đúng cho trẻ trong quan hệ với môi trường.

Trẻ mẫu giáo nhận thức thông qua cảm nhận trực tiếp từ các hành động cảm giác, tri giác cụ thể sự vật, hiện tượng trong môi trường. Sự cảm nhận này diễn ra theo kiểu trực giác và tổng thể. Hoạt động tư duy theo kiểu trực quan hành động và trực quan hình tượng và thường gắn liền với cảm xúc và ý muốn chủ quan. Do vậy, nội dung giáo dục cần cung cấp cho trẻ theo hướng tích hợp sẽ phù hợp với sự phát triển và đặc điểm nhận thức mang tính tổng thể ở trẻ.

### *3.1.3. Căn cứ vào chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non*

Trong chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non nội dung giáo dục được cấu trúc theo chủ đề. Đó là nội dung hoặc một phần kiến thức mà trẻ có thể tìm hiểu, khám phá theo nhiều cách khác nhau dưới sự tổ chức và hướng dẫn của giáo viên, diễn ra trong một khoảng thời gian thích hợp.

Một chủ đề có thể bao gồm một số chủ đề nhánh. Phạm vi kiến thức và hoạt động của một chủ đề được mở ra rất linh hoạt, không bị khép kín (từ kiến thức cốt lõi sẽ mở rộng, cho phép trẻ tìm hiểu và lĩnh hội tùy theo khả năng của lứa tuổi và từng trẻ riêng biệt). Kiến thức trong một chủ đề thường mang tính tích hợp, nghĩa là, để có được sự hiểu biết đầy đủ về một chủ đề nào đó, người dạy và người học phải vận dụng tri thức từ các ngành khoa học khác nhau như: tự nhiên, khoa học xã hội, nghệ thuật, sức khoẻ và dinh dưỡng...

Do vậy, để xác định nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non, cần phải nắm được hệ thống các chủ đề có trong chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ, sự phân bố các chủ đề đó trong suốt năm học và yêu cầu nâng cao dần về nội dung của nó ở các lứa tuổi. Từ đó, sẽ xác định các nội dung giáo dục môi trường có thể khai thác được qua các chủ đề. Dựa vào việc thiết kế mạng hoạt động sẽ xác định nội dung giáo dục môi trường trong các hình thức giáo dục trẻ ở trường mầm non.

### **3.2. Nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non**

Trong Báo cáo môi trường toàn cầu của Liên hợp quốc - UNEP, năm 2000 đã chỉ rõ môi trường sinh thái lấy con người làm trung tâm, bao gồm các loại môi trường cụ thể:

- Môi trường sinh vật: thực vật, động vật, vi sinh vật, rừng.
- Môi trường nước: nước ngầm, nước sông hồ, nước biển.
- Môi trường không khí, ánh sáng, khí hậu, thời tiết.
- Môi trường đất, cát, sỏi, đá, các khoáng sản.

- Môi trường kinh tế - xã hội: MT đô thị - nông thôn, MT gia đình, MT sản xuất, MT học đường, MT chính trị - xã hội, MT văn hoá - giáo dục, MT văn hoá - lịch sử.

Dựa trên quy luật vận động và phát triển của các đối tượng có trong môi trường, mối quan hệ của nó với con người, sự ô nhiễm môi trường do con người tạo ra và sự cần thiết phải bảo vệ môi trường, có thể xác định nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non theo các lĩnh vực trên như sau:

#### **3.2.1. Lĩnh vực 1: Môi trường sinh vật (động vật, thực vật)**

Động, thực vật thuộc thế giới tự nhiên hữu sinh, có vị trí quan trọng trong quá trình phát triển của cá thể riêng và con người nói chung. Bảo vệ động, thực vật cũng có nghĩa là bảo vệ môi trường sống của con người. Để hình thành thái độ và hành vi tích cực của trẻ với thế giới động vật cần giúp trẻ hiểu rõ bản chất của động, thực vật là cơ thể sống nên có khả năng dinh dưỡng, hô hấp, sinh sản và phát triển để duy trì sự sống của mình. Các loài động, thực vật đều có cấu tạo với đầy đủ các bộ phận phù hợp với các chức năng sống khác nhau, có liên quan đến môi trường nơi cư trú của nó và các tác động của con người. Tóm lại, cấu tạo, chức năng, hoạt động sống và môi trường có quan hệ qua lại chặt chẽ trong đời sống sinh vật.

Nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non ở lĩnh vực này bao gồm:

- *Sự thích nghi của động, thực vật với môi trường sống:* Trẻ biết được đặc điểm cấu tạo của động, thực vật; mỗi bộ phận của nó thực hiện các chức năng khác nhau; nó tồn tại ở vị trí thích hợp để có thể sử dụng các điều kiện của môi trường như nước, không khí, ánh sáng, độ ẩm, chất dinh dưỡng...

- *Sự đa dạng sinh học và sự thống nhất của nó:* Trẻ biết được: tên gọi, sự khác và giống nhau của nhiều loài động, thực vật dựa vào đặc điểm cấu tạo, chức năng, nhu cầu, môi trường sống của mỗi loài; sự phong phú, đa dạng của các loài động,

thực vật trong cùng một môi trường sống (có nhiều loại động thực vật khác nhau, chúng có các đặc điểm khác nhau, nhưng cũng có những điểm chung, cùng tồn tại trong một khu vực nhất định...).

#### *- Mối quan hệ giữa con người với động, thực vật*

Động, thực vật đem lại nhiều lợi ích cho con người như cung cấp nguồn thức ăn đa dạng với đủ các thành phần dinh dưỡng cần thiết; tạo ra không khí trong lành cần cho sự sống; là nguồn nguyên liệu quý giá để sản xuất ra các vật dụng cần thiết trong đời sống hằng ngày (quần áo, đồ dùng, đồ chơi, dụng cụ học tập...); bảo vệ con người khỏi các tác động của khói bụi, tiếng ồn, chất độc hại, nắng mưa, gió bão, hạn hán, lũ lụt; là thành phần của hệ sinh thái cho nên động thực vật bảo đảm sự cân bằng, phát triển bền vững môi trường tự nhiên.

Trong cuộc sống hằng ngày, con người sử dụng các nguồn lợi từ thực vật, động vật, đồng thời cũng phải tạo các điều kiện để duy trì sự sống, bảo vệ và phát triển nó.

#### *- Sự ô nhiễm môi trường do tác động của con người đến động, thực vật*

Khai thác, săn bắt động thực vật bừa bãi làm cạn kiệt về số lượng cá thể, chủng loại, làm giảm khả năng ngăn gió bụi, xói mòn, cạn kiệt nguồn nước, làm đất bạc màu...

Không chú ý vệ sinh khi giết mổ động vật, chế biến thực phẩm từ động thực vật, vệ sinh khi ăn uống, xử lý nước thải, khói bụi trong sản xuất công nghiệp, thực phẩm sẽ làm ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất.

#### *- Bảo vệ tài nguyên môi trường sinh vật*

Biết sử dụng những nguồn lợi do động thực vật đem lại cho con người một cách có ích, tiết kiệm, tránh lãng phí và giữ gìn vệ sinh cá nhân và môi trường khi ăn uống, hoạt động.

Quan tâm, chăm sóc, bảo vệ động thực vật: cần trồng cây, chăn nuôi; quan tâm, chăm sóc động thực vật (tưới cây, nhổ cỏ, làm sạch bụi cho lá, xới đất... cho các loại động vật ăn, làm sạch nơi ở của chúng...).

Phê phán những hành vi làm hại động thực vật: phản đối, can ngăn việc làm hại cây trồng (bứt lá, bẻ cành, chặt cây...), làm hại động vật (phá nơi ở, ném đất đá, chọc ngoáy...).

### **3.2.2. Lĩnh vực 2: Môi trường nước (nước ngầm, nước sông hồ, nước biển)**

Nước là yếu tố tự nhiên vô sinh trong tự nhiên có ảnh hưởng đến đời sống, sự sinh trưởng và phát triển của động, thực vật và con người. Nước được hình thành

do tác động của các hành tinh trong vũ trụ trước khi các loài sinh vật và con người xuất hiện và cũng chịu ảnh hưởng bởi các tác động của con người và tự nhiên hưu sinh. Sự tồn tại của nước trong tự nhiên diễn ra theo quy luật riêng của nó với tính chất đặc trưng là nó không tự sinh ra, không tự mất đi mà chỉ chuyển biến từ dạng này sang dạng khác. Vì thế, trong tự nhiên nó tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau: lỏng, hơi, rắn.

Nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non ở lĩnh vực này bao gồm:

– *Làm quen với tên gọi, đặc điểm, tính chất của các loại nước trong tự nhiên* (nước mưa, nước sông, hồ, ao, biển, nước ngầm); vị trí của nó trong tự nhiên, mối quan hệ của nó với nhau.

– *Mối quan hệ giữa con người và động, thực vật với môi trường nước*

Nước cần cho sự sống của con người và động, thực vật. Con người cần nước để uống, chế biến thực phẩm, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường không khí, đất, sử dụng nước trong sản xuất.

Con người sử dụng nước trong sinh hoạt, sản xuất nhưng cũng quan tâm đến việc giữ gìn vệ sinh các nguồn nước và tạo môi trường thuận lợi để duy trì các nguồn nước trong tự nhiên.

– *Ô nhiễm môi trường nước*

Nước thải trong sinh hoạt như ăn uống, tắm giặt, học tập, vui chơi, khám chữa bệnh... của con người trong gia đình, trường học, bệnh viện không hợp vệ sinh sẽ làm ô nhiễm nguồn nước.

Nước thải trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải cũng có thể làm ô nhiễm nhiều nguồn nước.

Nước chảy tràn mặt đất do mưa, hay nước thoát từ đồng ruộng là nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước sông, hồ, giếng.

Nước ngọt ngày càng khan hiếm và giảm về chất lượng do dân số tăng nhanh, phát triển công nghiệp, mở rộng hệ thống tưới nước trong nông nghiệp, sử dụng nguồn nước không có quy hoạch và ý thức giữ gìn nguồn nước của con người kém.

– *Bảo vệ môi trường nước*

Vệ sinh môi trường nước: dọn vệ sinh thường xuyên sau khi sử dụng nước xung quanh nguồn nước (nơi tắm rửa, vòi nước, bể chứa nước, hồ nước, nước sông, nước biển...); không vứt rác xuống các nơi chứa nước, các nguồn nước; không đai, tiểu tiện bừa bãi; khi thấy đường nước hỏng, rò rỉ, có rác, côn trùng, chất độc hại rơi vào cần báo cho người lớn...

**Sử dụng nước tiết kiệm:** Chỉ sử dụng đủ lượng nước cần cho ăn uống, sinh hoạt, vệ sinh cá nhân; không nghịch nước, không để nước chảy liên tục khi đánh răng, rửa mặt, rửa tay, rửa cốc chén.

### 3.2.3. *Môi trường không khí*

Môi trường không khí có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống, sức khoẻ, sinh hoạt, hoạt động của con người và động thực vật. Trong không khí có nhiều thành phần, bao gồm các yếu tố lí học như nhiệt độ, độ ẩm, gió và bức xạ mặt trời và các yếu tố hoá học như oxi, cacbonic, nitơ, ôzôn, một số khí độc, bụi khí, các vi sinh vật... Không khí có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp, có lợi hoặc có hại cho con người. Tác nhân của không khí tác động riêng biệt, độc lập với nhau, nhưng thường liên quan, phối hợp với nhau để tác động tới cơ thể.

Sự thay đổi của môi trường không khí theo thời gian trong năm do vị trí địa lý, điều kiện khí hậu và sự quay của Trái Đất xung quanh Mặt Trời. Trạng thái của Trái Đất trên quỹ đạo sẽ xác định thời gian trong năm. Sự chiếu sáng và kéo dài của tia mặt trời vào các thời gian khác nhau có ảnh hưởng đến nhiệt độ, độ ẩm, mưa, gió... làm thay đổi đời sống của động, thực vật và con người trên Trái Đất

Nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non ở lĩnh vực này bao gồm:

– *Hình thành biểu tượng cho trẻ về không khí:* biết được tác động của các nguồn sáng (Mặt Trời, Mặt Trăng, các vì sao) lên Trái Đất sẽ ảnh hưởng đến thành phần không khí, gây ra các hiện tượng thời tiết (nắng, mưa, gió, bão, sấm, chớp, cầu vồng, thuỷ triều...); biết tên gọi, đặc điểm, tính chất, sự thay đổi của các hiện tượng thời tiết theo thời gian trong ngày, trong năm và theo không gian, vị trí địa lý khác nhau.

– *Mối quan hệ giữa con người và môi trường không khí*

**Không khí cần cho sự sống của con người và động thực vật trên Trái Đất:** nó cần cho sự hô hấp, sinh hoạt và sản xuất.

Con người tác động đến môi trường không khí, làm thay đổi môi trường không khí, làm cho không khí sạch hơn như trồng cây, vệ sinh môi trường, xử lí khói bụi, nhưng lại có nhiều hoạt động có thể làm ô nhiễm môi trường không khí.

– *Ô nhiễm môi trường không khí*

Ô nhiễm môi trường không khí khi có sự thay đổi thành phần các chất trong không khí, có tác động xấu tới sức khoẻ con người, các hệ sinh thái, gây biến đổi khí hậu.

Ô nhiễm không khí do các hiện tượng thiên nhiên (núi lửa, cháy rừng, gió bão, xác động vật phân huỷ...), hoạt động, sinh hoạt của con người (sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, sinh hoạt, đốt rác...).

Khi môi trường không khí bị ô nhiễm, gây ra các hiện tượng có hại như: "Hiệu ứng nhà kính" làm nhiệt độ Trái Đất tăng lên gây hạn hán, trời nắng nóng, băng tan, nước dâng lên gây lũ lụt, khí hậu thay đổi; mưa axít làm tăng độ chua của đất gây chết các sinh vật; thủng tầng ôzôn tạo điều kiện cho các tia mặt trời (từ ngoại) chiếu thẳng vào Trái Đất, gây ung thư da, hỏng mắt, dễ bị bệnh tật, làm biến đổi khí hậu.

– *Bảo vệ môi trường không khí*

- + Giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh nơi sinh hoạt và hoạt động, tham gia lao động làm sạch môi trường.
- + Làm giảm các loại khí thải độc trước khi thải vào không khí.
- + Giảm bụi trong không khí: không hút thuốc, không được đốt rác, vứt rác bừa bãi.
- + Sử dụng các nguồn năng lượng sạch như: năng lượng mặt trời, gió, thuỷ điện....

### 3.2.4. *Lĩnh vực 4: Môi trường đất (đất, cát, sỏi, đá, các khoáng sản...)*

Môi trường đất bao gồm các loại đất và các vật thể rắn khác như cát, sỏi, đá, các loại khoáng sản có trên bề mặt hoặc trong lòng Trái Đất. Đó là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá của con người.

Nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non ở lĩnh vực này bao gồm:

- *Hình thành biểu tượng về các loại đất và các vật thể rắn khác (đất, cát, sỏi, đá, các khoáng sản) có trên Trái Đất: tên gọi, đặc điểm, tính chất, sự phân bố của nó trong không gian, sự thay đổi về thành phần, kết cấu do tác động của môi trường sinh vật, nước và không khí.*

– *Mối quan hệ giữa con người, các sinh vật và môi trường đất*

Đất có khả năng cung cấp chất dinh dưỡng, oxi cho cây trồng; là nơi cư trú của các loại sinh vật trên Trái Đất; là môi trường sản xuất lương thực, thực phẩm; là nền móng cho các công trình xây dựng của con người, là đường giao thông thuận tiện cho việc di lại; là nơi cung cấp hầu hết các khoáng sản, vật liệu xây dựng.

Con người sử dụng các nguồn lợi từ môi trường đất, đôi khi cũng gây ô nhiễm môi trường đất nhưng đồng thời cũng có các biện pháp giữ gìn, bảo vệ.

### *- Ô nhiễm môi trường đất*

Là đất bị ảnh hưởng bởi các chất thải rắn của khu công nghiệp, nông nghiệp, khu dân cư làm phá huỷ cảnh quan thiên nhiên, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người và động, thực vật.

#### *Ô nhiễm môi trường đất do nhiều nguyên nhân khác nhau:*

+ Ô nhiễm đất do nước, rác thải sinh hoạt của con người ở gia đình, trường học, bệnh viện, các khu vui chơi giải trí, do mâm bệnh kí sinh, vi khuẩn đường ruột trong phân hữu cơ chưa phân huỷ; do sản phẩm hoá học trong công nghiệp, nông nghiệp (thuốc trừ sâu, chất bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ bao nilon); do chất thải không phân huỷ trong đất như xỉ than, cặn khoáng, chất dẻo...

+ Thoái hoá đất do sự biến đổi khí hậu và hoạt động tiêu cực của con người gây ra: hạn hán, lũ lụt làm xói mòn đất, làm đất bạc màu, thay đổi kết cấu của đất; gió bão làm ô nhiễm bề mặt đất, làm cho các chất hữu cơ chưa phân huỷ, các chất độc hại phát tán trên bề mặt đất; do sử dụng đất không hợp lí, phá rừng, chăn thả quá mức, canh tác không hợp lí... Đất bị thoái hoá có độ phì nhiêu kém đi và mất cân bằng dinh dưỡng do bị rửa trôi, xói mòn, hoang hoá, ngập úng, thoái hoá hữu cơ, đất bị trượt lở.

+ Độ che phủ thực vật tự nhiên bị suy giảm ở vùng trung du và miền núi là nguyên nhân gây xói mòn vào mùa mưa lũ.

+ Sử dụng nước tưới kém chất lượng như nước mặn, nước phèn để tưới nước cho cây trồng, khai thác nước bề mặt quá mức làm nước sông, hồ cạn kiệt.

+ Tình trạng đói nghèo, tăng áp lực dân số, làm cho việc đầu tư thăm canh đất không bền vững (độc canh, thăm canh cây ngắn ngày).

#### *- Bảo vệ môi trường đất*

+ Không vứt rác bừa bãi, đi đại, tiểu tiện đúng nơi quy định.

+ Giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, tích cực tham gia vào lao động vệ sinh ở gia đình, trường lớp, nơi công cộng.

+ Tham gia trồng cây, giữ gìn môi trường không khí, nước trong sạch.

#### *3.2.5. Lĩnh vực 5: Môi trường kinh tế - xã hội (MT đô thị - nông thôn, MT gia đình, MT sản xuất, MT học đường, MT chính trị - xã hội, MT văn hoá - giáo dục, MT văn hoá - lịch sử)*

Môi trường kinh tế - xã hội bao gồm: con người, đồ vật do con người làm ra, hoạt động lao động của con người, mối quan hệ của con người trong môi trường.

Nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mầm non ở lĩnh vực này bao gồm:

– *Có biểu tượng về môi trường kinh tế - xã hội*

+ Hiểu biết về bản thân và những người xung quanh: biết tên gọi, đặc điểm cấu tạo, chức năng cơ thể; nhận biết được các nhu cầu sinh lý, tình cảm, nhận thức... của bản thân và những người xung quanh và biết cách thể hiện nó.

+ Biết được vai trò, vị trí, trách nhiệm của bản thân và những người gần gũi trong gia đình, trong lớp; biết được các hoạt động thường ngày diễn ra ở gia đình, trong lớp học; biết được các yêu cầu, quy định ở gia đình, lớp học và ở trường, khu dân cư.

+ Biết được các ngành nghề khác nhau trong xã hội (đặc biệt là các nghề liên quan đến việc làm sạch môi trường): tên gọi, trang phục, dụng cụ, sản phẩm, nơi làm việc, quá trình làm việc và những phẩm chất cần có của mỗi nghề khác nhau; biết được sự xuất hiện các nghề là do nhu cầu ngày càng cao của con người; biết tên gọi, đặc điểm cấu tạo, chức năng, cách sử dụng, cách bảo quản các đồ vật có trong gia đình, trường, lớp học, các phương tiện giao thông...

+ Biết được các di tích lịch sử, công trình văn hóa, danh lam thắng cảnh ở địa phương.

– *Mối quan hệ giữa con người và môi trường kinh tế - xã hội*

Là nơi trẻ sinh ra, lớn lên và phát triển thành người; nó tạo ra các điều kiện giúp trẻ dễ thích ứng với môi trường xung quanh; trẻ linh hoạt các kinh nghiệm lịch sử xã hội để dần dần có thể chủ động, độc lập giải quyết các vấn đề xảy ra trong cuộc sống, sinh hoạt và hoạt động; là nơi trẻ được chia sẻ, thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ, khả năng và trách nhiệm của mình với những người xung quanh.

Trong quá trình sử dụng các điều kiện của môi trường kinh tế - xã hội, trẻ cũng tham gia vào việc duy trì và phát triển nó, nhưng đồng thời vô tình cũng có các tác động không thuận lợi làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của nó.

– *Những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh tế - xã hội*

+ Những hành vi, thói quen xấu của con người như không thực hiện yêu cầu vệ sinh cá nhân, vệ sinh ăn uống, không giữ ngăn nắp, gọn gàng nơi ở, vui chơi, hoạt động, không thực hiện các hành vi văn minh sẽ làm huỷ hoại môi trường kinh tế - xã hội.

+ Hoạt động của con người trong các ngành nghề khác nhau sẽ thải ra môi trường các chất thải rắn, nước thải, khói bụi, rác làm ô nhiễm môi trường sống,

đồng thời việc sử dụng vật liệu sản xuất có thể làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, phá huỷ hệ sinh thái, gây biến đổi khí hậu.

+ Con người thiếu kiến thức về văn hoá, lịch sử xã hội, không có ý thức giữ gìn truyền thống văn hoá sẽ không biết trân trọng, gìn giữ các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá.

- *Bảo vệ môi trường văn hoá xã hội*

+ Có thói quen vệ sinh cá nhân, ăn uống, sống ngăn nắp gọn gàng, thực hiện các quy định vệ sinh, văn hoá trong gia đình, ở trường lớp, nơi công cộng...

+ Có hành vi giao tiếp có văn hoá: biết chào hỏi mọi người, biết xin phép khi có nhu cầu, xin lỗi khi làm phiền người khác, giúp đỡ người khác khi họ cần, không nói dối, nói tục, chửi bậy, tôn trọng bản thân và người khác khi giao tiếp.

+ Tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường văn hoá xã hội như giữ gìn, bảo quản, cất giữ đồ dùng đồ chơi, các dụng cụ sinh hoạt, trang trí, làm đẹp nơi ở, nơi vui chơi, sinh hoạt; hưởng ứng các tập quán, truyền thống tốt của địa phương; thực hiện các quy định khi tham gia giao thông như không vứt rác bừa bãi trên tàu xe, trên đường; không kêu gào, khóc lóc, làm ồn õ.

+ Yêu quý, bảo vệ và duy trì truyền thống văn hoá địa phương: biết các nghề truyền thống, các làn điệu dân ca, truyện cổ tích đặc trưng mỗi vùng, biết được các danh nhân nổi tiếng và trân trọng họ.

### **3.3. Khai thác nội dung giáo dục môi trường trong chương trình giáo dục trẻ mầm non**

Việc chuyển nội dung giáo dục bảo vệ môi trường vào các cơ sở giáo dục mầm non được thực hiện thông qua quá trình khai thác nội dung các chủ đề giáo dục. Chương trình giáo dục trẻ mầm non được thiết kế theo hướng tích hợp thông qua các chủ đề giáo dục đã tạo ưu thế cho việc giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ.

Quá trình khai thác nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong các chủ đề giáo dục được tiến hành theo các bước sau đây:

*Bước 1: Phân tích chủ đề giáo dục*

Cần phải hiểu rõ cách thiết kế chủ đề giáo dục để xác định các cơ hội chuyển nội dung giáo dục môi trường vào các chủ đề giáo dục trẻ ở trường mầm non. Chủ đề giáo dục tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non nhờ có một số đặc trưng sau:

– *Tính tích hợp* của nội dung mỗi chủ đề tạo điều kiện cho việc khai thác tất cả các nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong mối quan hệ theo quy luật vận động của tự nhiên xung quanh.

– *Tính mở* của mỗi chủ đề cho phép giáo viên dễ dàng khai thác nội dung giáo dục bảo vệ môi trường một cách linh hoạt, phù hợp với lứa tuổi, khả năng của từng trẻ và tình hình thực tế của địa phương.

– *Tính độc lập* tương đối của mỗi chủ đề giúp cho việc triển khai nội dung giáo dục bảo vệ môi trường theo một quy trình hoàn chỉnh thông qua các hoạt động đa dạng của trẻ ở trường mầm non nhằm trang bị kiến thức, hình thành kỹ năng, thái độ bảo vệ môi trường cho trẻ.

Việc phân tích các chủ đề giáo dục cụ thể cần tiến hành dựa trên đặc trưng chủ điểm với tính chất khác nhau về nguồn tri thức. Điều này quy định lôgic hoạt động nhận thức nhằm khám phá chủ đề đó và còn phụ thuộc vào đặc điểm lứa tuổi với năng lực trí tuệ, thể chất, đặc điểm xúc cảm, tình cảm của trẻ trong mối liên quan tới việc khám phá chủ đề.

#### *Bước 2: Xác định nội dung giáo dục môi trường trong chủ đề*

Các nội dung giáo dục bảo vệ môi trường đều có thể triển khai thông qua các chủ đề giáo dục. Tuy nhiên, mức độ đưa các nội dung này vào phụ thuộc vào đặc trưng của chủ đề, đặc điểm hoạt động nhận thức và lứa tuổi. Cần đảm bảo các yêu cầu sau đây khi đưa nội dung giáo dục môi trường vào các chủ đề giáo dục:

– Đảm bảo tính tự nhiên, hợp lý, khách quan của lôgic khám phá chủ đề. Nội dung giáo dục môi trường phải là một phần tri thức không tách rời của chủ điểm. Đó là các tri thức mang tính khách quan xuất phát một cách tự nhiên từ nội dung chủ đề, có tác dụng làm tăng ý nghĩa thực tiễn của nội dung chủ đề và gắn liền với cuộc sống của trẻ.

– Đảm bảo tính hệ thống, trọn vẹn nội dung tri thức của chủ đề. Nội dung tri thức giáo dục môi trường đưa vào chủ điểm được xác định ở mức độ cần thiết giúp cho trẻ có thể lĩnh hội được dựa trên khả năng nhận thức của chúng, với liều lượng hợp lý để có thể hình thành thái độ đúng với môi trường.

– Đảm bảo tính vừa sức cho trẻ. Cần tránh hiện tượng khai thác nội dung giáo dục môi trường cho trẻ mang tính hình thức (tiến hành một cách sơ sài hay rập khuôn máy móc, gây ra cảm giác đơn điệu, nhàm chán) hoặc hiện tượng khai thác quá tải làm rối loạn quá trình khám phá chủ điểm ở trẻ. Đồng thời, cần chú ý ưu tiên lựa chọn các nội dung hấp dẫn, thiết thực, gần gũi đối với trẻ.

### *Bước 3: Cụ thể hóa nội dung giáo dục môi trường qua các hoạt động của trẻ ở trường mầm non*

Dựa vào đặc trưng các hoạt động của trẻ ở trường mầm non để xác định ưu thế của các hoạt động này đối với việc giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ nhằm mục đích chuyển nội dung giáo dục bảo vệ môi trường thành thái độ, hành vi của trẻ đối với môi trường xung quanh. Cần làm rõ lôgic nhận thức của trẻ trong quá trình tham gia vào các hoạt động cơ bản của trẻ ở trường mầm non để xác định mức độ và liều lượng đưa nội dung giáo dục bảo vệ môi trường vào các hoạt động này. Mặc dù mỗi hoạt động có đặc trưng riêng, nhưng nhìn chung, lôgic nhận thức của trẻ thường trải qua các giai đoạn:

Giai đoạn 1: Khảo sát. Các hoạt động của trẻ ở trường mầm non thường được bắt đầu bằng việc cho trẻ tiếp cận với đối tượng nhận thức được xác định trong chủ điểm giáo dục. Trong quá trình này trẻ có nhiều cơ hội để sử dụng các giác quan và cơ thể để khảo sát đối tượng. Nếu giáo viên có sự chuẩn bị chu đáo về môi trường, tâm thế cho trẻ và điều khiển hợp lí hoạt động của trẻ thì chúng sẽ hứng thú, tích cực chủ động và tự tích lũy được nhiều tri thức có liên quan đến đối tượng.

Giai đoạn 2: Hình thành khái niệm. Tri thức về đối tượng do trẻ tự tìm kiếm được trong quá trình khảo sát đối tượng thường không đầy đủ, đôi khi thiếu chính xác và đặc biệt là chưa hệ thống hóa, khái quát hóa. Do vậy, cần giúp trẻ có biểu tượng, khái niệm đúng về sự vật hiện tượng xung quanh và nó là cơ sở để tạo ra thái độ đúng của trẻ.

Giai đoạn 3: Ứng dụng. Đây là giai đoạn quan trọng giúp trẻ lưu giữ thông tin mà chúng lĩnh hội được về đối tượng. Với ý nghĩa giáo dục bảo vệ môi trường thì đây là cơ hội cho trẻ thể hiện thái độ đúng với sự vật, hiện tượng môi trường xung quanh. Kết quả của nó là tri thức về giáo dục bảo vệ môi trường được củng cố, kĩ năng ngày càng phát triển và thái độ của trẻ đối với môi trường ngày càng trở nên có ý thức được thể hiện khía cạnh nhận thức, thẩm mĩ và hành động thực tế.

Như vậy, giai đoạn 1 và 2 của quá trình tổ chức các hoạt động của trẻ ở trường mầm non cần cho việc hình thành các khái niệm bảo vệ môi trường có liên quan tới chủ điểm giáo dục; giai đoạn 3 của quá trình tổ chức các hoạt động của trẻ có ưu thế đối với việc hình thành các việc làm bảo vệ môi trường.

Việc khai thác nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong chủ điểm được thể hiện rõ hơn thông qua ví dụ sau đây:

## **Chủ đề: “Thực vật”**

### **Bước 1: Phân tích chủ đề**

– Thực vật là thành phần của thế giới tự nhiên hữu sinh với đặc trưng của nó là “Cơ thể sống”. Sự khác biệt của nó với một số đối tượng khác có ở môi trường xung quanh là nó có khả năng trao đổi chất (hô hấp, dinh dưỡng), sinh sản, phát triển, cảm ứng.

– Bản chất hoạt động nhận thức khám phá chủ điểm của trẻ là linh hội được lôgic các kiến thức về thực vật với ý nghĩa là cơ thể sống bao gồm: cấu tạo của thực vật với các đặc điểm của nó; chức năng của các bộ phận trong mối liên quan với việc thực hiện các chức năng sống; nhu cầu của thực vật cần đảm bảo để thực hiện chức năng của cơ thể sống; mối quan hệ của thực vật với môi trường xung quanh xét cả về khía cạnh là “sự thích nghi” và khía cạnh đáp ứng nhu cầu thực vật; cuối cùng là mối quan hệ của thực vật với con người vừa với tư cách là đối tượng để đáp ứng nhu cầu sống của thực vật và vừa với tư cách là đối tượng sử dụng thực vật với các hành vi như khai thác tài nguyên thực vật phục vụ đời sống con người, chăm sóc, bảo vệ, giữ gìn thực vật và môi trường sống của nó và cũng kèm theo những tác động có hại cho thực vật và môi trường sống...

– Dựa vào khả năng của trẻ từng lứa tuổi để xác định mức độ tri thức mà trẻ có thể linh hội trong chủ đề thực vật. Trên cơ sở đặc điểm của trẻ sẽ xác định nội dung giáo dục bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi và cách thức tổ chức các hoạt động này.

### **Bước 2: Khai thác nội dung giáo dục môi trường trong chủ đề thực vật**

Kết quả phân tích đặc trưng chủ đề và lôgic nhận thức của trẻ đã cho ta thấy rõ các nội dung giáo dục bảo vệ môi trường có thể khai thác ở chủ đề này. Đó là: 1) Kiến thức về mối quan hệ giữa cấu tạo, chức năng, nhu cầu của thực vật, mối quan hệ giữa thực vật với môi trường và con người; 2) Sự thống nhất trong cơ thể thực vật dựa trên hoạt động sống của nó và sự thống nhất giữa thực vật với môi trường; 3) Con người xuất hiện trong chủ điểm này với tư cách là một phần của môi trường tự nhiên có tác động lớn đến đời sống của thực vật; 4) Thực vật là loại tài nguyên tái sinh không thể thiếu cho con người trong hoạt động sinh hoạt, lao động sản xuất nên cần quan tâm, chăm sóc, bảo vệ và sử dụng nó một cách tiết kiệm. Đặc biệt, các loại thực vật (cây xanh) là mắt xích khởi đầu cho sự sống trên Trái Đất, là nguồn thức ăn chủ yếu cho mọi sinh vật trên hành tinh.

### *Bước 3: Cụ thể hóa nội dung giáo dục môi trường trong chủ đề thực vật theo các hoạt động của trẻ ở trường mầm non*

Khi xác định nội dung các hoạt động cần hướng đến việc hình thành các khái niệm giáo dục môi trường có thể hình thành trong chủ đề thực vật được thực hiện ở giai đoạn khảo sát và hình thành khái niệm về thực vật. Trên cơ sở đó, sẽ xác định các hoạt động cung cấp tri thức về thực vật nhằm hình thành kĩ năng và thái độ đúng của trẻ đối với thực vật ở môi trường xung quanh.

#### **4. Phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non**

Trong giáo dục, phương pháp được định nghĩa là phương thức hoạt động gắn bó giữa giáo viên và trẻ nhằm đạt được những nhiệm vụ giáo dục và giáo dưỡng nhất định như: linh hồn tri thức, hình thành kĩ năng, thói quen, phát triển năng lực, hình thành các phẩm chất đạo đức và thói quen hành vi.

Theo đó, *phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non* được quan niệm là *phương thức hoạt động gắn bó giữa giáo viên và trẻ nhằm phát triển ở trẻ những hiểu biết sơ đẳng về môi trường, quan tâm đến các vấn đề môi trường phù hợp với lứa tuổi được thể hiện qua kiến thức, thái độ, kĩ năng, hành vi và trách nhiệm của trẻ đối với môi trường xung quanh*.

Để quá trình giáo dục môi trường cho trẻ có hiệu quả, cần lựa chọn các phương pháp giáo dục phù hợp với lứa tuổi, khả năng nhận thức và tình cảm của trẻ mầm non. Việc xác định các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non cần phải dựa trên những cơ sở khoa học nhất định.

##### **4.1. Cơ sở xác định phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non**

Trong quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non, việc lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ. Hiện nay, quan niệm về giáo dục - dạy học không chỉ là quá trình cung cấp tri thức cho trẻ, mà phải hình thành ở chúng thái độ đối với bản thân, sự vật, hiện tượng, con người xung quanh, tạo điều kiện cho trẻ tích cực làm quen với cuộc sống, nâng cao giá trị nhân cách cho chúng. Ở lứa tuổi mầm non, trẻ bắt đầu có thể linh hồn tri thức về các hiện tượng tự nhiên, xã hội một cách có ý thức. Tuy nhiên, khả năng này chỉ được bộc lộ nếu kích thích trẻ thể hiện hứng thú, sáng tạo, tình cảm tích cực trong quá trình tổ chức cho trẻ tham gia vào các hoạt động thực tiễn. Có thể dựa vào các cơ sở sau đây để xác định các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non:

#### *4.1.1. Dựa vào mục đích giáo dục môi trường cho trẻ mầm non*

Mục đích giáo dục môi trường không chỉ là lĩnh hội các tri thức về giáo dục môi trường mà cần hình thành thái độ, kỹ năng, hành vi đúng với môi trường xung quanh cho trẻ thể hiện ở ba mức độ là sự cảm nhận, những rung động và hành động thiết thực để bảo vệ môi trường cho trẻ. Kết quả này chỉ có thể đạt được nếu trẻ có nhiều cơ hội được tiếp xúc trực tiếp, sống gần gũi với thiên nhiên, được thử nghiệm, được trải nghiệm để giải quyết các tình huống thực tế trong cuộc sống của chúng.

#### *4.1.2. Dựa vào nội dung giáo dục môi trường và khả năng nhận thức của trẻ mầm non*

Nội dung giáo dục môi trường là loại tri thức khó so với khả năng nhận thức của trẻ mầm non. Đó là các tri thức có liên quan đến việc hiểu bản chất của đối tượng, là các mối quan hệ diễn ra bên trong đối tượng và giữa đối tượng với môi trường bên ngoài, là đòi hỏi sự phát triển tự ý thức của trẻ ở mức độ cần thiết để có thể tự định hướng trong môi trường xung quanh. Do vậy, cần phải sử dụng các phương pháp, biện pháp phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ ở lứa tuổi này là: với đặc trưng là tư duy trực quan hành động, trực quan hình tượng, đang hình thành tư duy sơ đồ; cần phải tạo được xúc cảm tích cực để dần dần tích luỹ hình thành tình cảm thân thiện với môi trường xung quanh; có các biện pháp hướng vào việc liên kết các tri thức về sự vật và hiện tượng làm cho nhận thức của trẻ trở nên dễ dàng hơn.

#### *4.1.3. Dựa vào đặc điểm điều kiện của từng địa phương*

Môi trường tự nhiên và hiện thực xã hội xung quanh trẻ là phương tiện giáo dục môi trường có hiệu quả nhất. Vì vậy, việc lựa chọn và sử dụng bất kỳ phương pháp, biện pháp nào cũng cần dựa vào đặc điểm môi trường sống của trẻ, gắn với mỗi địa phương nhất định.

Như vậy, để xác định phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ có hiệu quả cần hướng đến các phương pháp tích cực nhằm kích thích hứng thú nhận thức của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ được thực hành, trải nghiệm và được luyện tập trong các hoạt động đa dạng, phong phú ở trường mầm non, đảm bảo cho việc thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục môi trường đề ra.

### ***4.2. Các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non***

Quan điểm giáo dục môi trường cho trẻ mầm non là lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào các hoạt động. Vì vậy, việc sử dụng các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ cần phải dựa vào hệ thống các phương pháp có

ưu thế được lựa chọn và sử dụng trong từng môn học và hoạt động cụ thể do đặc điểm riêng của mỗi loại quy định. Tuy nhiên, với đặc trưng của quá trình giáo dục môi trường, cần tăng cường sử dụng các phương pháp tích cực tạo điều kiện cho trẻ thu thập được nhiều thông tin về môi trường, để từ đó chuyển tri thức thành thái độ tích cực với môi trường xung quanh, được luyện tập kĩ năng hành vi để có thể tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với trẻ mầm non.

Trong quá trình giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non, có thể sử dụng hệ thống các phương pháp giáo dục truyền thống trong sự phối hợp hợp lý nhằm tận dụng ưu thế của mỗi loại để cung cấp tri thức hình thành thái độ, kĩ năng, hành vi của trẻ với môi trường xung quanh sau đây:

- Nhóm phương pháp trực quan. Bao gồm các phương pháp quan sát và sử dụng tài liệu trực quan như tranh ảnh, phim ảnh, mô hình, biểu đồ, công nghệ thông tin.
- Nhóm phương pháp dùng lời. Bao gồm các phương pháp: đàm thoại, đọc truyện, kể chuyện và các phương pháp dùng lời khác như sử dụng bài thơ, bài hát, câu đố...
- Nhóm phương pháp thực hành. Bao gồm các phương pháp trò chơi, thí nghiệm, lao động...

Đặc trưng của giáo dục môi trường là không chỉ dừng ở việc cung cấp kiến thức, mà quan trọng là phải hình thành thái độ, hành vi thói quen tích cực của trẻ đối với môi trường xung quanh. Cho nên, trong quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non cần tăng cường sử dụng các phương pháp tích cực và tạo các cơ hội cho trẻ trải nghiệm, rèn luyện thói quen hàng ngày. Để giúp giáo viên mầm non dễ định hướng trong việc lựa chọn phương pháp, biện pháp giáo dục môi trường cho trẻ, có thể dùng cách phân loại phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non sau đây:

#### *4.2.1. Các phương pháp nâng cao tính tích cực nhận thức cho trẻ*

Tính tích cực nhận thức của trẻ mầm non được thể hiện ở sự hứng thú tiếp nhận thông tin, mong muốn làm chính xác hay tìm hiểu sâu về tri thức đã biết, độc lập tìm tòi những điều làm trẻ quan tâm, thể hiện sự sáng tạo, nắm bắt cách thức nhận thức và vận dụng nó trong thực tiễn. Có thể sử dụng các phương pháp sau:

a) *Phân tích*. Khả năng phân tích giúp cho việc nắm tri thức một cách có ý thức. Trẻ mầm non có thể tiến hành các phân tích đơn giản và phức tạp. Việc phân tích đơn giản giúp trẻ nhận ra các dấu hiệu bên ngoài của sự vật hiện tượng và

tương ứng với nó là sự tổng hợp giúp cho việc linh hội tri thức một cách tổng thể. Những phân tích phức tạp đòi hỏi phải xem xét mối liên hệ và sự phụ thuộc giữa các dấu hiệu đã nêu ra trong quá trình phân tích đơn giản. Còn sự tổng hợp lại giúp cho trẻ hiểu được mối liên hệ chủ yếu tồn tại trong đó.

b) *So sánh*. Trong quá trình tổ chức hoạt động, giáo viên thường đặt ra nhiệm vụ so sánh các dấu hiệu khác và giống nhau. Quá trình so sánh sẽ hình thành ở trẻ biểu tượng và tinh cảm cụ thể, rõ ràng, thái độ đánh giá có ý thức hơn. Cần nhớ rằng, trẻ mầm non thường dễ so sánh các dấu hiệu tương phản hơn là so sánh các dấu hiệu tương đồng. Do vậy, cần dạy trẻ cách phân biệt các dấu hiệu khác nhau trước khi yêu cầu chúng nêu các dấu hiệu giống nhau.

c) *Mô hình hoá*. Khả năng mô hình hoá của trẻ mầm non đã được các nhà tâm lí, giáo dục xác nhận. Từ duy sơ đồ là giai đoạn chuyển từ tư duy hình tượng sang tư duy lôgic nên trẻ có thể hiểu được các sơ đồ, biểu đồ đơn giản và hứng thú khi được tiếp cận với hình thức biểu đạt mới này. Cho trẻ tiếp cận với sơ đồ, biểu đồ sẽ giúp cho việc hệ thống hoá, khái quát hoá tri thức về sự vật và hiện tượng dễ dàng hơn. Có thể dạy trẻ thiết kế một mô hình đơn giản như sân chơi, đường phố, trường mầm non... với mục đích giáo dục môi trường cho trẻ. Trong quá trình thiết kế, trẻ học cách xếp chồng các vật thể trong không gian, thiết lập sự tương ứng của nó, tập "đọc" sơ đồ. Mô hình hoá sẽ phát triển tư duy lôgic. Nếu kết hợp phương pháp mô hình hoá và giải thích sẽ nâng cao tính tích cực nhận thức ở trẻ.

d) *Đặt câu hỏi*. Trong cuộc sống, trẻ thường đặt ra nhiều câu hỏi cho người lớn. Các câu hỏi này rất đa dạng về chủ đề, sâu sắc về động cơ và do vậy, có thể biết được xu hướng hứng thú của trẻ qua câu hỏi này. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức hoạt động, do có thói quen đã thành hệ thống giáo viên thường đặt câu hỏi và trẻ chỉ việc trả lời. Điều này đã ảnh hưởng đến tính tích cực, hứng thú và sự say mê của trẻ. Do vậy, cần tạo điều kiện cho trẻ có nhiều cơ hội có thể đặt câu hỏi cho giáo viên hoặc tự đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi do chính chúng đặt ra.

e) *Ôn tập*. Trong quá trình giáo dục, ôn tập có thể sử dụng ở ba mức độ:

– *Củng cố kiến thức*: Việc ôn tập này không đòi hỏi sự sáng tạo ở trẻ, nhưng lại rất cần thiết giúp cho trẻ dễ linh hội tri thức mới.

– *Sử dụng kiến thức vào hoàn cảnh tương tự*: Dạng ôn tập này dựa trên cơ sở xuất hiện mối liên hệ giữa cái đã biết và cái mới. Nó sẽ hình thành ở trẻ khả năng khái quát, độc lập, rút ra kết luận.

– *Ôn tập ở mức độ sáng tạo*: Sử dụng kiến thức vào hoàn cảnh mới. Việc giải quyết nhiệm vụ đòi hỏi trẻ phải dựa trên sự khái quát, kết luận đã rút ra trước đó.

### *g) Thi nghiệm và trải nghiệm*

Phương pháp này đặc biệt có hiệu quả trong quá trình giáo dục môi trường cho trẻ. Giá trị của nó là ở chỗ nó tạo điều kiện cho trẻ có thể độc lập đưa ra cách giải quyết dựa trên tri thức, kinh nghiệm đã có.

Thí nghiệm, trải nghiệm là một loại hình quan sát đặc biệt diễn ra trong điều kiện có sự tác động tích cực lên đổi tượng nhận thức, làm thay đổi nó cho phù hợp với mục đích đặt ra. Nó được sử dụng như một phương pháp giải quyết nhiệm vụ nhận thức xuất hiện trong quá trình học, chơi, lao động khi không thể sử dụng các phương pháp khác có hiệu quả.

### *h) Lao động*

Lao động được sử dụng như phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ rất có hiệu quả. Tham gia lao động, trẻ sẽ tích luỹ được nhiều tri thức có liên quan đến đổi tượng lao động, lĩnh hội các kinh nghiệm lịch sử xã hội được truyền lại cho các thế hệ qua việc sử dụng các công cụ lao động, quá trình tạo ra sản phẩm lao động. Các dạng lao động đơn giản phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ nhỏ như lao động tự phục vụ, chăm sóc động thực vật, vệ sinh môi trường. Lao động tạo nhiều cơ hội cho trẻ thể hiện sự chủ động, tích cực, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng bảo vệ môi trường cho trẻ. Hơn thế nữa, qua lao động, trẻ được trải nghiệm xúc cảm, tình cảm của chúng ở vị thế người lao động giúp trẻ tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với những tình huống thực tế trong cuộc sống.

#### *4.2.2. Các phương pháp nâng cao tính tích cực xúc cảm cho trẻ*

Tính tích cực xúc cảm là sự tri giác đổi tượng nhận thức một cách hứng thú, sự đồng cảm, mong muốn tham gia vào sự kiện và đánh giá nó. Tính tích cực xúc cảm của trẻ được thể hiện ở chỗ trẻ đặt ra các câu hỏi, muốn thể hiện suy nghĩ hay muốn chia sẻ với ai đó, thể hiện sự hiểu biết trong trò chơi, hoạt động tạo hình... Tính tích cực xúc cảm có tác dụng làm cho trẻ tri giác lâu hơn, sâu sắc hơn, thông tin trở nên sống động hơn và có thể thấy được thái độ của trẻ đối với những điều đã nhận thức được. Nếu nhà giáo dục không biết làm "lây nhiễm" xúc cảm của họ sang trẻ thì họ không thể tạo ra xúc cảm ở chúng. Trong quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non, có thể sử dụng các phương pháp tạo xúc cảm cho trẻ sau đây:

##### *a) Trò chơi*

Trong giáo dục môi trường cho trẻ mầm non, trò chơi được sử dụng như một phương pháp giáo dục rất có hiệu quả. Nó giúp tăng cường hiệu quả lĩnh hội tri thức ở

trẻ, củng cố xúc cảm, làm cho quá trình nhận thức tự nhiên và hấp dẫn hơn. Các trò chơi học tập, vận động, đóng vai không chỉ có giá trị trong việc củng cố tri thức, kỹ năng cho trẻ mà luôn tạo được xúc cảm, hứng thú của trẻ trong quá trình nhận thức.

Trò chơi học tập có tác dụng củng cố, làm chính xác, mở rộng tri thức của trẻ về sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội xung quanh; phát triển trí nhớ, chú ý cho trẻ; tạo cơ hội cho trẻ học cách vận dụng tri thức vào hoàn cảnh mới; giúp trẻ khai quát hoá, hệ thống hoá tri thức; làm phong phú vốn từ và phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ. Có thể sử dụng các loại trò chơi học tập như: trò chơi với các vật liệu tự nhiên, trò chơi với tranh ảnh, trò chơi dùng lời...

Trò chơi vận động là những hành động mô tả hành vi, hình tượng về cuộc sống của động, thực vật, phản ánh sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội diễn ra xung quanh. Trò chơi vận động có tác dụng củng cố, làm sâu sắc hơn các dấu hiệu đặc trưng của động thực vật, lao động của người lớn, mối quan hệ và sự phụ thuộc của sự vật và hiện tượng xung quanh, giáo dục tình cảm gắn bó, kích thích hứng thú của trẻ với môi trường xung quanh, giúp trẻ thay đổi trạng thái cơ thể và giải tỏa căng thẳng về trí tuệ.

Trò chơi sáng tạo là trò chơi phản ánh những tri thức, ấn tượng trẻ tiếp nhận được trong hoạt động và sinh hoạt hằng ngày. Trò chơi sáng tạo bao gồm các trò chơi đóng vai, xây dựng, trò chơi với các vật liệu tự nhiên như cát, sỏi, nước. Trò chơi sáng tạo có tác dụng mở rộng, bổ sung tri thức cho trẻ về hoạt động của người lớn, mối quan hệ của họ trong quá trình sống và hoạt động, củng cố biểu tượng về thế giới động vật xung quanh; phát triển chú ý, trí nhớ và sự tưởng tượng phong phú ở trẻ.

#### b) *Tạo yếu tố mới và bất ngờ*

Mục đích của giáo dục môi trường không chỉ là cung cấp tri thức, mà quan trọng là hình thành thái độ tích cực với môi trường xung quanh cho trẻ. Khi trẻ tiếp thu tri thức thì thường như đồng thời trẻ cũng tận hưởng những ấn tượng, xúc cảm chứa trong nội dung thông tin tri thức. Do vậy, việc tạo xúc cảm cho trẻ không chỉ dựa vào bản thân nội dung thông tin tri thức mà phải chú ý đến cách cung cấp tri thức cho trẻ. Sử dụng yếu tố mới và bất ngờ trong quá trình giáo dục môi trường sẽ định hướng sự nhận thức của trẻ, làm nảy sinh mong muốn biết rõ điều bí mật, đoán các câu đố, tạo ra sự ngạc nhiên, phấn khởi. Trong số các yếu tố bất ngờ có thể là các đồ chơi mới, phim, tranh ảnh, sự xuất hiện của người lạ, trẻ trong trang phục khác thường... Cái mới có thể là sự thay đổi địa điểm, nội dung, hình thức tổ chức (dưới dạng tham quan, xây dựng chương trình dạ hội, trưng bày triển lãm...).

### c) Sử dụng yếu tố hài hước

Để tạo tính tích cực xúc cảm cho trẻ, đôi khi giáo viên cần nghĩ cách làm cho trẻ cười và cùng cười đùa với trẻ. Trạng thái vui vẻ không những làm cho trẻ chú ý đến giáo viên, đến đối tượng nhận thức, mà còn làm cho chúng chú ý đến những gì giáo viên yêu cầu trẻ làm. Trẻ nhỏ cũng rất thích đùa, nếu giáo viên biết sử dụng nó một cách hợp lý sẽ làm cho hoạt động trở nên hấp dẫn và dễ thực hiện. Những đoạn thơ, câu chuyện vui nhộn, các tình huống bất ngờ sẽ tạo ra bầu không khí thoái mái và gần gũi giữa giáo viên và trẻ. Điều quan trọng là yếu tố hài hước và trò đùa phải mang tính nhân văn, không làm trẻ xấu hổ và phải dạy trẻ tham gia vào các câu chuyện cười, hiểu và có thể sử dụng nó trong giao tiếp.

#### 4.2.3. Các phương pháp tạo ra mối quan hệ giữa các dạng hoạt động

Hiệu quả giáo dục môi trường cho trẻ mầm non sẽ được nâng cao nếu nó được trẻ linh hội trong các dạng hoạt động có nội dung phong phú và mối quan hệ lôgic. Các kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa các hoạt động trong quá trình giáo dục của A.P. Usôva, R.I. Jucôxkaia... đã chỉ ra rằng mối quan hệ này có các xu hướng khác nhau dựa vào mục đích của nó là giải quyết nhiệm vụ nhận thức, hoàn thiện kĩ năng hay tích luỹ kinh nghiệm... Kôlômixki Ia.L. cho rằng, để tạo ra mối quan hệ giữa các dạng hoạt động cần có "cầu nối" trong quá trình linh hội tri thức. Bản chất của nó được thể hiện ở chỗ, trẻ thường nhớ hoạt động chưa hoàn thiện hơn là hoạt động đã kết thúc. Bởi vì, hứng thú xuất hiện trong quá trình hoạt động thường cao hơn so với khi hoạt động đã kết thúc. Mâu thuẫn giữa mong muốn đạt được kết quả và khả năng có thể đạt được sẽ kích thích trẻ tiếp tục hoạt động hoặc tìm tòi một hoạt động mới để thỏa mãn nhu cầu.

Nội dung giáo dục môi trường là những tri thức phản ánh mối quan hệ diễn ra bên trong của đối tượng và giữa đối tượng với môi trường. Vì vậy, trẻ không những phải linh hội mối liên hệ của các loại tri thức này mà phải sử dụng nó một cách linh hoạt trong các hoạt động thực tiễn hằng ngày, có hiệu quả với mục đích bảo vệ môi trường xung quanh.

Có thể sử dụng các phương pháp sau trong quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non:

##### a) Lập kế hoạch

Để tiến hành hoạt động có hiệu quả cần phải lập kế hoạch cho nó. Có thể coi kế hoạch là bản thiết kế tổng hợp cho hoạt động mà trẻ sẽ phải thực hiện, được sắp xếp theo thời gian chặt chẽ, bắt đầu từ xác định mục tiêu, phác họa quy trình cần

thực hiện và xác định các phương pháp và cách đánh giá kết quả hoạt động. Đây là công việc khó đối với trẻ nhưng nó rất cần thiết trong giáo dục môi trường.

Công việc này đòi hỏi trẻ phải suy nghĩ, sử dụng những hiểu biết, kinh nghiệm của chúng vào việc lập kế hoạch. Trong quá trình này, trẻ không những cần có vốn kiến thức phong phú về đối tượng, mà phải có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn để nối kết các sự kiện với nhau theo một trình tự hợp lí và hình dung được các bước cần phải thực hiện một cách rõ ràng.

Việc lập kế hoạch nên kết hợp với phương pháp mô hình hoá và sử dụng đàm thoại. Đàm thoại sẽ định hướng cho trẻ về tiến trình hoạt động cần phải thực hiện, còn phương pháp mô hình hoá sẽ giúp trẻ phác họa kế hoạch một cách rõ ràng dưới dạng sơ đồ.

### b) Đàm thoại

Đàm thoại là quá trình trao đổi ý kiến giữa trẻ và giáo viên nhằm mục đích nhất định. Trong quá trình giáo dục môi trường, đàm thoại được sử dụng như “cầu nối” tri thức và luôn phối hợp với các phương pháp khác.

Có thể sử dụng đàm thoại trước, trong và sau quá trình hoạt động của trẻ:

Trước khi hoạt động, sử dụng đàm thoại để khơi gợi hứng thú, định hướng hoạt động của trẻ và kích thích trẻ tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch cho hoạt động.

Trong quá trình diễn ra hoạt động, đàm thoại được sử dụng trong sự phối hợp chặt chẽ với quan sát, thí nghiệm, trải nghiệm, lao động nhằm định hướng nhận thức, giúp cho việc tìm tòi khám phá của trẻ trở nên hấp dẫn, sâu sắc hơn.

Sau khi hoạt động, sử dụng đàm thoại nhằm củng cố tri thức, hệ thống hoá, khái quát hoá tri thức cho trẻ.

#### 4.2.4. Các phương pháp điều chỉnh và làm chính xác biểu tượng của trẻ về môi trường xung quanh

Trong quá trình giáo dục môi trường, biểu tượng, sự đánh giá sự vật, hiện tượng, con người và bản thân sẽ được hình thành ở trẻ. Kinh nghiệm ít ỏi, hạn chế về sự phát triển làm cho trẻ đôi khi nhận thức không chính xác và đánh giá không đúng sự vật hiện tượng xung quanh. Do vậy, cần phải chính xác biểu tượng của trẻ để làm cơ sở hình thành phương thức hành vi đúng và cách thức thể hiện mối quan hệ phù hợp.

Có thể sử dụng các phương pháp sau:

a) *Cung cấp và làm chính xác biểu tượng của trẻ về các sự vật, hiện tượng xung quanh không liên quan trực tiếp đến cuộc sống thực tại của trẻ*

Cần phối hợp sử dụng các phương pháp ôn tập, luyện tập, quan sát, thi nghiệm... Nó có tác dụng làm rõ những điều trẻ quan tâm, biết được trẻ hiểu về nó như thế nào và giúp trẻ hiểu đúng về nó. Giáo viên nên biết rằng chính những kiến thức này cần thiết đối với trẻ mà trẻ lại không thể tự hiểu rõ về nó. Trong trường hợp, khi giáo viên thực sự tin tưởng rằng trẻ không thể hiểu nổi vấn đề và điều này lại chưa cần thiết đối với trẻ trong thời điểm hiện tại, họ có thể chuyển tiếp sang hoạt động mới hoặc khai quát câu trả lời thành câu hỏi. Tình huống này thường xảy ra khi trẻ cố gắng tìm hiểu quá trình phát triển của con người hoặc sự xuất hiện của sự sống trên Trái Đất. Giáo viên không được lảng tránh việc giải thích nhưng nên hạn chế những chi tiết thừa làm trẻ khó hiểu.

Việc làm chính xác biểu tượng cần phải lặp lại sau khi đã giải thích bằng cách yêu cầu trẻ thực hiện các bài tập (hãy vẽ lại lần nữa, nhưng cần vẽ chính xác hơn; hãy kể lại lần nữa...; hãy làm lại lần nữa...). Biểu tượng của trẻ cũng được làm chính xác trong tình huống lựa chọn: "Các con sẽ hành động như thế nào? Tại sao các con nghĩ rằng bạn làm như vậy là không đúng?". Để có định hướng đúng trong việc xác định nội dung làm chính xác biểu tượng của trẻ, cần quan sát trẻ, ghi chép các câu hỏi, tạo các tình huống có vấn đề...

b) *Làm chính xác và điều chỉnh các biểu tượng mà trẻ tự linh hội có liên quan trực tiếp đến cuộc sống của chúng*

Giáo viên khó có thể kiểm tra các thông tin này ngay nếu không chú ý đến từng trẻ riêng biệt. Cho nên, cần phải tiến hành đàm thoại với từng trẻ một cách tinh tế và chú ý đến trạng thái tình cảm của chúng. Sau đó, giáo viên cần sử dụng các biện pháp phân tích, đánh giá, giải thích, tạo tình huống, cùng giải quyết vấn đề, trao đổi về biện pháp hành động... Đây là công việc phức tạp, cần phối hợp chặt chẽ với gia đình. Có thể tổ chức thảo luận với phụ huynh với yêu cầu thể hiện trách nhiệm và đòi hỏi bản thân họ về hành vi cá nhân, khuyến khích phụ huynh viết truyện về các chủ đề có liên quan đến cuộc sống của trẻ.

#### **4.3. Phối hợp sử dụng các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non**

Các nhóm phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non được lựa chọn từ những phương pháp giáo dục trong thực tiễn đổi mới giáo dục mầm non hiện nay. Việc phân loại các phương pháp theo cách trên đây hướng vào mục tiêu giáo dục môi trường cho trẻ là cung cấp kiến thức về môi trường, hình thành kỹ năng,

hành vi đúng trong quan hệ với môi trường xung quanh và hình thành thái độ tích cực cho trẻ. Cách phân loại này giúp giáo viên dễ lựa chọn phương pháp dựa trên mục tiêu giáo dục môi trường cụ thể. Tuy nhiên, việc giáo dục môi trường được lồng ghép vào tất cả các hoạt động của trẻ ở trường mầm non cho nên việc sử dụng các biện pháp trong mỗi hoạt động còn phụ thuộc vào đặc trưng của hoạt động đó.

Hiệu quả giáo dục môi trường cho trẻ mầm non qua các hoạt động phụ thuộc rất nhiều vào việc phối hợp hợp lý các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ. Sự phối hợp này được xác định dựa vào mục tiêu giáo dục môi trường mà hoạt động nào đó hướng tới cũng như nội dung giáo dục môi trường có thể khai thác được trong mỗi chủ đề và đề tài cụ thể.

## **5. Các hình thức giáo dục môi trường ở trường mầm non**

### **5.1. Cơ sở xác định hình thức giáo dục môi trường cho trẻ mầm non**

Việc giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non không nên tiến hành một cách độc lập mà được lồng ghép vào toàn bộ quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ. Theo quan điểm giáo dục hướng vào sự phát triển của trẻ hiện nay có thể coi việc giáo dục trẻ mầm non là quá trình tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng và hấp dẫn cho trẻ. Với mục đích giáo dục môi trường không chỉ cung cấp kiến thức, hình thành thái độ đúng với môi trường mà quan trọng hơn là hình thành kĩ năng, hành vi, thói quen bảo vệ môi trường, phù hợp với lứa tuổi cho trẻ thì việc phân loại hình thức giáo dục môi trường dựa vào dạng hoạt động là phù hợp hơn cả.

Do vậy, giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non được thực lồng ghép vào các hình thức tổ chức hoạt động cơ bản cho trẻ ở trường mầm non như: hoạt động học tập, hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời, hoạt động tham quan, hoạt động sinh hoạt hàng ngày, hoạt động lễ hội.

### **5.2. Các hình thức giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non**

#### **5.2.1. Giáo dục môi trường thông qua hoạt động học tập**

a) Ý nghĩa của hoạt động học tập đối với việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

Hoạt động học tập là một trong các hoạt động cơ bản của trẻ ở trường mầm non. Ưu điểm lớn nhất của hoạt động học tập là cung cấp tri thức về giáo dục môi trường theo một trình tự nhất định dựa trên đặc điểm lứa tuổi và điều kiện giáo dục cụ thể. Trong giờ học, dưới sự điều khiển của giáo viên, trẻ tích cực linh hoạt các tri thức đơn giản về giáo dục môi trường phù hợp với lứa tuổi, phát triển các quá trình

nhận thức và khả năng của trẻ. Hoạt động học tập giúp cho việc củng cố và hệ thống hoá các kiến thức mà trẻ đã tích lũy được trong cuộc sống hằng ngày, trong lúc quan sát, vui chơi, lao động.

Ở trường mầm non, trẻ được tham gia vào nhiều loại hình hoạt động học tập khác nhau: Phát triển thể chất; khám phá khoa học; hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng; làm quen với tác phẩm văn học, tạo hình, âm nhạc... Mỗi loại hoạt động học tập nói trên có những đặc trưng riêng và có ưu thế khác nhau trong việc giáo dục môi trường cho trẻ. Do vậy, giáo viên mầm non cần dựa vào bản thân mỗi loại để có thể khai thác tối đa tiềm năng của nó cho việc giáo dục môi trường.

Trong quá trình tổ chức hoạt động học tập, giáo viên có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau dựa trên đặc trưng riêng của từng loại hình hoạt động học tập ở trường mầm non. Tuy nhiên, với mục đích lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào hoạt động học tập, ngoài việc sử dụng các phương pháp riêng của mỗi loại, cần quan tâm và sử dụng một cách hợp lý hệ thống các phương pháp giáo dục môi trường nhằm giúp trẻ tích cực lĩnh hội tri thức, có thái độ đúng với môi trường xung quanh và luyện tập kỹ năng hành vi, thói quen bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi cho trẻ.

#### *b) Xác định nội dung giáo dục môi trường thông qua hoạt động học tập*

Giáo dục môi trường được tiến hành dưới phương thức lồng ghép tích hợp nội dung của nó vào hoạt động học tập ở các mức độ khác nhau. Việc xác định các nội dung giáo dục môi trường trên mỗi giờ học cụ thể cần phải dựa vào các chủ đề và loại giờ học. Mỗi chủ đề có thể khai thác các nội dung giáo dục môi trường khác nhau và mỗi loại giờ học có ưu thế riêng đối với việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.

Để đảm bảo hiệu quả tổ chức mỗi giờ học cũng như hiệu quả giáo dục môi trường cho trẻ, cần thực hiện một số yêu cầu chung trong việc xác định nội dung giáo dục môi trường thông qua hoạt động học tập sau đây:

- Đảm bảo tính tự nhiên, hợp lý, khách quan của lôgic phát triển nội dung hoạt động học tập. Nội dung giáo dục môi trường phải là một bộ phận không tách rời của hoạt động học tập. Những tri thức này phải xuất phát tự nhiên từ nội dung hoạt động học tập, có tác dụng làm tăng ý nghĩa thực tiễn của hoạt động và gắn với cuộc sống. Do vậy, cần dựa vào nội dung hoạt động học tập để xác định nội dung giáo dục môi trường cho phù hợp.

– Đảm bảo tính hệ thống, trọn vẹn của nội dung hoạt động học tập. Các tri thức được tích hợp không được làm biến dạng, rối loạn nội dung hoạt động học tập. Cần tránh hiện tượng khai thác nội dung giáo dục môi trường trong hoạt động học tập một cách máy móc, quá sơ sài, mang tính hình thức hoặc hiện tượng khai thác quá sâu, làm quá tải, gây rối loạn nội dung chính của hoạt động học tập.

– Đảm bảo tính vừa sức cho trẻ. Tránh cả hai thái cực đưa nội dung giáo dục môi trường vào hoạt động học tập quá đơn giản, dưới tầm nhận thức của trẻ làm trẻ chán hoặc cao quá tầm nhận thức của chúng làm trẻ không tiếp thu được. Bên cạnh đó, nội dung đưa ra phải hấp dẫn, thiết thực, gần gũi đối với trẻ.

c) *Tổ chức giáo dục môi trường thông qua hoạt động học tập*

– Mục đích hoạt động học tập

Căn cứ vào mục đích yêu cầu của hoạt động học tập, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động, đặc điểm của trẻ để xác định mục đích giáo dục môi trường cho phù hợp. Mục đích giáo dục môi trường cho trẻ mầm non cần hướng đến việc cung cấp tri thức, hình thành thái độ đúng về môi trường, rèn luyện kỹ năng, hành vi và thói quen bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi cho trẻ.

– Chuẩn bị cho hoạt động học tập

Để triển khai việc lồng ghép giáo dục môi trường vào hoạt động học tập có hiệu quả cần có sự chuẩn bị chu đáo:

+ Chuẩn bị theo yêu cầu của từng loại giờ học: Mỗi loại giờ học có yêu cầu riêng cần phải được giáo viên tôn trọng. Tuy nhiên, trong quan điểm dạy học hiện nay, việc chuẩn bị cho giờ học cần quan tâm đến các công việc như:

• Tích lũy tri thức cho trẻ.

• Chuẩn bị đối tượng và đồ dùng tài liệu trực quan: Mô hình, tranh ảnh, phim.

• Chuẩn bị bố trí môi trường học tập: Dự kiến việc bố trí trẻ dựa vào nội dung hoạt động, lứa tuổi; dự kiến việc bố trí đối tượng và tài liệu học tập.

+ Chuẩn bị cho việc lồng ghép tích hợp nội dung giáo dục môi trường: Dựa vào mục đích giáo dục môi trường được đặt ra trong hoạt động, cần chuẩn bị thêm những đồ dùng, dụng cụ, tài liệu cần thiết.

– Cách tiến hành hoạt động học tập

Để tiến hành lồng ghép tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào hoạt động học tập cần dựa vào cấu trúc của hoạt động học tập để xác định thời điểm, liều lượng và cách thức để đưa nội dung giáo dục môi trường vào giờ học. Cụ thể: Có

thể tiến hành lồng ghép tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào hoạt động học tập theo các bước sau đây:

+ Bước 1: Xác định rõ mục đích, nội dung, phương pháp, biện pháp, phương tiện tổ chức từng hoạt động học tập cụ thể.

+ Bước 2: Xác định nội dung giáo dục môi trường cần lồng ghép, tích hợp vào hoạt động học tập sẽ thực hiện. Trong bước này cần làm rõ các vấn đề: chỉ rõ các nội dung giáo dục môi trường có thể lồng ghép, tích hợp vào hoạt động; mức độ nắm được các nội dung này ở trẻ; từ đó xác định rõ yêu cầu cần đạt.

+ Bước 3: Khai thác cấu trúc hoạt động học tập để các định thời điểm lồng ghép, tích hợp có hiệu quả

Cấu trúc của mỗi giờ học bất kì bao giờ cũng gồm ba phần chính là: Phần mở đầu, phần trọng tâm, phần kết thúc. Có thể khai thác ưu thế của các phần trong việc giáo dục môi trường cho trẻ như sau:

### **Phần mở đầu**

Có thể bắt đầu hoạt động học tập bằng cách tạo ra các tình huống để trẻ có cơ hội thể hiện sự hiểu biết, kinh nghiệm, kỹ năng về bảo vệ môi trường đã được tích luỹ ở chúng. Các tình huống trên phải liên quan trực tiếp với đối tượng nhận thức và có tác dụng kích thích hứng thú cho trẻ, định hướng vào vấn đề nhận thức cần phải thực hiện trên giờ học đó.

Có thể sử dụng các cách sau:

Làm rõ và khai thác kinh nghiệm đã có của trẻ về đối tượng: sử dụng các câu đố, bài thơ, bài hát, câu hỏi có liên quan đến đối tượng nhận thức.

Tổ chức các hoạt động cho trẻ tiếp cận đối tượng để chúng tự bổ sung tri thức: cho trẻ quan sát đối tượng, hoặc trải nghiệm, được thể hiện, sử dụng các tình huống tham quan, tặng quà, khách đến thăm.

Dành thời gian cho trẻ được tri giác, cảm nhận đối tượng theo hứng thú cá nhân.

Tùy vào đặc điểm riêng của từng loại giờ học, giáo viên có thể đưa ra các biện pháp phù hợp với mục đích của phần mở đầu.

### **Phần trọng tâm**

Đây là phần trọng tâm của hoạt động nên cần thận trọng trong việc lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục môi trường. Để đáp ứng yêu cầu của việc lồng ghép là đảm bảo tính tự nhiên, hợp lý, khách quan của trình tự phát triển nội dung, đảm bảo tính hệ thống, trọn vẹn của nội dung và đảm bảo vừa sức cho trẻ cần phân chia

hoạt động học tập thành các loại khác nhau có liên quan đến giáo dục môi trường cho trẻ. Có thể chia thành hai loại giờ học:

*Loại thứ nhất: Hoạt động học tập có nội dung liên quan trực tiếp đến giáo dục môi trường.* Bao gồm: hoạt động khám phá khoa học, tạo hình, làm quen với tác phẩm văn học.

Nội dung chính của giờ học là nội dung giáo dục môi trường hoặc có liên quan mật thiết với nó, hay nói cách khác là nội dung giáo dục môi trường đã được tích hợp vào giờ học. Do vậy, giáo viên chỉ cần làm rõ hơn, nhất mạnh hơn, tạo cơ hội cho trẻ thể hiện nhiều hơn các nội dung giáo dục môi trường, mà không cần đưa nội dung mới vào hoạt động. Những loại giờ học này thường dễ thực hiện mục đích giáo dục môi trường hơn vì việc thực hiện nó không ảnh hưởng đến nội dung chính của hoạt động đang thực hiện.

*Loại thứ hai: Hoạt động học tập có nội dung không liên quan trực tiếp đến giáo dục môi trường.* Bao gồm các hoạt động: giáo dục thể chất, hình thành biểu tượng toán, âm nhạc, ngôn ngữ...

Việc giáo dục môi trường thông qua loại giờ học này khó hơn và thường được thực hiện ở mức độ lồng ghép, liên hệ ở một số phần cụ thể.

Các hoạt động hướng đến việc cung cấp tri thức mới, bổ sung, làm chính xác tri thức hay hệ thống hoá, khái quát hoá tri thức trong loại giờ học này thường khó lồng ghép. Do vậy, cần tuỳ vào từng giờ học cụ thể mà xác định tri thức lồng ghép cho thích hợp, nhưng không nên khai thác nhiều việc lồng ghép ở thời điểm này của giờ học, hoặc có thể không cần lồng ghép nội dung giáo dục môi trường vào phần này vì dễ dẫn đến vi phạm các yêu cầu của việc tích hợp.

Hoạt động cung cấp tri thức thường dễ lồng ghép hơn. Giáo viên có thể lồng ghép nội dung giáo dục môi trường dưới dạng cho trẻ liên hệ thực tế những điều trẻ đã nhìn thấy, nghe thấy, được trải nghiệm hoặc đưa ra tình huống cho trẻ giải quyết, thực thi những nhiệm vụ cụ thể.

### **Phần kết thúc**

Phần này thường được tiến hành nhanh chóng với mục đích giải tỏa căng thẳng về thể chất, trí tuệ, tâm lí cho trẻ và chuyển tiếp sang hoạt động khác nên có thể dễ dàng tiến hành lồng ghép nội dung giáo dục môi trường.

Việc giáo dục môi trường ở phần này thường được thực hiện dưới dạng tạo tình huống cho trẻ được luyện tập dưới dạng trò chơi vận động, học tập đơn giản, cho trẻ liên hệ với việc làm của bản thân hoặc giao nhiệm vụ cho trẻ sẽ thực hiện trong hoạt động khác hoặc về nhà.

### *5.2.2. Giáo dục môi trường thông qua hoạt động vui chơi*

#### *a) Ý nghĩa của hoạt động vui chơi đối với việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non*

Những nghiên cứu về tâm lí và giáo dục học phát triển trẻ em cho thấy việc giáo dục trẻ chỉ đạt hiệu quả nếu quá trình giáo dục được tiến hành phù hợp với đặc điểm phát triển của chúng. Một trong những đặc điểm nổi bật của trẻ ở lứa tuổi này là trẻ nhận thức sự vật, hiện tượng xung quanh trong tính toàn vẹn của chúng. Quá trình này được thực hiện thông qua sự tương tác của trẻ với môi trường xung quanh, qua hoạt động chủ đạo của lứa tuổi.

Ở lứa tuổi mẫu giáo, vui chơi là hoạt động chủ đạo. Vì vậy, hoạt động vui chơi có vai trò to lớn đối với việc giáo dục trẻ nói chung, giáo dục môi trường cho trẻ nói riêng. Trong lớp, nó được bố trí theo các khu vực hoạt động nhằm tạo cơ hội cho trẻ có thể tham gia vào các trò chơi hay hoạt động theo nhóm nhỏ tùy thích. Ở đây, trẻ được tự do lựa chọn góc chơi, học cách chơi cạnh nhau (chơi không làm ảnh hưởng đến các bạn xung quanh), hay chơi cùng nhau, cùng hợp tác làm việc... Các góc hoạt động được xây dựng dựa trên các chủ đề nên ở mỗi góc đều có các trang thiết bị và tài liệu cố định và tạm thời (thay đổi theo chủ đề và mức độ phát triển của trẻ). Số khu vực hoạt động được tạo ra ở mỗi lớp tùy thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất, không gian của lớp học, số trẻ, lứa tuổi và mục đích giáo dục. Tuy nhiên, trong mỗi nhóm lớp mẫu giáo, nên bố trí tối thiểu các góc chơi sau đây: góc đóng vai; góc xây dựng; góc sách/truyện; góc tạo hình; góc âm nhạc; góc thiên nhiên (khoa học).

Khi trẻ hoạt động trong các góc này, chúng học được nhiều kỹ năng như: giao tiếp, xã hội, nhận thức, xúc cảm, vận động, sáng tạo... Đây là các kỹ năng quan trọng đối với sự phát triển trẻ toàn diện. Trong việc giáo dục môi trường, các kỹ năng này giúp trẻ nhận thức rõ hơn, chính xác hơn các vấn đề môi trường (nhận biết đặc điểm của sự vật, hiện tượng, mối quan hệ của sự vật hiện tượng với môi trường sống, mối liên hệ giữa đặc điểm cấu tạo và hành vi, quá trình phát triển, sự biến đổi của tự nhiên...), góp phần hình thành tình cảm, thái độ của trẻ trước các vấn đề môi trường (tạo xúc cảm tích cực, biểu lộ tình cảm), hình thành kỹ năng tham gia vào giải quyết các vấn đề môi trường (kỹ năng chăm sóc, bảo vệ...).

Do vậy, dựa vào đặc điểm riêng của mỗi khu vực và nội dung các chủ đề trong chương trình giáo dục trẻ mầm non, có thể xác định nội dung giáo dục môi trường cho trẻ trong hoạt động vui chơi.

### b) Xác định nội dung giáo dục môi trường trong hoạt động vui chơi

Quá trình tham gia vào hoạt động vui chơi trẻ sẽ được cung cấp cơ hội cho trẻ về môi trường, được luyện tập để hình thành kỹ năng bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi. Căn dựa vào đặc trưng của các khu vực hoạt động để xác định các kỹ năng trẻ có thể tiếp nhận ở đó, trên cơ sở đó sẽ hình thành các kỹ năng giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. Cụ thể:

\* Khu vực đóng vai: Kỹ năng giáo dục môi trường có thể hình thành cho trẻ là:

– Kỹ năng nhận biết và thu thập thông tin về môi trường: Nhận biết các quy tắc sống có liên quan đến bảo vệ môi trường như bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm sử dụng nước và các thực phẩm dùng trong gia đình; thu gọn vệ sinh sau khi nấu ăn, học cách chế biến thực phẩm vệ sinh; biết mỗi người đều làm một nghề nào đó để giúp ích cho mọi người; học cách phân công công việc cho hợp lý, cách làm việc tốt...

– Kỹ năng tổ chức, phân tích và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường: Trao đổi với nhau về các quy định có liên quan đến việc bảo vệ môi trường như bảo vệ nguồn nước, tiết kiệm khi sử dụng, thực hiện các yêu cầu vệ sinh...

– Kỹ năng thực hiện kế hoạch hành động vì môi trường: Sử dụng các dụng cụ trong sinh hoạt và hoạt động cần thận, tiết kiệm, khéo léo; gọn gàng; sáng tạo khi sử dụng các dụng cụ và vật liệu; biết sử dụng các đồ vật thay thế khi không đủ vật liệu (nấu ăn bằng bếp củi, than, điện, ga...); sử dụng các vật liệu không làm ô nhiễm môi trường.

\* Khu vực xây dựng: Kỹ năng giáo dục môi trường có thể hình thành cho trẻ là:

– Kỹ năng nhận biết và thu thập thông tin về môi trường: Phân biệt được các vật liệu trong xây dựng (gỗ, giấy, nhựa, kim loại); biết thiết kế các công trình xây dựng chắc chắn (không bị đổ), không cồng kềnh làm bừa bộn môi trường và tiện lợi khi sử dụng; sử dụng các vật liệu xây dựng tiết kiệm.

– Kỹ năng phân tích và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường: Cùng nhau trao đổi, thảo luận về cách thiết kế và sử dụng vật liệu cho các công trình xây dựng hợp lý, trao đổi về cách bổ sung các chi tiết cho công trình xây dựng cho phù hợp với mục đích sử dụng, thời tiết và tiết kiệm.

– Kỹ năng thực hiện kế hoạch hành động vì môi trường: Tập hợp các vật liệu cần cho công trình, xếp các vật liệu chồng lên nhau như đã thiết kế, bổ sung các chi tiết cho phù hợp... Sáng tạo trong quá trình xây dựng nhằm tiết kiệm vật liệu, sử dụng các vật liệu phù hợp với khí hậu, sử dụng các sản phẩm để chơi...

– Kĩ năng làm rõ giá trị môi trường đối với con người: Cảm nhận kết quả lao động (vui sướng, phấn khởi, ngầm nghĩa...), chia sẻ niềm vui với bạn (gọi bạn đến xem, cho bạn cùng chơi...).

\* Khu vực sách/truyện: Kĩ năng giáo dục môi trường có thể hình thành cho trẻ là:

– Kĩ năng nhận biết và thu thập thông tin về môi trường: Lắng nghe cô hoặc bạn kể chuyện, bắt chước những từ hoặc câu nói trong truyện có liên quan đến giáo dục môi trường, học các từ mới, tự kể hoặc trả lời các câu hỏi về môi trường có trong truyện, nhớ và hiểu các câu chuyện trong sách...

– Kĩ năng phân tích và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường: Tham gia trao đổi các vấn đề về môi trường này sinh trong cốt truyện, liên hệ nội dung câu chuyện với hành vi bản thân và mọi người xung quanh về bảo vệ môi trường. Ngoài ra, trẻ có thể tham gia các hoạt động vẽ nặn, cắt dán, làm đồ chơi để thể hiện ý tưởng bảo vệ môi trường trong bình diện biểu tượng.

– Kĩ năng thực hiện kế hoạch hành động vì môi trường: Được thể hiện ở cách sử dụng, giữ gìn sách vở, đồ dùng học tập (mở sách, lấy sách, đóng sách, lật từng trang sách cẩn thận; xem sách xong cất vào giá); biết sử dụng các phế liệu để làm đồ chơi, giữ gìn góc học tập gọn gàng, ngăn nắp.

\* Khu vực tạo hình: Kĩ năng giáo dục môi trường có thể hình thành cho trẻ là:

– Kĩ năng nhận biết và thu thập thông tin về môi trường: Biết cách pha màu, tạo màu với các chất liệu khác nhau (màu nước, sáp, chì màu), biết cách gắn các chi tiết từ các vật liệu khác nhau với nhau (hồ dán, băng dính, dây buộc, băng cài...), biết thể hiện các vấn đề môi trường vào tranh vẽ...

– Kĩ năng phân tích và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường: Trao đổi về dự định vẽ nặn, chia sẻ vật liệu khi vẽ nặn, kể về sản phẩm sau khi thực hiện, rửa tay và thu dọn sau khi kết thúc hoạt động.

– Kĩ năng thực hiện kế hoạch hành động vì môi trường: Sử dụng các vật liệu cẩn thận, khéo léo và tiết kiệm; biết sử dụng vật liệu thay thế, tạo ra nhiều sản phẩm có nội dung giáo dục môi trường, biết phối hợp các vật liệu khác nhau trong hoạt động tạo hình, tận dụng các vật liệu tự nhiên (lá khô, cành khô, cỏ khô, hột, hạt quả khô...), các vật liệu phế thải, sử dụng sản phẩm tạo hình để học, chơi...

– Kĩ năng làm rõ giá trị môi trường đối với con người: Vui sướng, tự hào khi tự mình làm ra sản phẩm đẹp, tiết kiệm, chia sẻ sản phẩm với bạn.

\* Khu vực âm nhạc: Kĩ năng giáo dục môi trường có thể hình thành cho trẻ là:

- Kỹ năng nhận biết và thu thập thông tin về môi trường: Nhận ra các bài hát có nội dung giáo dục môi trường; biết thể hiện cảm xúc về môi trường theo giai điệu bài hát; nhận ra mối quan hệ giữa lời ca và nhịp điệu.
- Kỹ năng phân tích và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường: Biết lắng nghe, quan sát lẫn nhau, lần lượt thể hiện, chia sẻ kinh nghiệm.
- Kỹ năng thực hiện kế hoạch hành động vì môi trường: Hát, vận động và sử dụng các nhạc cụ để thể hiện sự vật, hiện tượng trong tự nhiên (tiếng chim hót, gió thổi, nước chảy, lá... sấm chớp, mưa bão...).
- Kỹ năng làm rõ giá trị môi trường đối với con người: Sử dụng nhạc cụ và vận động để thể hiện cảm xúc của con người trước môi trường (vui buồn, ngạc nhiên, tức giận...).

\* Khu vực thiên nhiên: Kỹ năng giáo dục môi trường có thể hình thành cho trẻ là:

- Kỹ năng nhận biết và thu thập thông tin về môi trường: Nhận biết, phân biệt các loại cây trong góc tự nhiên (các bộ phận của cây, theo hình dạng, màu sắc độ lớn của lá và thân...); nhận biết nhu cầu của cây xanh (nước, không khí, ánh nắng, chất dinh dưỡng...); nhận biết đặc điểm bê ngoài và hành vi của động vật, cách kiểm mồi, khả năng tự vệ, sự phát triển của cây...
- Kỹ năng phân tích và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường: Trò chuyện về động, thực vật, đặt câu hỏi và trả lời về những điều trẻ quan sát được

- Kỹ năng thực hiện kế hoạch hành động vì môi trường: Gieo hạt, trồng cây, chăm sóc cây (tưới nước, lau bụi cho lá, nhổ cỏ, nhặt lá vàng...).
- Kỹ năng làm rõ giá trị môi trường đối với con người: Nhận biết tầm quan trọng của động, thực vật đối với con người, vui mừng vì kết quả lao động của mình...

Việc xác định các góc hoạt động phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Lứa tuổi, chủ đề giáo dục, diện tích phòng học và vui chơi của trẻ. Cách khai thác nội dung giáo dục môi trường dựa vào đặc trưng của mỗi khu vực hoạt động.

#### c) Tổ chức giáo dục môi trường thông qua hoạt động vui chơi

\* Xác định mục tiêu

Mục tiêu giáo dục môi trường được xác định dựa vào chủ đề giáo dục và đặc thù của mỗi khu vực hoạt động (khả năng khai thác nội dung giáo dục môi trường qua các khu vực hoạt động), đặc điểm lứa tuổi.

Các mục tiêu giáo dục môi trường trong hoạt động vui chơi thường hướng tới củng cố khái niệm, hình thành kỹ năng và làm rõ giá trị của môi trường đối với con người.

### \* Thiết kế hệ thống các việc làm

Để kích thích trẻ tích cực tham gia hoạt động vui chơi, giáo viên cần lập kế hoạch, tổ chức môi trường, đánh giá hoạt động của trẻ đảm bảo hiệu quả giáo dục môi trường trong hoạt động này. Giáo viên cần thiết kế hệ thống các việc làm sau:

- *Xây dựng môi trường cho trẻ hoạt động*

+ *Xây dựng môi trường vật chất*

Môi trường vật chất bao gồm không gian trong lớp, các điều kiện, các trang thiết bị, các dụng cụ, tài liệu. Để kích thích trẻ tích cực hoạt động cần tạo ra môi trường “mở” mà mọi thứ trong đó có thể thay đổi theo mục đích, nội dung giáo dục, theo mức độ phát triển của trẻ, tạo điều kiện phát huy tiềm năng của mọi trẻ đảm bảo giáo dục phù hợp với từng cá nhân. Môi trường “mở” sẽ góp phần quan trọng để thực hiện các mục tiêu giáo dục môi trường cho trẻ mầm non trong hoạt động: tạo cơ hội cho trẻ thực hành, trải nghiệm, phát huy sáng kiến, sáng tạo; tạo động cơ bên trong của chủ thể, kích thích trẻ tích cực hoạt động theo đúng khả năng của mình. Cần thực hiện các việc làm sau:

- Bố trí các khu vực thuận tiện cho trẻ hoạt động, tạo điều kiện cho trẻ dễ dàng lựa chọn trò chơi, chỗ chơi, chuyển góc chơi theo ý muốn, giúp trẻ tự tin vào bản thân. Đây là điều kiện giúp trẻ tích cực hoạt động nói chung, giáo dục môi trường nói riêng.

- Lựa chọn đồ dùng, đồ chơi, tài liệu cho các góc có liên quan đến nội dung giáo dục môi trường (các phương tiện này sẽ định hướng việc lựa chọn nội dung hoạt động của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ linh hoạt các kỹ năng giáo dục môi trường tự nhiên); thay đổi cách bố trí, số lượng, chủng loại đồ dùng, đồ chơi có liên quan đến giáo dục môi trường nhằm kích thích trẻ hoạt động tích cực để linh hoạt các kỹ năng bảo vệ môi trường.

- Tạo điểm tựa về nhận thức giúp trẻ định hướng nhanh chóng trong các khu vực hoạt động. Để giúp trẻ chú ý đến các nội dung giáo dục môi trường có thể sử dụng các tài liệu trực quan (mô hình, kí hiệu, sơ đồ...) làm điểm tựa nhận thức cho trẻ. Các điểm tựa này có thể được tạo ra bằng ngôn ngữ nói dưới dạng đưa các yêu cầu về bảo vệ môi trường vào luật chơi, vai chơi, các nhiệm vụ được giao, các tiêu chuẩn khi đánh giá hoạt động hoặc ngôn ngữ viết dưới dạng các “Quy định”, “Nội quy” về bảo vệ môi trường.

### + Xây dựng môi trường tâm lí

Môi trường tâm lí là môi trường ẩn, có vai trò rất lớn trong việc kích thích tính tích cực, độc lập, sáng tạo ở trẻ. Để xây dựng môi trường tâm lí, cần quan niệm đúng về đối tượng giáo dục để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp. Cần coi trẻ là chủ thể của hoạt động để tạo mọi cơ hội cho sự chủ động, độc lập, tích cực ở trẻ, đồng thời phải quan tâm, tôn trọng và yêu thương trẻ, luôn đi sâu tìm hiểu thế giới nội tâm ở trẻ, hiểu được nguyện vọng, nhu cầu, hứng thú của chúng.

Để giúp trẻ độc lập linh hồn các kỹ năng bảo vệ môi trường, giáo viên cần điều khiển hoạt động của trẻ gián tiếp qua việc tạo niềm tin cho trẻ trong hoạt động, giúp đỡ trẻ và biết được đặc điểm riêng của từng trẻ.

Cần thực hiện các việc làm sau: Để tạo niềm tin cho trẻ vào bản thân, có thể sử dụng các chi tiết xác nhận trẻ là thành viên bảo vệ môi trường (dùng vé, thẻ hội viên), giúp trẻ có được những thành công trong hoạt động. Để tạo niềm tin cho trẻ vào giáo viên, giáo viên cần luôn ủng hộ các hành động đúng của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ được tự do hoạt động theo hứng thú cá nhân, dành thời gian cho trẻ hoạt động, biết kiên trì chờ đợi. Để tạo niềm tin cho trẻ vào mình, giáo viên cần giúp trẻ được tham gia vào các nhóm chơi, được chấp nhận trong góc chơi. Để tạo niềm tin cho trẻ vào môi trường, cần phát triển ở trẻ hứng thú với các vật liệu, nhờ đó trẻ sẽ hưởng ứng việc giữ gìn môi trường sạch đẹp.

### - Điều khiển trẻ trong quá trình chơi

#### + Xác định mức độ phát triển của trẻ

Trong quá trình hoạt động, giáo viên cần biết rõ mức độ phát triển của trẻ dựa trên sự quan sát trẻ sử dụng các đối tượng hoạt động và tương tác với bạn. Trên cơ sở đó, thực hiện sự trợ giúp cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ.

Để xác định mức độ tương tác của trẻ với đối tượng hoạt động một cách dễ dàng, cần phân biệt rõ ba mức độ tương tác của trẻ với vật liệu là: 1/ Thao tác chưa định hướng: Trẻ chưa biết các vật liệu đó là gì? Chưa biết có thể làm gì với chúng nên đang cố gắng tìm cách để khám phá; 2/ Thao tác có định hướng: Trẻ đã bắt đầu điều khiển được vật thể trong môi trường nên hứng thú với việc lặp lại những phát hiện về cách tương tác với nó dựa trên đặc điểm vật thể; 3/ Thao tác có ý nghĩa: Trẻ đã điều khiển được vật thể và sẵn sàng bổ sung ý nghĩa cho hoạt động.

Để xác định mức độ tương tác của trẻ với bạn cần phân biệt năm mức độ tương tác của trẻ với bạn trong quá trình chơi: 1/ Không quan tâm đến bạn; 2/ Quan sát bạn; 3/ Chơi một mình; 4/ Chơi cạnh nhau; 5/ Chơi cùng nhau.

Trong quá trình quan sát sự tương tác của trẻ cần chú ý nghe trẻ nói và ghi lại tất cả những điều đã nhìn thấy, nghe thấy từ trẻ. Trên cơ sở đó sẽ định hướng sự trợ giúp trẻ một cách kịp thời.

+ Đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ

Việc đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ có thể tiến hành theo các cách khác nhau tuỳ thuộc vào khả năng và kinh nghiệm của từng trẻ. Có thể sử dụng các cách như: ủng hộ, khuyến khích trẻ hoạt động; đưa ra các đề nghị nhằm định hướng hoạt động cho trẻ hoặc mở rộng hoạt động của trẻ lên mức độ cao hơn.

• Việc khuyến khích, động viên trẻ tích cực hoạt động luôn cần thiết cho bất kì giai đoạn phát triển nào của trẻ. Trẻ ở mức độ thao tác chưa định hướng cần khuyến khích chúng tích cực tương tác với vật liệu để tự phát hiện ra đặc điểm, tích chất của nó bằng phương pháp thử - sai; trẻ ở mức độ thao tác có định hướng cần sự khuyến khích, động viên để tiếp tục lặp lại cách thức tương tác với vật liệu đã phát hiện cho đến khi phát hiện ra cách thức tương tác mới; trẻ ở mức độ thao tác có ý nghĩa, việc động viên khuyến khích trẻ sẽ kích thích trẻ luôn tích cực, sáng tạo, có mong muốn tìm ra cách làm mới, không thoả mãn với kết quả đã đạt được.

• Đưa ra lời đề nghị nhằm định hướng hoạt động của trẻ cũng là cách phát triển hoạt động của trẻ. Tuy nhiên, lời đề nghị của giáo viên không được áp đặt ý tưởng hoặc cách thức hoạt động cho trẻ và đó cũng không phải là một lời nói như một sự khen ngợi chung chung, không có tác dụng thúc đẩy hoạt động của trẻ.

Lời đề nghị của giáo viên có tác dụng thúc đẩy hoạt động của trẻ phải phù hợp với việc trẻ đang làm, có ảnh hưởng đến những gì họ nhìn thấy trong hành vi trẻ. Khi đưa ra lời đề nghị, giáo viên nên sử dụng các câu hỏi mở nhằm thúc đẩy hoạt động của trẻ một cách hợp lí (mô tả chi tiết những việc trẻ đang làm, làm rõ cách thức mà chúng đang thực hiện, khuyến khích trẻ tiếp tục khám phá).

• Không can thiệp vào hoạt động của trẻ khi trẻ đang say mê làm việc cũng là cách tạo điều kiện cho trẻ có thời gian tĩnh tại để thực thi ý tưởng của mình, không làm gián đoạn suy nghĩ của trẻ.

+ Cung cấp mẫu hành vi cho trẻ.

Trong quá trình trẻ chơi, giáo viên là mẫu mực để trẻ bắt chước. Cho nên giáo viên phải thể hiện mọi lời nói, hành động, tình cảm của họ qua hành vi theo cách mà họ mong muốn trong hành vi của trẻ.

Giáo viên thể hiện mẫu hành vi bằng cách đặt mình vào vị trí của trẻ, trở thành bạn cùng chơi với trẻ, tiến hành các công việc như trẻ vẫn làm. Trong quá

trình đó, họ phải tự đặt ra các câu hỏi có liên quan đến việc sử dụng vật liệu, quan hệ giữa trẻ khi chơi, cách hỏi trẻ, cách giúp trẻ giải quyết khó khăn. Ở vị trí này, giáo viên cần thể hiện sự nhiệt tình, hứng thú, tích cực, sáng tạo như điều họ mong muốn ở trẻ.

Giáo viên thể hiện mẫu hành vi về sự quan tâm đến bản thân, trẻ và môi trường. Quan tâm đến bản thân là chú ý đến cách ăn mặc, đi đứng, nói năng, chú ý giữ gìn sức khoẻ luôn vui vẻ, tự tin, hướng thú và có trách nhiệm với công việc; quan tâm đến trẻ là tôn trọng trẻ, luôn vui mừng vì kết quả hoạt động của trẻ, quan tâm đến sức khoẻ và những thứ trẻ thích; quan tâm đến môi trường là luôn giữ gìn sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp nơi trẻ chơi, nhiệt tình tham gia vào vệ sinh môi trường, trồng cây, chăm sóc động, thực vật, hứng thú với việc trang trí, làm đẹp cho lớp học.

#### - Hình thành khả năng tự đánh giá hoạt động cho trẻ

Đánh giá có ý nghĩa quan trọng đối với việc điều chỉnh hoạt động của trẻ theo yêu cầu giáo dục. Nội dung đánh giá có tác dụng định hướng hoạt động của trẻ vì sự đánh giá từ bên ngoài sẽ được chuyển vào bên trong thành tự đánh giá của trẻ. Vì vậy, nếu nhà giáo dục sử dụng đánh giá như biện pháp giáo dục môi trường trong hoạt động góc cần phải hình thành khả năng tự đánh giá cho trẻ. Cần phải hướng đến các việc làm sau đây:

+ Định hướng cho việc đánh giá của trẻ: Trước khi trẻ vào các góc chơi, cần định hướng cho việc nhận xét đánh giá của trẻ bằng cách: đặt ra các yêu cầu về giáo dục môi trường cho các góc chơi, vai chơi và cho trẻ thảo luận, bàn bạc về các yêu cầu đó (các yêu cầu này sẽ trở thành điểm tựa giúp trẻ dễ so sánh, đánh giá và điều chỉnh hành vi của chúng).

+ Sử dụng các tài liệu trực quan làm điểm tựa giúp trẻ chủ động trong việc tự đánh giá và kịp thời điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với yêu cầu giáo dục môi trường.

+ Kích thích trẻ tích cực tham gia đánh giá kết quả hoạt động của bản thân và bạn.

### 5.2.3. Giáo dục môi trường thông qua hoạt động ngoài trời

a) Ý nghĩa của hoạt động ngoài trời đối với việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

Hoạt động ngoài trời là hình thức quan trọng để giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. Môi trường mầm non đều có sân chơi, vườn cây để tổ chức hoạt động

ngoài trời cho trẻ. Đây là không gian rộng rãi, thoáng mát cho trẻ thoải mái chơi đùa, di dạo, quan sát động thực vật, khám phá nhiều điều ẩn chứa trong tự nhiên. Trong sân chơi, vườn cây có các đối tượng tự nhiên đa dạng, phong phú như các loại cây xanh, cây ăn quả, vườn cây cảnh, vườn hoa, vườn rau và các yếu tố tự nhiên vô sinh cần cho sự phát triển của nó như đất, nước, không khí, ánh sáng... có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của trẻ. Trong vườn trường, trẻ có thể tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường cùng với giáo viên thông qua các hoạt động quan sát, thí nghiệm, lao động chăm sóc động, thực vật và làm sạch môi trường. Trong quá trình này, trẻ không những lĩnh hội tri thức về đặc điểm sự vật, hiện tượng môi trường tự nhiên mà còn hình thành kĩ năng nhận thức, kĩ năng lao động và có thái độ đúng với tự nhiên.

Sân vườn trường còn là nơi diễn ra các mối quan hệ xã hội mà trẻ có thể quan sát, trải nghiệm để tích lũy các mối quan hệ xã hội cần cho quá trình phát triển của chúng. Trong thời gian diễn ra hoạt động ngoài trời, trẻ được quan sát hoạt động giáo dục của giáo viên với trẻ ở các lớp lứa tuổi khác nhau: hoạt động của các anh chị lớp trên, các em nhỏ lớp dưới, những cuộc gặp gỡ của giáo viên các lớp với nhau, các cán bộ quản lý; trẻ được quan sát công việc của các bác bảo vệ, lao công chăm sóc và bảo vệ môi trường; trẻ cũng được quan sát hiện thực xã hội diễn ra ở khu vực ngoài phạm vi trường mầm non như thực hiện Luật giao thông trên con đường trước cửa trường, hành vi bảo vệ môi trường của mọi người ở đó. Tham gia hoạt động ngoài trời là cơ hội để trẻ trải nghiệm xúc cảm, tình cảm, thể hiện sự hiểu biết, hành vi và thái độ bảo vệ môi trường xung quanh trong mối quan hệ xã hội được hình thành trong hoạt động này.

*b) Xác định nội dung giáo dục môi trường qua hoạt động ngoài trời*

Hoạt động ngoài trời góp phần củng cố các khái niệm môi trường, hình thành và phát triển các kĩ năng về môi trường cho trẻ mầm non.

– Các khái niệm giáo dục môi trường được củng cố trong hoạt động ngoài trời là:

+ Khái niệm “Hệ sinh thái”: Các sự vật hiện tượng trong môi trường tác động qua lại với nhau và với môi trường sống (động, thực vật, đất, nước, mưa gió, Mặt Trời...).

+ Khái niệm “Quần thể/dân số”: Nhận biết nhóm thực vật cùng loài sống cùng địa điểm; quan hệ của nhóm thực vật đối với môi trường sống (nhu cầu, sự tăng, giảm về số lượng); hoạt động của con người có tác động tới môi trường sống.

+ Khái niệm “Quyết định môi trường”: Trẻ được tham gia bàn bạc và quyết định nên làm gì để bảo vệ môi trường (trồng cây, gieo hạt, xới đất, tưới nước, nhổ cỏ, không được bẻ cây...).

+ Khái niệm “Đạo đức môi trường”: Trẻ biết tại sao cần phải bảo vệ tự nhiên bằng việc làm cụ thể; nếu bảo vệ tự nhiên thì tự nhiên sẽ giúp ích cho con người; mọi người phải sống hòa thuận với nhau và quan tâm tới tự nhiên.

- Các kỹ năng bảo vệ môi trường có thể hình thành ở trẻ là:

+ Kỹ năng nhận biết và thu thập thông tin về môi trường: Nhận biết, phân biệt các loại thực vật trong sân, vườn trường thông qua đặc điểm cấu tạo của nó; nhận biết nhu cầu của các loại thực vật về đất nước, không khí, ánh sáng, chất dinh dưỡng; nhận biết, phân biệt được đặc điểm bên ngoài, hành vi của các loại động vật có trong sân, vườn, cách kiểm ăn, khả năng tự vệ, quá trình phát triển của nó.

+ Kỹ năng phân tích và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường: Dựa trên tri thức, kinh nghiệm đã được tích luỹ, trải nghiệm trẻ có thể tham gia vào đàm thoại để làm rõ những vấn đề về môi trường mà chúng quan tâm và đưa ra cách thức giải quyết của mình (ví dụ: Lá thường rụng nhiều vào mùa nào? Cần làm gì để sân trường sạch đẹp vào mùa lá rụng? Tại sao mùa này cây chậm lớn? Làm thế nào để cây lớn nhanh hơn?...). Trên cơ sở đó, trẻ sẽ cho ý kiến của mình về giải pháp bảo vệ môi trường, cùng nhau trao đổi để đi đến thống nhất giải pháp bảo vệ môi trường.

+ Kỹ năng thực hiện kế hoạch hành động vì môi trường: Trẻ tham gia vào việc bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi và điều kiện của hoạt động ngoài trời như: Thu dọn lá rụng, làm sạch sân trường, lau bụi cho lá, tưới nước cho cây, gieo hạt, trồng cây, nhổ cỏ.

+ Kỹ năng làm rõ giá trị của môi trường đối với con người: Nhận biết lợi ích của động, thực vật, các yếu tố tự nhiên vô sinh đối với con người; biết được sự cõi gắng của con người trong bảo vệ môi trường sẽ được môi trường đền đáp xứng đáng; biết thể hiện sự vui sướng, phấn khởi khi nhận thấy kết quả lao động của mình.

### c) Tổ chức giáo dục môi trường thông qua hoạt động ngoài trời

Việc giáo dục môi trường thông qua hoạt động ngoài trời cần tiến hành dựa trên các đối tượng có trong không gian hoạt động ngoài trời (trên sân trường, vườn trường) để khai thác các kiến thức, kỹ năng về bảo vệ môi trường có thể hình thành cho trẻ. Dựa vào cấu trúc của hoạt động ngoài trời, sự thay đổi của các đối tượng này theo thời gian và mức độ yêu cầu về giáo dục môi trường ở mỗi lứa tuổi để lựa

chọn các phương pháp giáo dục đảm bảo thực hiện có hiệu quả mục đích giáo dục thông qua các hoạt động cụ thể.

Có thể tiến hành như sau:

- Tổ chức cho trẻ quan sát: Nhằm mục đích củng cố và mở rộng tri thức của trẻ về các đối tượng có trên sân vườn trường. Nhờ quan sát, trẻ có thêm tri thức về đối tượng và mối quan hệ giữa các đối tượng trong cùng môi trường sống và ảnh hưởng của nó đến cuộc sống của con người. Tri thức trẻ tiếp nhận về các đối tượng cụ thể như sau:

+ Làm quen với thực vật: Thấy rõ đặc điểm của nó trong mối quan hệ với môi trường sống như: quan sát sự thay đổi của thân, cành, lá, hoa, quả khi thời tiết thay đổi (nóng, lạnh, mưa gió, Mặt Trời...), sự thay đổi của nó trong ngày (buổi sáng, trưa, chiều...); sự thay đổi về số lượng cây, sự phát triển của cây phụ thuộc vào thời tiết và vào hoạt động của con người (trồng cây, tưới nước, xới đất, làm cỏ...).

+ Làm quen với động vật: Làm rõ đặc điểm của động vật có trong sân trường (các loại chim, khỉ, chó, mèo, côn trùng...); xác định mối quan hệ giữa hành vi động vật (ăn uống và vận động) và sự thay đổi điều kiện sống (thời tiết, thức ăn...); biết được sự phát triển của động vật phụ thuộc vào thời tiết và sự chăm sóc của con người.

+ Làm quen với nước, đất, cát, đá, sỏi...: Cho trẻ quan sát các vật thể này ở những trạng thái khác nhau, các vị trí khác nhau để xác định tính chất của nó trong môi trường và mối quan hệ của nó với động thực vật và con người.

+ Làm quen với các hiện tượng tự nhiên: Mặt trời, mưa, gió... qua quan sát trực tiếp và trải nghiệm (cách ăn mặc quần áo theo mùa khi thời tiết thay đổi, hoạt động của trẻ cũng phụ thuộc vào thời tiết...); tổ chức các trò chơi với nước, cát, các trò chơi vận động; cho trẻ được làm các thí nghiệm đơn giản...

- Tổ chức cho trẻ lao động, thí nghiệm: Nhằm hình thành các kỹ năng bảo vệ môi trường cho trẻ.

+ Cân cứ vào lứa tuổi, giáo viên có thể tổ chức cho trẻ lao động ngoài trời dưới nhiều hình thức khác nhau như giao nhiệm vụ, lao động theo nhóm, tập thể hay trực nhật.

• Lớp mẫu giáo bé. Trẻ tham gia lao động cùng giáo viên: Chăm sóc động, thực vật trong góc tự nhiên. Trẻ được nhận nhiệm vụ theo từng cá nhân. Mỗi công việc bao gồm 1 - 2 thao tác lao động (lấy thức ăn và cho động vật ăn). Lao động trong thời gian ngắn, nhưng phải thu hút mọi trẻ cùng tham gia.

Sau đó có thể tổ chức cả lớp lao động: Gieo các hạt to, thu hoạch mùa màng. Công việc được tổ chức theo kiểu “làm việc cạnh nhau” mọi trẻ đều làm việc nhưng không phụ thuộc vào nhau. Cách làm này cho phép trẻ có thể làm việc theo nhịp độ riêng, giúp trẻ có thể linh hoạt kĩ năng lao động và có hứng thú được làm việc cạnh nhau.

Tổ chức cho trẻ lao động theo nhóm nhỏ, mỗi nhóm thực hiện một thao tác lao động nào đó: Lau bụi cho lá, trồng cây, tưới nước, nhổ cỏ... Khi dạy trẻ kĩ năng lao động, cần chia nhỏ các thao tác. Giáo viên kết hợp chỉ dẫn, giải thích và trẻ theo trình tự thực hiện các thao tác đó.

Lao động của trẻ có sự tham gia hoặc điều khiển của giáo viên. Giáo viên giúp trẻ khi chúng gặp khó khăn, chỉ cho chúng biện pháp thực hiện, khuyến khích, động viên trẻ...

• Lớp mẫu giáo nhỏ. Giao nhiệm vụ cho từng cá nhân là chính, nhưng được thực hiện trong thời gian dài hơn (2 - 3 ngày). Lao động theo nhóm có đặc điểm: cùng một lúc 2 nhóm cùng làm và thực hiện 2 nhiệm vụ khác nhau (Ví dụ: 1 nhóm tưới cây, 1 nhóm xới đất). Do kĩ năng của trẻ chưa hoàn thiện nên cần thường xuyên chú ý đến biện pháp làm việc của trẻ, sao cho không ảnh hưởng đến động thực vật.

Lao động tập thể được tổ chức khi giáo viên thấy cần cho trẻ làm quen với biện pháp lao động mới (Ví dụ: biện pháp gieo hạt). Giáo viên chỉ dẫn, giải thích các nhiệm vụ, sau đó phân chia công việc thành các giai đoạn kế tiếp nhau (xới đất, gieo hạt, lấp đất, tưới nước...), theo dõi trẻ thực hiện các công đoạn đó, nhắc lại thứ tự các thao tác, cách sử dụng các dụng cụ...

Lứa tuổi này cần bắt đầu đánh giá chất lượng lao động. Giáo viên đánh giá trẻ trong quá trình lao động, giúp trẻ hiểu sự cần thiết lao động, hiểu tại sao phải thực hiện thao tác lao động nào đó (Ví dụ: Khi quan sát cây, giáo viên đưa tay dọc theo bề mặt lá để xác định lá có bẩn không? Có cần tưới nước không?...)

• Lớp mẫu giáo lớn (MGL). Cần hình thành ở trẻ khả năng tiếp nhận và đặt nhiệm vụ lao động, dự định kết quả lao động, xác định trình tự các thao tác, lựa chọn các dụng cụ cần thiết và tự thực hiện quá trình lao động. Cá nhân nhận nhiệm vụ trong thời gian dài hơn: Trẻ nhận nhiệm vụ tưới cây, chăm sóc vật nuôi trong 2 - 3 ngày.

Tổ chức trẻ trực nhật trong góc tự nhiên. Giáo viên làm quen trẻ với công việc trực nhật, nhắc nhở trẻ chăm sóc động, thực vật trong góc tự nhiên, cho trẻ làm

quen với kỹ năng mới. Cùng một lúc cho 2 - 3 trẻ trực nhật. Trẻ trực nhật 2 - 3 ngày. Giáo viên điều khiển trẻ trực nhật nhằm hình thành kỹ năng, thói quen chăm sóc động, thực vật (xới đất, lau lá, tưới nước, chuẩn bị thức ăn...), phát triển mối quan hệ tập thể, giáo dục thái độ đúng đắn với lao động. Giáo viên giúp trẻ lập kế hoạch trực nhật (khuyên nhủ, nhắc nhở, yêu cầu suy nghĩ trình tự các công việc cần làm). Những trẻ làm trực nhật cần thỏa thuận công việc cần làm mỗi ngày, trình tự các thao tác. Nếu trực nhật thực hiện việc chăm sóc đối tượng mới, giáo viên nên tham gia cùng trẻ. Khi đổi ca trực nhật, trẻ phải kể cho cả lớp nghe chúng đã chăm sóc động, thực vật như thế nào? Cái gì mới hấp dẫn xuất hiện? Trẻ đánh giá công việc của trực nhật: chất lượng công việc, thái độ của trẻ, quan hệ giữa trẻ trong quá trình trực nhật.

Tổ chức lao động tập thể. Trẻ được chia thành nhóm nhỏ, mỗi nhóm thực hiện nhiệm vụ riêng để cùng đạt mục đích chung. Lao động cùng nhau được sử dụng ở tuổi này: một nhóm xới đất, một nhóm làm hố, một nhóm gieo hạt. Giáo viên giúp trẻ phân chia nhóm, chỉ dẫn, giải thích cho trẻ biện pháp làm việc. Cùng một lúc, có thể chỉ cho trẻ toàn bộ quá trình lao động, mọi nhiệm vụ mà trẻ phải thực hiện.

Trong quá trình điều khiển trẻ, giáo viên cần phát triển ở trẻ khả năng tự đánh giá: Kiểm tra việc thực hiện của trẻ, đặt ra nhiệm vụ và hướng sự chú ý của trẻ đến kết quả lao động, so sánh với nhiệm vụ, học cách đối chiếu hoạt động của trẻ với sự chỉ dẫn của giáo viên. Đánh giá nhằm vào ưu điểm là chính, nhưng theo các mức độ khác nhau phụ thuộc vào chất lượng công việc (Ví dụ: "Gieo hạt đúng, nhưng làm đất chưa tốt"). Cho trẻ tham gia vào đánh giá: Yêu cầu trẻ đánh giá bạn hoặc nhóm này đánh giá nhóm khác.

**Đặc điểm** của việc tổ chức trẻ MGL lao động là giáo viên giải thích cho trẻ cần phải làm gì, làm như thế nào. Cần dạy trẻ không chỉ làm việc, mà phải biết lập kế hoạch thực hiện, phân công trách nhiệm, chuẩn bị các dụng cụ cần thiết.

- Tổ chức thí nghiệm cho trẻ: Nhằm mục đích củng cố kiến thức và hình thành kỹ năng bảo vệ môi trường cho trẻ. Bằng các thí nghiệm đơn giản, trẻ có thể xác lập nguyên nhân của sự vật, hiện tượng, mối quan hệ giữa chúng và giữa chúng với môi trường.

Trong quá trình thí nghiệm trẻ được tham gia tích cực vào việc xác định nhiệm vụ thí nghiệm. Dựa vào mục đích thí nghiệm cần xác định nhiệm vụ cụ thể. Nhiệm vụ thí nghiệm do giáo viên đặt ra hoặc giáo viên giúp trẻ tự xác định. Nhiệm vụ phải rõ ràng, được xác định theo trình tự nhất định. Việc giải quyết nhiệm vụ nhận thức đòi hỏi sự tìm tòi tích cực: phân tích, đối chiếu cái đã biết với cái chưa biết,

dựa ra kết luận về nguyên nhân của hiện tượng, lựa chọn biện pháp giải quyết, các điều kiện và việc tổ chức thí nghiệm.

Trẻ cũng được tham giao vào việc xác định điều kiện thí nghiệm dưới sự điều khiển của giáo viên. Mọi điều kiện trong thí nghiệm cần được xác định và trẻ cần biết rằng các điều kiện đó có ảnh hưởng đến kết quả.

Thí nghiệm có thể diễn ra trong thời gian ngắn hoặc dài như quan sát. Nếu nhiệm vụ được giải quyết trong quá trình quan sát, việc thảo luận kết quả quan sát cũng diễn ra ngay sau đó. Giáo viên cùng trẻ phân tích điều kiện tiến hành thí nghiệm, so sánh kết quả và rút ra kết luận. Thời điểm cuối của thí nghiệm là rút ra kết luận trên cơ sở các kết quả đã thu nhận được. Cần kích thích trẻ độc lập rút ra kết luận.

Trong quá trình tổ chức thí nghiệm, không được làm ảnh hưởng xấu đến các đối tượng. Vì vậy, khi xuất hiện những biến đổi rõ nét trên đối tượng thí nghiệm (lá hơi vàng, cây không tươi...) cần thay đổi điều kiện của đối tượng ngay.

Thí nghiệm xác định tính chất của các vật thể vô sinh cũng tiến hành tương tự. Nhờ có các thí nghiệm, trẻ có thể xác lập nguyên nhân nước chuyển động từ dạng này sang dạng khác; xác định điều kiện cần thiết cho sự phát triển của thực vật; giải thích một số đặc điểm của thực vật (Nơi nào cây mọc tốt nhất: ấm hay lạnh? Liệu cây có thể mọc ở nơi quá nóng hay lạnh không? Điều gì sẽ xảy ra nếu cây bị đưa vào nơi quá nóng hay lạnh?...).

- Tổ chức trò chơi cho trẻ: Trong môi trường hoạt động ngoài trời có thể tổ chức các trò chơi cho trẻ. Những trò chơi hay được sử dụng là trò chơi vận động, trò chơi học tập, trò chơi sáng tạo và cho trẻ chơi tự do với các dụng cụ trên sân. Mỗi trò chơi có ưu thế riêng trong việc cung cấp tri thức, hình thành kỹ năng bảo vệ môi trường cho trẻ.

#### + Trò chơi vận động

Đây là trò chơi mang tính tự nhiên, có liên quan đến sự bắt chước hành vi động vật, hình tượng về cuộc sống của chúng, phản ánh sự vật, hiện tượng diễn ra xung quanh. Việc sử dụng trò chơi này nhằm mục đích cung cấp tri thức về những dấu hiệu đặc trưng của động, thực vật, lao động của người lớn, mối quan hệ và sự phụ thuộc của sự vật và hiện tượng xung quanh. Khi bắt chước tiếng kêu động vật, mô phỏng hành vi, cách chăm sóc bảo vệ chúng bằng cách sử dụng ngôn ngữ và vận động cơ thể, trẻ sẽ hiểu biết về chúng sâu sắc hơn, cảm nhận được sự vui sướng, có hứng thú với tự nhiên, đồng thời giúp thay đổi trạng thái cơ thể, giải tỏa những căng thẳng về trí tuệ, tâm lí.

Trước khi chơi, giáo viên cần phổ biến luật chơi, nêu rõ hành động chơi và sử dụng hiệu lệnh rõ ràng. Trong quá trình chơi, hướng sự chú ý của trẻ đến thực hiện hành động phản ánh đặc điểm của đối tượng, tạo cho trẻ sự thoả mãn khi mô phỏng hình tượng cuộc sống của nó. Sau khi chơi, cần thận trọng đánh giá kết quả hoạt động của trẻ, tạo sự hào hứng phấn khởi cho trẻ, có mong muốn hiểu biết hơn về đối tượng, hứng thú, tích cực tham gia vào chăm sóc bảo vệ các đối tượng có ở môi trường xung quanh.

#### + Trò chơi học tập

Đây là trò chơi có nội dung và luật chơi có sẵn do người lớn nghĩ ra, trong đó mọi hành động của trẻ được điều khiển bởi nhiệm vụ và luật chơi. Cấu trúc của trò chơi học tập quy định rõ việc xác định nhiệm vụ nhận thức, luật chơi, hành động chơi nên có thể sử dụng trong quá trình giáo dục môi trường cho trẻ trong hoạt động ngoài trời.

Có thể sử dụng các loại trò chơi học tập sau đây:

- Trò chơi với các vật liệu tự nhiên: cành, lá, hoa, quả, hạt... (trò chơi: "*Chiếc túi kì diệu*", "*Cành và lá*", "*Bạn nào cây đó*"...). Trò chơi được sử dụng nhiều ở lớp bé và nhỡ. Trò chơi được tổ chức với cả lớp. Trò chơi này giúp trẻ có biểu tượng chính xác, cụ thể, khái quát về tính chất và đặc điểm của vật thể, hình thành kỹ năng quan sát vật thể, sử dụng các giác quan. Trò chơi giúp trẻ biết dựa trên các vật liệu tự nhiên, so sánh chúng với nhau, xác định sự thay đổi bên ngoài, phản ánh sự thay đổi diễn ra bên trong.

- Trò chơi dùng lời: Dưới dạng "*Con gì bay (chạy, nhảy)?*", "*Cân - không cân?*". Trò chơi có ưu điểm là không cần dụng cụ gì cả, nhưng có thể cung cấp tri thức về hoạt động của động vật, khái quát hoá, hệ thống hoá tri thức, phát triển sự chú ý, ham hiểu biết, phản ứng nhanh, lời nói mạch lạc...

- Bài tập dưới hình thức chơi. Bài tập đặt ra dưới dạng "*Tìm lá của cây*", "*Tìm hoa giống như vậy*", "*Tìm lá màu vàng*"... Bài tập kiểu này nhằm phát triển khả năng phân biệt sự vật, hiện tượng về tính chất, đặc điểm, phát triển khả năng quan sát của trẻ. Có thể tổ chức theo nhóm hoặc cả lớp.

Khi tổ chức trò chơi học tập cần tiến hành các bước:

Nêu tên trò chơi. Thường tên trò chơi đã chứa đựng nhiệm vụ nhận thức nên có tác dụng định hướng hoạt động nhận thức ở trẻ

Hướng dẫn trẻ cách chơi. Cần nêu rõ luật chơi một cách ngắn gọn, rõ ràng và sinh động để trẻ dễ lĩnh hội. Có thể cho một số trẻ nhắc lại luật chơi để xác định

mức độ hiểu luật chơi của trẻ. Những trò chơi có hành động phức tạp có thể vừa giải thích vừa làm mẫu động tác minh họa.

Trong quá trình tổ chức trò chơi, cần sử dụng các hiệu lệnh dứt khoát, ngắn gọn và có thể sử dụng các yếu tố thi đua nhằm làm tăng hứng thú cho trẻ. Căn cứ vào trò chơi, mức độ lặp lại và lứa tuổi, giáo viên có thể tham gia trực tiếp vào trò chơi.

Khi kết thúc trò chơi, cần đánh giá kết quả nhận thức đã đạt được. Việc đánh giá cần căn cứ vào luật chơi, hành động chơi của trẻ, thái độ thực hiện... Khi nhận xét trẻ chơi cần hướng đến việc thực hiện các nhiệm vụ nhận thức đặt ra trong trò chơi, đồng thời phải tạo ra không khí vui vẻ, giúp trẻ tự tin và có mong muốn tiếp tục được chơi với kết quả tốt hơn.

#### + Trò chơi sáng tạo

Đây là trò chơi phản ánh những ấn tượng trẻ tiếp nhận được trên tiết học, tham quan, sinh hoạt hằng ngày, lao động của người lớn. Trong hoạt động ngoài trời có thể tổ chức trò chơi xây dựng với các vật liệu tự nhiên (đất cát, sỏi và các vật liệu khác có thể tìm kiếm được trên sân trường). Loại trò chơi này rất hấp dẫn đối với trẻ mẫu giáo. Sử dụng trò chơi nhằm mục đích mở rộng, bổ sung tri thức cho trẻ về hoạt động lao động của người lớn, mối quan hệ của họ trong quá trình sống và hoạt động, học cách sử dụng các vật liệu có mục đích, sử dụng tiết kiệm và vệ sinh môi trường nơi làm việc...

Để tổ chức trò chơi này, cần xác định những tri thức đã có ở trẻ, tri thức nào cần bổ sung, cần củng cố và mở rộng. Có thể sử dụng các biện pháp như mở rộng, củng cố tri thức của trẻ khi chơi, tham quan; cho trẻ xem phim, đọc truyện, kể chuyện cho trẻ nghe. Việc tổ chức trẻ tiếp xúc trực tiếp với người lớn sẽ kích thích hứng thú của trẻ đối với lao động và mở rộng nội dung trò chơi.

Chuẩn bị đồ chơi, các vật liệu cần thiết và bố trí hợp lý để kích thích tính tích cực của trẻ trong quá trình chơi. Trò chơi xây dựng với các vật liệu tự nhiên như: cát, sỏi, đất, nước... là một dạng trò chơi sáng tạo. Khi xây dựng các mô hình, trẻ nhận biết được tính chất, đặc điểm của vật liệu. Mỗi lớp nên có các điều kiện cho trẻ được chơi trò chơi này trong suốt năm học như các dụng cụ đựng cát, sỏi, nước..., các hình người, nhà, cây, các loại xe... bằng cao su, nhựa không thấm nước. Giáo viên cần giúp trẻ lựa chọn vật liệu và sử dụng vào trò chơi, chỉ cho trẻ biện pháp sử dụng các vật liệu...

Trong quá trình tổ chức trò chơi nắm bắt được hứng thú, khả năng, kinh nghiệm của trẻ để có sự hỗ trợ trẻ kịp thời. Đồng thời, cần quan tâm đánh giá hoạt động của trẻ có liên quan đến việc bảo vệ môi trường để khuyến khích những hành vi tích cực của trẻ.

#### **5.2.4. Giáo dục môi trường thông qua hoạt động tham quan**

a) Ý nghĩa của hoạt động tham quan đối với việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

Tham quan có thể sử dụng như một hình thức giáo dục môi trường có hiệu quả. Ưu thế của hoạt động tham quan ở chỗ, trẻ có cơ hội quan sát động, thực vật trong môi trường sống của chúng, quan sát hiện tượng tự nhiên, những thay đổi trong vùng, quan sát người lớn đã cải tạo môi trường cho phù hợp với yêu cầu của cuộc sống và môi trường đã phục vụ con người như thế nào. Tham quan sẽ hình thành ở trẻ biểu tượng đầu tiên về mối quan hệ phụ thuộc tồn tại trong tự nhiên.

Tham quan trong rừng, trên cánh đồng, bờ sông, hồ thu hút sự chú ý của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ có thể thu lượm những vật liệu khác nhau để tiếp tục quan sát và làm việc trong lớp. Nhờ có tham quan, ở trẻ sẽ phát triển óc quan sát, hứng thú khám phá môi trường xung quanh, học cách xem xét đối tượng và xác định những đặc điểm nổi bật. Cái đẹp của tự nhiên tạo cho trẻ xúc cảm lớn, những ấn tượng không phai mờ nhằm phát triển những tình cảm thẩm mĩ. Trên cơ sở đó sẽ hình thành tình yêu quê hương, đất nước và thái độ trân trọng đối với sự vật, hiện tượng xung quanh, cũng như hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ.

b) Xác định nội dung giáo dục môi trường qua tham quan

Việc xác định nội dung giáo dục môi trường qua tham quan phụ thuộc loại hình tham quan. Có thể tổ chức cho trẻ các loại hình tham quan:

– Tham quan môi trường tự nhiên: Công viên, cánh đồng, rừng, sông hồ, các danh lam thắng cảnh tự nhiên...

– Tham quan nơi lao động sản xuất: Cánh đồng, trang trại, khu vườn... với mục đích làm quen với lao động người lớn.

– Tham quan di tích lịch sử, công trình văn hóa: Triển lãm, bảo tàng, các khu di tích.

Dựa vào đặc điểm tham quan và ưu thế của nó đối với việc giáo dục môi trường có thể thấy nội dung giáo dục môi trường được xác định qua hoạt động này là cung cấp và mở rộng các khái niệm về môi trường, làm cơ sở để hình thành kỹ năng bảo vệ môi trường thông qua các hình thức hoạt động khác nhau.

c) Tổ chức giáo dục môi trường qua hoạt động tham quan

– Tham quan môi trường tự nhiên

Khi đến địa điểm tham quan, giáo viên tiến hành đàm thoại ngắn nhằm nhắc lại mục đích tham quan, nhắc nhở trẻ cần phải thực hiện những quy định đối với

khách tham quan. Cân đặc biệt nhấn mạnh các yêu cầu về bảo vệ môi trường tự nhiên và khuyến khích trẻ quan tâm đến hành vi bảo vệ môi trường diễn ra trong quá trình tham quan.

Trong quá trình tham quan, giáo viên cần phối hợp sử dụng các loại quan sát: quan sát tập thể, quan sát theo nhóm và quan sát cá nhân nhằm giúp trẻ thỏa mãn nhu cầu hứng thú cá nhân, vừa củng cố, mở rộng hiểu biết của trẻ về đối tượng đã được xác định trong mục đích tham quan. Để tạo hứng thú cho trẻ giáo viên nên dành khoảng thời gian cần thiết cho trẻ tự quan sát đối tượng theo nhóm hoặc cá nhân trẻ. Sau đó, tổ chức trẻ quan sát tập thể để hướng trẻ đến những dấu hiệu đặc trưng của sự vật, hiện tượng bằng cách sử dụng các biện pháp khác nhau: câu hỏi, câu đố, bài thơ, hành động khảo sát, biện pháp trò chơi. Có thể kể chuyện và giải thích để bổ sung cho sự quan sát của trẻ. Trong quá trình quan sát, việc sử dụng các tác phẩm văn học có ý nghĩa lớn. Cần tăng cường phối hợp các biện pháp dựa vào mục đích và nội dung của tham quan. Sau quan sát tập thể, cần giúp trẻ thỏa mãn nhu cầu ham hiểu biết bằng quan sát độc lập và theo nhóm nhỏ.

Khi tổ chức trẻ quan sát cần mở rộng hiểu biết cho trẻ mối quan hệ và sự phụ thuộc vào các đối tượng cùng chung sống trong một môi trường nhất định; làm trẻ chú ý đến các điều kiện sống của động thực vật, các hành vi, thói quen, phương thức tự bảo vệ của chúng; làm cho trẻ quan tâm, chú ý và tự phát hiện những biện pháp bảo vệ môi trường tự nhiên của con người.

Khi tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, nghỉ ngơi cho trẻ trong quá trình tham quan cần đặc biệt chú ý đến hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ như: không được vứt rác bừa bãi, không được chạy nhảy, xô đẩy làm ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh, không được bứt lá, bẻ cành...

#### - Tham quan nơi sản xuất

Tham quan nơi sản xuất có thể tiến hành ở các vị trí khác nhau: Trên cánh đồng, vườn, trang trại, vườn thực vật, nhà máy, xí nghiệp... Loại tham quan này giúp trẻ nhận biết một cách trực quan con người đã tác động đến tự nhiên như thế nào, làm thế nào để trồng cây và chăm nuôi động vật tốt, cho trẻ làm quen với một số dụng cụ và thao tác lao động của người lớn.

Ưu điểm của loại tham quan này được thể hiện ở chỗ trẻ có thể quan sát hoạt động của con người, tự nhiên mà con người tác động đến. Cũng cần chỉ cho trẻ thấy mục đích lao động, các dụng cụ lao động, cách tổ chức lao động, mối quan hệ của người lớn trong lao động và kết quả lao động.

Tham quan được bắt đầu bằng đàm thoại. Nhiệm vụ của đàm thoại là tạo hứng thú của trẻ tới người lao động, có mong muốn quan sát lao động của người lớn, tham gia vào hoạt động lao động cùng với người lớn.

Trong quá trình tham quan, trẻ được quan sát một số công việc trong hoạt động của người lớn. Để làm rõ những điều trẻ quan sát được cần kết hợp đàm thoại với người lao động và nếu thấy thuận lợi có thể khuyến khích trẻ thử làm một vài tác lao động của người lớn.

Khi kết thúc tham quan cần khái quát hoá biểu tượng của trẻ về quá trình làm việc trên đối tượng cụ thể.

Sau tham quan vài ngày có thể tổ chức một số hoạt động cung cấp như đàm thoại, hoạt động nghệ thuật. Khi tổ chức đàm thoại nên tạo cơ hội cho trẻ được nói lên suy nghĩ của chúng về giá trị lao động của người lớn, các biện pháp người lớn đã sử dụng nhằm mục đích bảo vệ môi trường, liên hệ với hành vi thường ngày của trẻ.

#### - Tham quan các công trình văn hoá

Ở thành phố và nông thôn đều có các di tích lịch sử và công trình văn hoá có thể lựa chọn làm địa điểm tham quan cho trẻ. Giáo dục môi trường qua tham quan các địa điểm này nhằm hướng đến những giá trị của hoạt động của con người qua các thế hệ cắn truyền lại cho trẻ, đồng thời kích thích trẻ mong muốn theo gương người lớn, các bạn nhỏ thực hiện những hành vi bảo tồn các giá trị văn hoá của dân tộc phù hợp với lứa tuổi.

Quá trình tham quan được bắt đầu từ đàm thoại với trẻ về mục đích tham quan và nhắc nhở trẻ các yêu cầu đối với khách tham quan. Phần chính của tham quan là quan sát có hướng dẫn kết hợp với đàm thoại nhằm làm rõ những điều trẻ quan sát được. Do hạn chế của trẻ nhỏ về nhận thức và sức khoẻ nên giới hạn nội dung tham quan ở một số vấn đề chính và phù hợp với trẻ. Phần cuối tham quan nên dành thời gian cho trẻ được quan sát tự do theo hứng thú cá nhân hoặc theo nhóm.

#### 5.2.5. Giáo dục môi trường thông qua sinh hoạt hàng ngày

a) Ý nghĩa của chế độ sinh hoạt hàng ngày đối với việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

Giáo dục môi trường là nhằm giáo dục trẻ có nhận thức đúng về môi trường, có kỹ năng nhận biết và giải quyết các vấn đề môi trường trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy đây là hình thức quan trọng để giáo dục môi trường cho trẻ. Cuộc sống hàng ngày của trẻ là phương tiện tốt nhất để giáo dục môi trường vừa là nơi

để xác định hiệu quả giáo dục môi trường. Tổ chức chế độ sinh hoạt cũng chính là tổ chức cuộc sống hằng ngày của trẻ. Vì vậy, nếu chúng ta biết tổ chức cuộc sống của trẻ như một chỉnh thể, nhằm phát triển trẻ theo phương hướng và mục tiêu mà xã hội đòi hỏi thì có thể sử dụng chính cuộc sống đó nhằm giáo dục trẻ em nói chung, giáo dục môi trường cho trẻ nói riêng.

Cuộc sống của chúng ta luôn vận động và phát triển không ngừng. Trong đó, cái truyền thống luôn được lưu giữ lại từ thế hệ này qua thế hệ khác, cái hiện tại được con người nhận biết dễ dàng vì đã và đang trải nghiệm, còn cái cần thiết cho xã hội tương lai cũng bắt đầu xuất hiện. Các vấn đề môi trường cũng xuất hiện từ thực tiễn cuộc sống của chúng ta. Do vậy, cần phải dựa vào cuộc sống của chính bản thân trẻ để xác định nội dung giáo dục môi trường và dựa vào các hoạt động, sinh hoạt hằng ngày của trẻ để xác định biện pháp tổ chức giáo dục môi trường cho phù hợp với nhận thức và khả năng của trẻ.

Giáo dục môi trường phải dựa trên quan điểm nhân đạo trong giáo dục. Trong đó, con người trong cuộc sống hằng ngày phải học cách cư xử nhân đạo với môi trường xung quanh. Đó là cách ứng xử “sống hài hòa với thiên nhiên” của con người với tư cách là một “công dân sinh thái” của Trái Đất.

### b) Xác định nội dung giáo dục môi trường qua sinh hoạt hằng ngày

Xác định nội dung giáo dục môi trường qua sinh hoạt hằng ngày dựa vào nội dung các hoạt động và sinh hoạt của trẻ. Do vậy, cần phải phân tích cuộc sống của trẻ thành các hoạt động, các mối quan hệ. Từ đó, xác định các việc làm, các cách cư xử đối với môi trường xung quanh.

Cuộc sống của trẻ ở trường mầm non được bắt đầu từ hoạt động đón trẻ và kết thúc bằng hoạt động trả trẻ. Trình tự các hoạt động hằng ngày diễn ra liên tục như sau:

- Đón trẻ.
- Hoạt động buổi sáng (gồm các hoạt động học tập, vui chơi, ngoài trời).
- Ăn trưa.
- Ngủ trưa.
- Vệ sinh - ăn.
- Hoạt động buổi chiều.
- Trả trẻ.

Dựa vào trình tự các hoạt động và sinh hoạt hằng ngày của trẻ để phân tích từng hoạt động của trẻ. Cần phải xác định, trong mỗi hoạt động, trẻ phải làm gì,

cư xử như thế nào, hành động ra sao... Từ đó, sẽ xác định nội dung giáo dục môi trường cần thực hiện khi tổ chức các hoạt động và sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non.

Ví dụ: Hoạt động “Đón trẻ”.

Trong hoạt động đón trẻ, trẻ phải tham gia vào các công việc như: đến lớp cắn chào cô giáo, cha mẹ, các bạn; cất đồ dùng cá nhân (quần áo, giày dép) vào nơi quy định; chơi tự do với các đồ dùng đồ chơi trong lớp; tập trung điểm danh, thể dục sáng ngoài sân; trò chuyện với cô giáo trong lớp.

Như vậy, trong hoạt động này có thể định hướng các nội dung giáo dục môi trường sau đây:

- Hình thành ở trẻ kĩ năng quan tâm đến môi trường sạch đẹp trong lớp học: biết cất quần áo, giày dép vào nơi quy định, lấy đồ chơi, giữ gìn đồ chơi và chơi xong biết cất vào vị trí quy định...
- Hình thành ở trẻ kĩ năng quan tâm đến môi trường sạch đẹp ở sân trường: không vứt rác ra sân, nhặt rác, lá trên sân, không ngắt hoa, lá trên sân trường...
- Kĩ năng phân tích và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường: tham gia tích cực vào đàm thoại về những nội dung có liên quan đến giáo dục môi trường phù hợp với các chủ điểm và tình huống cụ thể: về khí hậu thời tiết, về sự cần thiết phải chăm sóc và bảo vệ động, thực vật khi thời tiết thay đổi (nóng quá, lạnh quá), về các phương tiện giao thông trên đường đi đến trường và sự ô nhiễm môi trường...

Với mỗi hoạt động sinh hoạt của trẻ diễn ra trong ngày, giáo viên đều có thể phân tích thành các việc làm mà trẻ cần thực hiện. Qua đó, xác định các việc làm giáo dục môi trường được trẻ thực hiện thông qua các hoạt động sinh hoạt đó. Làm như vậy, sẽ không bỏ sót các việc làm giáo dục môi trường cần giáo dục trẻ và giáo viên sẽ chủ động hơn trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ.

*c) Tổ chức giáo dục môi trường thông qua sinh hoạt hằng ngày*

Giáo dục môi trường thông qua chế độ sinh hoạt hằng ngày là giáo dục trẻ có thói quen giữ gìn và bảo vệ môi trường sống. Do vậy, quá trình giáo dục phải trải qua các giai đoạn, bắt đầu từ việc nhận biết các vấn đề môi trường này sinh trong cuộc sống hằng ngày, đến việc hình thành kĩ năng, thói quen bảo vệ môi trường. Việc giáo dục môi trường cho trẻ qua sinh hoạt hằng ngày được tiến hành theo các bước sau:

– Bước 1: Định hướng trẻ vào mẫu hành vi bảo vệ môi trường trong cuộc sống thực

Đây là những hành vi giữ gìn và bảo vệ môi trường của người lớn (ông bà, bố mẹ, anh chị, cô giáo...) - những người gần gũi xung quanh trẻ, những bạn trong lớp. Với nhận thức còn hạn chế của lứa tuổi, trẻ mẫu giáo thường không để ý hoặc không phân biệt rõ các hành vi đúng, sai. Do vậy, người lớn cần chỉ cho trẻ thấy các gương hành vi tốt trong cuộc sống và khuyến khích trẻ bắt chước làm theo. Để giúp trẻ định hướng vào các hành vi đúng trong việc bảo vệ môi trường cần sử dụng các biện pháp khen thưởng kịp thời. Ngợi khen trẻ khi chúng có hành vi quan tâm bảo vệ môi trường chính là biện pháp giúp trẻ nhận ra hành vi đúng trong cuộc sống và nó còn tạo ra xúc cảm tích cực ở chúng, tạo ra nhu cầu, mong muốn bắt chước các hành vi đó.

– Bước 2: Tổ chức cho trẻ luyện tập hành vi bảo vệ môi trường trong cuộc sống hằng ngày

Cần tạo điều kiện cho trẻ có nhiều cơ hội để luyện tập hành vi giữ gìn và bảo vệ môi trường trong cuộc sống hằng ngày (trong lúc ăn uống, vệ sinh cá nhân, các hoạt động khác...). Trong quá trình luyện tập, cần tạo hứng thú và duy trì hứng thú cho trẻ, hướng dẫn trẻ thực hiện các hành động đúng, làm gương cho trẻ noi theo, kiểm tra việc thực hiện của trẻ, không nên giục giã, phải kiên trì và tạo tâm thế tốt cho trẻ.

– Bước 3: Chuyển nội dung giáo dục môi trường thành yêu cầu của nếp sống hằng ngày

Để giúp trẻ có thói quen giữ gìn và bảo vệ môi trường trong cuộc sống hằng ngày cần phải làm cho nội dung giáo dục môi trường trở thành tiêu chuẩn của cuộc sống, yêu cầu của hoạt động và các quan hệ hằng ngày của trẻ. Do vậy, khi tổ chức cũng như khi đánh giá hoạt động và sinh hoạt của trẻ, cần cho trẻ thấy việc thực hiện hành vi bảo vệ môi trường là cần thiết và là một tiêu chuẩn đánh giá hoạt động của trẻ. Ngoài ra, có thể sử dụng các tài liệu trực quan để mô hình hoá nội dung đánh giá hành vi của trẻ và sử dụng chúng làm điểm tựa để giúp trẻ tự kiểm tra, đánh giá hành vi của bản thân và tự điều chỉnh hành vi của chúng trong sinh hoạt hằng ngày. Giáo viên phải quan tâm đánh giá hành vi bảo vệ môi trường của trẻ và trên cơ sở đó sẽ hình thành khả năng đánh giá và tự đánh giá cho trẻ. Cần làm cho việc quá trình giáo dục bảo vệ môi trường thông qua chế độ sinh hoạt hằng ngày phải trở thành quá trình tự giáo dục của trẻ.

## 6. Điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

### 6.1. Cơ sở xác định điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

Quá trình giáo dục nói chung, giáo dục môi trường cho trẻ nói riêng hiện nay được quan niệm là quá trình phát triển của trẻ em bắt đầu từ một cá thể khi sinh ra đến khi trở thành một nhân cách phát triển toàn diện. Trong quá trình phát triển thành người đó, trẻ phải tiếp xúc với môi trường tự nhiên, xã hội xung quanh, học cách thích ứng với nó thông qua việc khám phá các sự vật, hiện tượng và các mối quan hệ xung quanh trẻ. Sự trợ giúp của người lớn là cần thiết để giúp trẻ có thể vượt qua các khó khăn trở ngại luôn sinh trong cuộc sống và tạo ra các cơ hội cho sự phát triển của trẻ với chất lượng cao hơn. Việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non chịu ảnh hưởng trực tiếp của các đối tượng có liên quan mật thiết với nhau là: trẻ và tập thể trẻ; môi trường vật chất; giáo viên; phụ huynh.

*Thứ nhất*, trẻ mầm non và tập thể trẻ (nhóm trẻ, cả lớp) với tư cách là chủ thể của quá trình giáo dục môi trường phải thể hiện vai trò tích cực của mình trong các hoạt động và sinh hoạt.

*Thứ hai*, môi trường với tư cách là phương tiện được sử dụng để giáo dục môi trường cho trẻ.

*Thứ ba*, giáo viên giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường ở trường mầm non và định hướng, hỗ trợ giáo dục môi trường cho trẻ mầm non ở gia đình.

*Thứ tư*, các bậc phụ huynh là lực lượng quan trọng phối hợp với giáo viên để triển khai các hoạt động giáo dục môi trường có hiệu quả.

Mối quan hệ này được thể hiện thông qua sơ đồ sau:



## **6.2. Các điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ mầm non**

### **6.2.1. Điều kiện về trẻ và tập thể trẻ**

Để trở thành chủ thể của quá trình giáo dục, thể hiện tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình giáo dục môi trường, cần có các điều kiện về trẻ và tập thể trẻ.

Trước hết, trẻ phải được chăm sóc và nuôi dưỡng tốt để chúng có sức khoẻ, phát triển thể chất cân đối, ít bị bệnh tật, tạo cho chúng luôn có trạng thái thoái mái về tinh thần. Đây là điều kiện tiên quyết giúp trẻ có thể tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Trẻ cũng cần được cung cấp vốn tri thức, kỹ năng nhất định cần thiết để tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường ở trường mầm non. Muốn trở thành chủ thể tích cực trong quá trình tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, bản thân trẻ phải luôn tích cực trong các hoạt động diễn ra hàng ngày ở trường mầm non như vui chơi, học tập, lao động, sinh hoạt hàng ngày.

Phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể trẻ trong quá trình triển khai các hoạt động nói chung, hoạt động giáo dục môi trường nói riêng.

Về phía trẻ, bản thân trẻ phải có quan hệ tốt với mọi người xung quanh và chịu ảnh hưởng của dư luận “tập thể” trong việc điều khiển hành vi bảo vệ môi trường.

Về phía tập thể trẻ, cần tạo được một tập thể đoàn kết, nhất trí và tập thể phải trở thành chỗ dựa cho mỗi trẻ khi rơi vào tình huống xung đột hoặc phải đấu tranh với bản thân khi có mâu thuẫn trong chính bản thân trẻ.

### **6.2.2. Điều kiện về giáo viên**

Giáo viên mầm non không những là người trực tiếp tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non mà còn là người chuẩn bị các phương tiện giáo dục môi trường cho trẻ. Để việc giáo dục môi trường có hiệu quả, cần có các yêu cầu sau về giáo viên:

- Về tri thức: Giáo viên cần có khối lượng tri thức phong phú về mọi lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội, hiểu được quy luật phát triển của nó; biết giải thích đúng (theo quan điểm duy vật) mối quan hệ giữa sự vật, hiện tượng diễn ra trong tự nhiên, nhất là ở địa phương mình (nắm bắt được những thay đổi diễn ra trong vùng, biết xác định thời tiết, sự phát triển của động, thực vật và biết có thể tìm kiếm chúng ở đâu khi muốn tổ chức cho trẻ quan sát...). Giáo viên cần nắm được đặc điểm tâm sinh lí của trẻ để xác định nội dung, phương pháp giáo dục môi trường phù hợp với chúng.

– Về kĩ năng: Việc giáo dục môi trường hướng tới hình thành thái độ và hành động tích cực của trẻ trong việc chăm sóc, giữ gìn và bảo vệ môi trường ở trường mầm non (động vật, thực vật, các đồ vật...). Do vậy, giáo viên mầm non cần phải biết cách bố trí góc tự nhiên cho hợp lí, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển của động thực vật, giống như môi trường sống thực của nó trong tự nhiên. Ngoài ra, giáo viên cần nắm được các biện pháp trồng cây, gieo hạt, chăm sóc cây và động vật trong góc tự nhiên và trong vườn trường...

Giáo viên phải có kĩ năng khai thác nội dung giáo dục môi trường trong chương trình giáo dục mầm non, phối hợp sử dụng các biện pháp giáo dục môi trường phù hợp với nội dung, hoạt động, lứa tuổi; có kĩ năng nhanh chóng nắm bắt mức độ phát triển của trẻ để trợ giúp trẻ kịp thời trong các tình huống cụ thể với mỗi trẻ riêng biệt.

– Về thái độ: Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non đòi hỏi sự gương mẫu của giáo viên. Sự gương mẫu của giáo viên trước trẻ được thể hiện ở sự say mê, hứng thú, quan tâm đến các vấn đề diễn ra trong môi trường tự nhiên xung quanh; ở mong muốn và hiểu biết của giáo viên trong việc tìm kiếm cái đẹp tự nhiên và sự âu yếm, cảm phục nó; ở sự nắm bắt các biện pháp bảo vệ và giữ gìn môi trường...

#### 6.2.3. Điều kiện về cơ sở vật chất

Hiệu quả của việc giáo dục môi trường phụ thuộc vào các phương tiện mà nhà giáo dục sử dụng. Cần phải xem xét các phương tiện này ở khía cạnh tính đa dạng và tiềm năng của nó trong việc giải quyết các nhiệm vụ giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non. Bao gồm các phương tiện sau:

– Môi trường tự nhiên xung quanh trẻ: Đó là các loài động, thực vật xung quanh trẻ, là các yếu tố tự nhiên vô sinh, các hiện tượng thiên nhiên... Các sự vật hiện tượng này càng phong phú, đa dạng thì trẻ càng có cơ hội tiếp cận nhiều với chúng và càng thêm hiểu biết về chúng.

– Hiện thực xã hội xung quanh trẻ: Hiện thực xã hội chứa đựng những điều cần thiết về việc bảo vệ môi trường. Chức năng chính của nó là chỉ cho trẻ thấy gương hành vi bảo vệ môi trường của mọi người trong xã hội. Là một thành viên của xã hội, trẻ sẽ tích luỹ được kinh nghiệm xã hội, hiểu được vị trí của mình và tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với khả năng

– Các phương tiện nghệ thuật: Văn học, tạo hình... Các tác phẩm văn học là nguồn gốc của tri thức và tình cảm cho trẻ về việc bảo vệ môi trường. Để văn học

trở thành phương tiện giáo dục môi trường cho trẻ, khi lựa chọn nội dung các tác phẩm văn học cần chú ý: Ánh hưởng của văn học đến lĩnh vực xúc cảm; tính thông tin cao của các tác phẩm văn học, các thể loại (truyện, thơ, tranh...); chú ý đến khả năng lĩnh hội các tác phẩm văn học của trẻ... Nghệ thuật tạo hình: Có tác dụng: đào sâu, mở rộng biểu tượng của trẻ về môi trường xung quanh. Các tác phẩm tạo hình của các họa sĩ nổi tiếng không chỉ cung cấp thông tin cho trẻ về một sự vật, hiện tượng nào đó mà còn tác động đến tâm hồn, tình cảm của trẻ nhỏ, hình thành ở chúng những tình cảm cao đẹp. Đây chính là cơ sở để giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho trẻ.

#### 6.2.4. Điều kiện về gia đình

Việc giáo dục môi trường trong sinh hoạt hàng ngày không chỉ thực hiện ở trường mầm non, nó cần được trẻ tiếp tục thực hiện lúc ở nhà. Vì vậy, quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non cần có sự phối hợp chặt chẽ với gia đình để thống nhất yêu cầu, nội dung, phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ. Việc phối hợp giáo dục có thể tiến hành trong thời gian đón và trả trẻ, trong các cuộc họp phụ huynh theo định kì hoặc có thể tổ chức các chuyên đề giáo dục môi trường cho phụ huynh.

### CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Giải thích cơ sở xác định nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.
2. Xác định nội dung giáo dục môi trường từ các chủ đề cụ thể trong chương trình giáo dục trẻ mầm non.
3. Phân tích đặc điểm sử dụng và ưu thế của các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non trong quan hệ với mục tiêu giáo dục môi trường cho trẻ.
4. Lựa chọn và phối hợp sử dụng các phương pháp giáo dục môi trường trong quá trình tổ chức một hoạt động cụ thể cho trẻ ở trường mầm non.
5. Thiết kế các hoạt động giáo dục ở trường mầm non với mục đích giáo dục môi trường.
6. Xác định điều kiện giáo dục môi trường cần thiết để tiến hành một hoạt động cụ thể ở trường mầm non.
7. Thực hành tổ chức giáo dục môi trường thông qua các hoạt động cơ bản của trẻ ở trường mầm non.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

---

### A. Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Kí yếu Hội thảo Giáo dục bảo vệ môi trường trong giáo dục mầm non*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Tài liệu tập huấn Giáo dục bảo vệ môi trường cho giảng viên Khoa Mầm non trong các trường Đại học và Cao đẳng sư phạm*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Khoa học môi trường và giáo dục môi trường*, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Thiết kế mẫu một số môđun giáo dục môi trường ở trường phổ thông*, Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và DANIA, dự án VIE/98/018, Hà Nội.
5. Các hướng dẫn chung dành cho người đào tạo giáo viên và các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường (1993), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường (1995), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Hoà (2009), *Giáo dục học mầm non*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
8. Lê Văn Khoa (1995), *Môi trường và ô nhiễm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Luật Môi trường (1994), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Hoàng Đức Nhuận (1998), *Tài liệu hướng dẫn về giáo dục môi trường ở mẫu giáo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân (2008), *Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Hoàng Thị Phương (2005), *Giáo dục môi trường ở trường mầm non*. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non (theo Dự án VIE/98/019, năm 2003).
13. Hoàng Thị Phương (2008), *Khai thác nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong chương trình giáo dục trẻ MN*, Tạp chí Giáo dục, số 191, tr. 56 - 58.
14. Hoàng Thị Phương (2008), *Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
15. Dương Hữu Thời (1998), *Cơ sở sinh thái học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

16. Nguyễn Hoàng Trí (2000), *Sinh thái nhân văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
17. Lê Thanh Vân (2004), *Con người và môi trường*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
18. Việc Chiến lược và Chương trình giáo dục (2005), *Đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ em theo hướng tích hợp chủ đề*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

#### B. Tài liệu tiếng Anh

1. Darlene S. H., Bonnie M. F. (1990), *Resources for Creative Teaching in Early Childhood Education, 2nd Edition*, (Part I, II, III), HBJ Harcourt Brace Jovanovich, Publishers, Orlando, Florida.
2. Janice J. Beaty (1996), *Preschool Appropriate Practices*, Harcourt Brace College Publishers, U.S.A.
3. Nurturing early learners, *Environmental Awareness*, Published by Pre-school Unit Ministry of Education, Singapore
4. Sylvia C. Chard, PhD. (1998), *The Project Approach*, (Part I, II) Published by Scholastic Inc, U.S.A
5. Ryan.F and Ray.S (1991). *The Environment book: Activities and Ideas for Environmental Education*. Macmillan Comp, Australia.

#### C. Tài liệu tiếng Nga

1. Веретеникова, С.А (1980), Ознакомление дошкольников С природой, М. Просвещение.
2. Козлова, С.А (1998), Теория и методика ознакомления дошкольников С социальной действительностью. М. Академия.
3. Николаева, С. Н (1998), экологическое воспитание дошкольников М. Академия.
4. Золотова Е. И (1982), Ознакомим дошкольников С миром животных, М. Просвещение.
5. Дрязгунова В. А. (1981), Дидактические игры С расчениями. М. Просвещение.

### QUYẾT ĐỊNH

#### VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN "Đưa CÁC NỘI DUNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀO HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN"

#### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
- Thực hiện Chỉ thị số 36 CT/TW ngày 25 tháng 6 năm 1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tờ trình số 7839/KHCN ngày 07 tháng 8 năm 2001

#### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án "Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân" với những nội dung chính sau đây:

##### 1. Mục tiêu của đề án

a) Giáo dục học sinh, sinh viên các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân có hiểu biết về pháp luật và chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường; có kiến thức về môi trường để tự giác thực hiện bảo vệ môi trường.

b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy, giáo viên, cán bộ nghiên cứu khoa học công nghệ và cán bộ quản lý về bảo vệ môi trường.

##### 2. Nội dung, phương thức giáo dục đào tạo về bảo vệ môi trường

###### a) Nội dung, phương thức giáo dục bảo vệ môi trường

Nội dung giáo dục bảo vệ môi trường phải bao đảm tính giáo dục toàn diện:

- Đối với giáo dục mầm non: Cung cấp cho trẻ em hiểu biết ban đầu về môi trường sống của bản thân nói riêng và con người nói chung, biết cách sống tích cực với môi trường, nhằm bao đảm sự phát triển lành mạnh về cơ thể và trí tuệ.

– Đối với giáo dục tiểu học: Trang bị những kiến thức cơ bản phù hợp với độ tuổi và tâm sinh lí của học sinh về các yếu tố môi trường, vai trò của môi trường đối với con người và tác động của con người đối với môi trường; giáo dục cho học sinh có ý thức trong việc bảo vệ môi trường; phát triển kỹ năng bảo vệ và gìn giữ môi trường.

– Đối với giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông: Trang bị những kiến thức về sinh thái học, mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên; trang bị và phát triển kỹ năng bảo vệ và gìn giữ môi trường, biết ứng xử tích cực với môi trường sống xung quanh.

Việc giáo dục bảo vệ môi trường chủ yếu thực hiện theo phương thức khai thác triệt để tri thức về môi trường hiện có ở các môn học trong nhà trường. Nội dung giáo dục bảo vệ môi trường còn được thực hiện ngoài nhà trường dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường cho toàn cộng đồng.

### b) Nội dung, phương thức đào tạo cán bộ bảo vệ môi trường

Nội dung chính để đào tạo cán bộ về bảo vệ môi trường bao gồm: Những kiến thức cơ bản liên quan đến môi trường, kỹ năng nắm bắt các vấn đề môi trường, kỹ năng dự báo, phòng ngừa và giải quyết những sự cố môi trường và những nội dung cần thiết về pháp luật bảo vệ môi trường.

Việc đưa các nội dung trên vào chương trình đào tạo cán bộ bảo vệ môi trường phải căn cứ vào đặc điểm ngành nghề, trình độ đào tạo để thiết kế chương trình và môn học. Phải khai thác các tri thức về môi trường hiện có ở các môn học. Đối với một số ngành đào tạo có thể biên soạn nội dung về bảo vệ môi trường thành những môn học riêng.

## 3. Các hoạt động thực hiện đề án

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các dự án thành phần sau đây:

a) Xây dựng chương trình; giáo trình, bài giảng về giáo dục bảo vệ môi trường cho các bậc học, cấp học và các trình độ đào tạo.

b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về bảo vệ môi trường.

c) Tổ chức chỉ đạo việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và quản lý về lĩnh vực môi trường để bảo đảm nguồn nhân lực cho việc nghiên cứu, quản lý, thực hiện công nghệ bảo vệ môi trường, phát triển bền vững đất nước.

d) Tăng cường cơ sở vật chất cho việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ bảo vệ môi trường trong các trường học.

d) Thông tin giáo dục về bảo vệ môi trường trong nước, khu vực và trên thế giới.

#### **4. Kinh phí thực hiện đề án**

a) Vốn ngân sách nhà nước: Chi thường xuyên cho sự nghiệp giáo dục -đào tạo, khoa học, công nghệ và môi trường; chi đầu tư phát triển; vốn vay và nguồn viện trợ của nước ngoài.

b) Các nguồn vốn khác: Thông qua các hợp đồng, hợp tác, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

#### **5. Thời gian thực hiện đề án:** Từ năm 2001 đến hết năm 2005

Điều 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng các dự án cụ thể đưa vào kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm; chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện các dự án.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính bố trí kế hoạch ngân sách nhà nước 5 năm và hàng năm chỉ cho việc thực hiện đề án theo đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ  
PHÓ THỦ TƯỚNG

**Phạm Gia Khiêm**

## CHỈ THỊ

### VỀ VIỆC TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường là một vấn đề sống còn của đất nước, của nhân loại. Bảo vệ môi trường nói chung và giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường nói riêng đã được Đảng, Nhà nước quan tâm từ nhiều năm nay và đã có một số chủ trương, biện pháp giải quyết các vấn đề môi trường.

Trong những năm vừa qua, thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 17/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân", Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, đặc biệt Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục trong cả nước tổ chức triển khai các nhiệm vụ về giáo dục bảo vệ môi trường và thực hiện tốt các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường. Nhiều nội dung bảo vệ môi trường đã được thực hiện ở các cơ sở giáo dục, bước đầu đạt được những kết quả nhất định. Các nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động như: tuyên truyền thông tin về môi trường, xây dựng môi trường giáo dục xanh - sạch - đẹp; tổ chức thành công một số cuộc thi viết, vẽ, thi văn nghệ về chủ đề bảo vệ môi trường...

Tuy nhiên, công tác giáo dục bảo vệ môi trường trong thời gian qua chưa làm cho học sinh, sinh viên hiểu biết sâu sắc, đầy đủ về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, cũng như các kiến thức về môi trường để tự giác thực hiện. Việc giáo dục bảo vệ môi trường chưa được triển khai một cách thống nhất và rộng khắp trong cả nước.

Nhằm tiếp tục quán triệt Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị, Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 17/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các cấp quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục tập trung chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

## **1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và nhiệm vụ giáo dục bảo vệ môi trường**

Tăng cường quán triệt Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị, Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 17/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị, nhằm nhận thức đầy đủ giáo dục bảo vệ môi trường là nhiệm vụ quan trọng của ngành giáo dục và đào tạo, từ đó có các giải pháp hữu hiệu để triển khai giáo dục bảo vệ môi trường là nhiệm vụ quan trọng của ngành giáo dục, từ đó có các giải pháp hữu hiệu để triển khai giáo dục bảo vệ môi trường ở tất cả các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực bảo vệ môi trường trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

## **2. Thực hiện các mục tiêu giáo dục và đào tạo về bảo vệ môi trường nêu trong Quyết định số 1363/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

a) Giáo dục học sinh, sinh viên các cấp học, bậc học, trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân hiểu biết sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường; có kiến thức về môi trường để tự giác thực hiện.

b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ nghiên cứu khoa học công nghệ và cán bộ quản lý về bảo vệ môi trường.

## **3. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến năm 2010**

Nhiệm vụ trọng tâm công tác giáo dục bảo vệ môi trường của ngành giáo dục và đào tạo từ nay đến năm 2010 là triển khai thực hiện Đề án "Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân". Để thực hiện tốt nhiệm vụ quan trọng này, toàn ngành cần tập trung vào các nhiệm vụ sau:

a) Đối với giáo dục mầm non: Hình thành cho trẻ những hiểu biết đơn giản về cơ thể, về môi trường sống của bản thân nói riêng và con người nói chung, biết giữ gìn sức khỏe bản thân, có hành vi ứng xử phù hợp để bảo vệ môi trường, sống thân thiện với môi trường nhằm đảm bảo phát triển lành mạnh về cơ thể và trí tuệ.

b) Đối với giáo dục phổ thông: Trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng về môi trường và bảo vệ môi trường bằng hình thức phù hợp trong các môn học và thông qua các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp.

c) Đối với giáo dục nghề nghiệp và đại học: Đảm bảo cho học sinh, sinh viên được học các kiến thức và kỹ năng về môi trường và bảo vệ môi trường; đào tạo cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý ở trình độ trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và sau đại học về các chuyên ngành môi trường để từng bước đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

d) Xây dựng chương trình khung, chương trình chi tiết, tài liệu và giáo trình về môi trường, phù hợp với từng đối tượng học sinh, sinh viên; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý các cấp.

d) Xây dựng mô hình nhà trường "xanh - sạch - đẹp" phù hợp với các vùng, miền.

e) Xây dựng và sử dụng có hiệu quả các phòng thí nghiệm hiện đại nhằm phục vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

g) Xây dựng hệ thống thông tin về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế.

#### **4. Tổ chức thực hiện**

a) Đối với cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thủ trưởng các đơn vị trong cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch thực hiện tốt các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình được phân công phụ trách, cụ thể như sau:

– Vụ Khoa học - Công nghệ là đầu mối giúp Bộ trưởng chỉ đạo thực hiện Đề án "Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân" từ nay đến năm 2010, gồm các nội dung:

+ Chủ trì tổ chức, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các dự án thuộc Đề án.

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

+ Tổ chức nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục bảo vệ môi trường.

– Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các vụ hữu quan xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý ở các trình độ để phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học về lĩnh vực môi trường.

– Vụ Giáo dục Mầm non, Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Giáo dục Trung học chỉ đạo, kiểm tra và hàng năm tổng kết đánh giá việc triển khai giáo dục bảo vệ môi

trường trong các nhà trường, có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên về giáo dục bảo vệ môi trường.

– Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp chủ trì, phối hợp với các vụ hữu quan chỉ đạo, kiểm tra và hàng năm tổng kết đánh giá việc triển khai giáo dục bảo vệ môi trường trong các trường trung học chuyên nghiệp, có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên về giáo dục bảo vệ môi trường đối với các trường trung học sư phạm.

– Vụ Đại học và Sau đại học chủ trì, phối hợp với các vụ hữu quan chỉ đạo các đại học, học viện, viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng tiến hành xây dựng chương trình và công tác đào tạo cán bộ ở trình độ đại học, sau đại học về lĩnh vực môi trường; phối hợp chỉ đạo các trường đại học sư phạm, các khoa sư phạm thuộc các trường đại học, các trường cao đẳng sư phạm thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên về giáo dục bảo vệ môi trường.

– Vụ Giáo dục thường xuyên chủ trì, phối hợp với các vụ hữu quan chỉ đạo, kiểm tra việc giáo dục bảo vệ môi trường ở các cơ sở giáo dục không chính quy.

– Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục chủ trì, phối hợp với các vụ hữu quan tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu theo hướng lồng ghép, tích hợp các nội dung bảo vệ môi trường đưa vào giảng dạy trong các nhà trường.

– Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các vụ hữu quan tổ chức xây dựng, chỉ đạo triển khai các dự án hợp tác quốc tế về giáo dục bảo vệ môi trường.

– Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với vụ hữu quan tổ chức công tác phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường ở các cơ sở giáo dục.

– Vụ Công tác học sinh, sinh viên chủ trì, phối hợp với các vụ hữu quan chỉ đạo, kiểm tra việc nâng cao nhận thức, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các hoạt động ngoại khóa về bảo vệ môi trường góp phần đẩy mạnh công tác giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh, sinh viên.

– Thanh tra chịu trách nhiệm tổ chức thanh tra định kì việc dạy, học và các hoạt động khác về giáo dục bảo vệ môi trường ở các cơ sở giáo dục.

– Trung tâm Tin học chủ trì, phối hợp với một số trường đại học và cơ sở đào tạo triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động trang thông tin (website) về giáo dục bảo vệ môi trường để kết nối chung vào mạng giáo dục.

– Văn phòng chủ trì, phối hợp với các vụ hữu quan tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền về giáo dục bảo vệ môi trường.

– Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức kiểm tra chất lượng giáo dục tổ chức kiểm tra chất lượng giáo dục về giáo dục bảo vệ môi trường ở các cơ sở giáo dục.

b) Đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo

– Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong Chỉ thị này đối với các nhà trường thuộc địa phương mình (tỉnh, thành phố); xây dựng và triển khai chương trình hành động về giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường của địa phương từ nay đến năm 2010; định kì báo cáo kết quả triển khai về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Khoa học - Công nghệ) vào cuối quý II hàng năm.

– Các Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục ở địa phương cần phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, với Tỉnh, Thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan trong việc triển khai nhiệm vụ giáo dục bảo vệ môi trường.

c) Đối với các đại học, học viện, viện, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp

Giám đốc các đại học, học viện, viện, hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh, sinh viên và nhiệm vụ được giao về đào tạo cán bộ trong lĩnh vực môi trường, đảm bảo về số lượng và chất lượng; triển khai việc nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; định kì báo cáo kết quả triển khai về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Khoa học - Công nghệ) vào cuối quý II hàng năm.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các cấp quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục trong toàn ngành quán triệt nội dung chỉ thị này đến mọi thành viên và nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ đề ra trong Chỉ thị. Trong quá trình triển khai có gì vướng mắc, đề nghị báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo để kịp thời xử lý, hướng dẫn thực hiện.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Minh Hiển

